



VINATEX

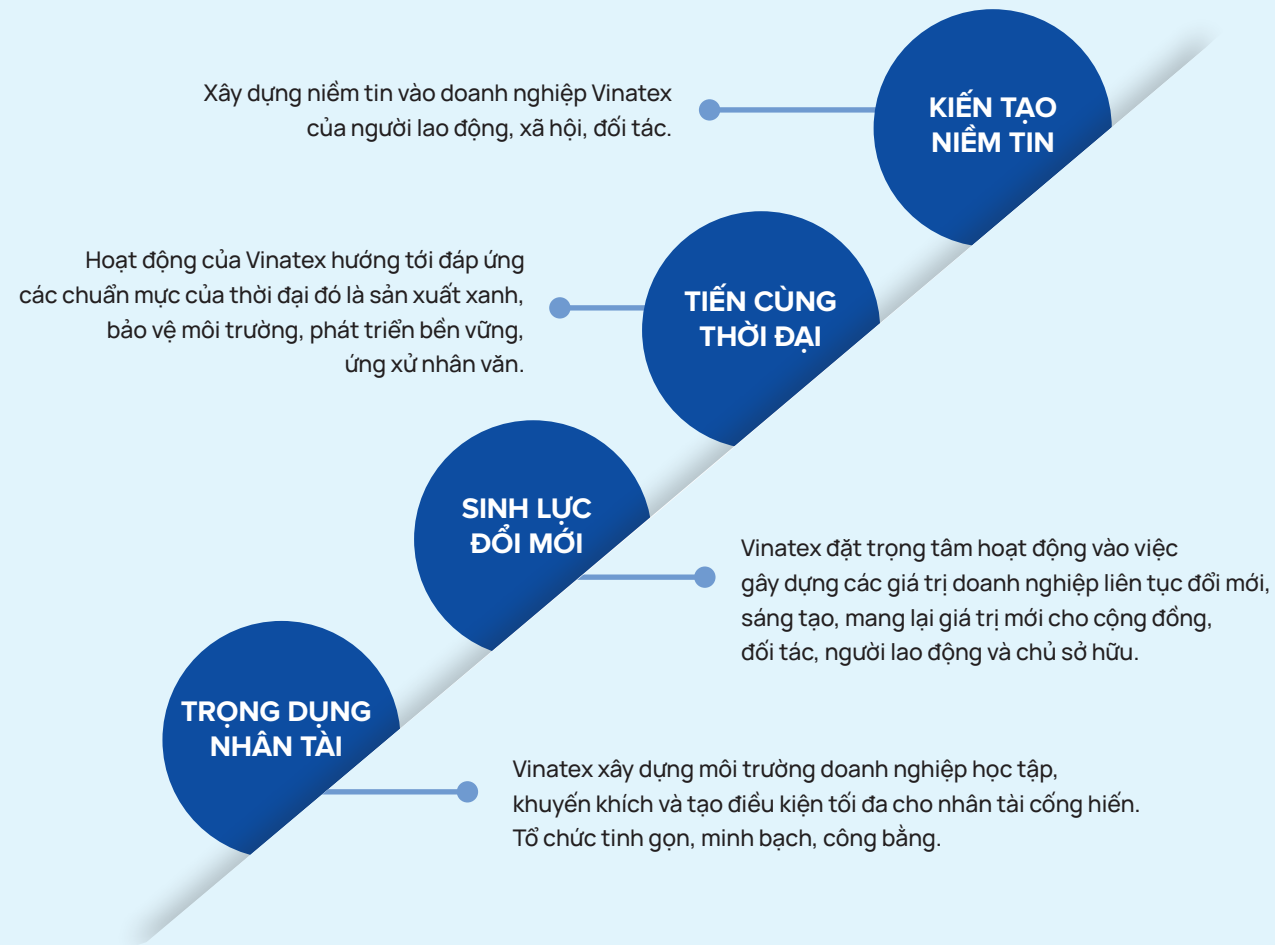
**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**

KIẾN TẠO NIỀM TIN

TIẾN CÙNG THỜI ĐẠI

SINH LỰC ĐỔI MỚI

TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**



MỤC LỤC

I.	THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VINATEX	6
II.	TỔNG QUAN VINATEX	10
	1. Tổng quan về Tập đoàn	13
	2. Thông tin về tổ chức và nhân sự	14
	3. Các dấu mốc nổi bật	24
	4. Lĩnh vực, năng lực sản xuất kinh doanh chính	26
	5. Top 10 sự kiện tiêu biểu Vinatex năm 2022	28
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	30
	1. Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị	32
	2. Báo cáo Quản trị rủi ro	38
	3. Báo cáo Ban Kiểm soát	41
	4. Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành	45
	5. Báo cáo tình hình thị trường năm 2022 và triển vọng năm 2023	50
	6. Hợp đồng, giao dịch giữa Vinatex với người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ	56
IV.	QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ	58
V.	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	62
	1. Chính sách liên quan đến người lao động	66
	2. Hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững, thân thiện môi trường	68
	3. Chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất	71
	4. Các hoạt động cộng đồng, an sinh tiêu biểu	76
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	78



CHƯƠNG **I**

**THÔNG DIỆP CỦA
CHỦ TỊCH HĐQT VINATEX**

I. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các đơn vị đối tác!

Trong 3 năm qua, cùng với cả thế giới, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) đã trải qua những thử thách chưa từng có. Tuy nhiên, chính trong thời gian này, dưới áp lực “sống còn” với doanh nghiệp (DN), chúng ta lại có nhiều bước tiến quan trọng, không chỉ đem lại kết quả tài chính tốt nhất 27 năm qua mà quan trọng hơn chúng ta đã có những thay đổi về chất trong mô hình sản xuất kinh doanh.

Về tỷ suất lợi nhuận hợp nhất trên vốn điều lệ, chúng ta đã cải thiện từ mức 8% trước cổ phần hoá, 13,5% trong nhiệm kỳ đầu Tập đoàn cổ phần (2015-2020) lên mức trên 26% trong 2 năm 2021, 2022. Biên lợi nhuận hợp nhất trên doanh thu được cải thiện từ 3,5% giai đoạn 2015-2020 lên 8,5% năm 2021. Năm 2022, thu nhập bình quân của người lao động đạt gần 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021, mức tăng cao nhất từ năm 2015 đến nay. Sự liên kết hữu cơ giữa các DN trong Tập đoàn, việc thực hiện quy hoạch chiến lược phát triển của các công ty Tập đoàn chi phối một cách bài bản, tập trung với mục tiêu tạo ra sức mạnh tổng hợp đã từng bước tạo năng lực cạnh tranh cấp Tập đoàn. Các khách hàng, đối tác và cả người lao động đã nhìn nhận rõ hơn sức mạnh chung của cả Tập đoàn.

Vấn đề đặt ra hiện nay là làm thế nào phát huy đà phát triển đang tốt lên trong 3 năm qua để đến năm 2030, Tập đoàn thực sự mang một hình ảnh mới, một mô hình kinh doanh hiệu quả hơn, bền vững hơn. Đem lại lợi ích lâu dài cho cả cổ đông, xã hội, giữ gìn được văn hoá và truyền thống Vinatex.

Trước hết phải khẳng định, trong môi trường VUCA (volatility - biến động, uncertainty - không chắc chắn, complexity - phức tạp, ambiguity - mơ hồ), chúng ta không thể hoạch định giải pháp cụ thể chi tiết cho 5 năm - 10 năm, lúc này chia khoá thành công là liên tục dự báo và hình dung tương lai, ra quyết định - triển khai nhanh trên cơ sở của niềm tin trong toàn hệ thống. Đặc biệt, giai đoạn 2023 - 2025 kinh tế thế giới có thể rơi vào khủng hoảng, đòi hỏi phải có những quyết sách đột phá, chưa có tiền lệ để vượt qua.

Các giải pháp chủ yếu trong thời gian tới là:

***Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh doanh các mặt hàng có hiệu quả cao** thông qua tập trung đầu tư nâng cao năng lực và đổi mới ở các DN mạnh hiện có theo mô hình từng DN đầu tư, nhưng trong khu vực tập trung liên vùng. Tạo năng lực mới của từng DN nhưng trong tổng thể lại xác lập một khu vực sản xuất mới, một cụm công nghiệp mới mà Tập đoàn chi phối có quy mô đủ lớn để khai thác lợi ích kinh tế nhờ quy mô (economic of scale). Với công nghệ mới theo hướng xanh, tiết kiệm tài nguyên không tái tạo, tiết kiệm nhân lực, lựa chọn đúng sản phẩm có thể mạnh. Mục tiêu sau 10 năm đầu tư mới và đầu tư chiều sâu trình độ công nghệ toàn Tập đoàn phải ở mức tiên tiến so với các DN dệt may quy mô lớn trên thế giới.

***Số hoá quản trị:** Tốc độ không chỉ nâng lên thông qua đầu tư, mà còn trên cơ sở Tập đoàn xác lập nền tảng (platform) quản trị tiên tiến, số hoá, minh bạch, thông suốt, cùng chuẩn mực, để so sánh để các DN do Tập đoàn chi phối cùng áp dụng, đồng thời khuyến khích DN liên kết tự nguyện áp dụng. Hình thành mô hình quản trị giảm thiểu cấp trung gian, giảm hệ thống báo cáo, tăng cường giám sát theo thời gian thực, hiệu chỉnh quản lý theo chu kỳ ngắn (tuần, tháng). Mục tiêu đến trước năm 2030, toàn bộ hệ thống quản trị nằm trên một platform chung, hoàn thành số hoá quá trình quản lý và vận hành doanh nghiệp.

***Tạo ra giá trị bền vững** thông qua cam kết bảo vệ môi trường và cộng đồng. Từng bước tạo dịch chuyển trong 15 năm sang hệ thống sản xuất sạch, năm 2030 giảm phát thải 30% so với hiện nay, hướng tới không phát thải Các-bon vào năm 2050. Trước mắt đến 2030 có doanh nghiệp thuộc Tập đoàn sản xuất 100% sản phẩm xanh trong lĩnh vực nguyên liệu. Tạo lực đẩy hình thành chuỗi sản xuất xanh ODM, hướng tới xây dựng sản phẩm cuối cùng thương hiệu xanh của Vinatex.

***Tạo giá trị cho cổ đông** thông qua phát triển DN trưởng tồn là khoản đầu tư có giá trị dài hạn, có trách nhiệm với xã hội. Đồng thời có lợi ích tài chính ngắn hạn hàng năm tốt hơn hình thức tiết kiệm thông thường. Niêm yết trên thị trường chứng khoán để tăng cao thanh khoản và tính minh bạch, trách nhiệm giải trình của DN với cổ đông và các bên liên quan.

***Phát triển đội ngũ nhân viên** giỏi nghề, đủ năng lực cạnh tranh trong môi trường sáng tạo và đổi mới liên tục. Xây dựng môi trường “công ty học tập”, nhấn mạnh văn

hoá liên kết và cạnh tranh như một đội ngũ thống nhất. Hướng tới đội ngũ nhân viên tương đương các DN hàng đầu trong lĩnh vực dệt may thế giới (world class-team).

***Quan tâm và đầu tư phù hợp** tạo ra những sáng tạo mới trong sản phẩm và công nghệ. Trước mắt tập trung cho nghiên cứu phát triển các sản phẩm sợi và vải khác biệt có nhu cầu ngày càng lớn mà hiện nay Việt Nam chưa sản xuất.

Trong chủ trương chiến lược của Đảng uỷ, Tập đoàn, HĐQT Vinatex, Cơ quan Điều hành tập trung để ra cụm bốn giải pháp lớn KIẾN TẠO NIỀM TIN - TIẾN CÙNG THỜI ĐẠI - SINH LỰC ĐỔI MỚI - TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI. Theo đó, Vinatex xây dựng niềm tin vào doanh nghiệp của người lao động, xã hội, đối tác; Hoạt động của Vinatex hướng tới đáp ứng chuẩn mực của thời đại, đó là sản xuất xanh, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, ứng xử nhân văn; Vinatex đặt trọng tâm hoạt động vào việc xây dựng các giá trị doanh nghiệp liên tục đổi mới, sáng tạo, mang lại giá trị cho cộng đồng, đối tác, người lao động và chủ sở hữu; Vinatex xây dựng môi trường doanh nghiệp học tập, khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho nhân tài cống hiến; tổ chức tinh gọn, minh bạch, công bằng.

Thay mặt HĐQT và Ban Lãnh đạo Vinatex, tôi xin được gửi lời cảm ơn chân thành và tri ân sâu sắc sự quan tâm của Quý vị đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hy vọng trong thời gian tới, chúng tôi sẽ có cơ hội hợp tác và đồng hành cùng Quý vị.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Tiến Trường



VINATEX BUILDING

VINATEX BUILDING

CHƯƠNG **II**

TỔNG QUAN VINATEX



II. Thông tin chung

1. Tổng quan về Tập đoàn

-  Tên tiếng Việt: **TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM**
-  Tên tiếng Anh: **VIETNAM NATIONAL TEXTILE AND GARMENT GROUP**
-  Tên giao dịch: **VINATEX**
-  Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0100100008**
-  Vốn điều lệ: **5.000.000.000.000** đồng (Năm nghìn tỷ đồng)
-  Địa chỉ:
VP HN: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
VP HCM: 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
-  Điện thoại: (+84) 24 3825 7700
-  Fax: (+84) 24 3826 2269
-  Website: **www.vinatex.com.vn**
-  Mã cổ phiếu: **VGT**

2. Thông tin về tổ chức và nhân sự

2.1 Sơ đồ tổ chức



2.2 Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Cơ quan Điều hành

2.2.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HDQT) là cơ quan quản lý của Tập đoàn, có toàn quyền nhân danh Tập đoàn quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và/hoặc quyết định các công việc khi được ĐHCĐ giao. HDQT hiện tại gồm 05 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Lê Tiến Trường	Chủ tịch HDQT
2	Trần Quang Nghị	Phó Chủ tịch HDQT
3	Đặng Vũ Hùng	Thành viên HDQT
4	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên HDQT
5	Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HDQT

Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông LÊ TIẾN TRƯỜNG
Chủ tịch HDQT chuyên trách

Ông Lê Tiến Trường được bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Lê Tiến Trường có hơn 20 năm làm việc trong ngành Dệt May Việt Nam và có hơn 15 năm công tác tại Tập đoàn, từng giữ các chức vụ Giám đốc Điều hành, Phó Tổng Giám đốc Thường trực và đảm nhận vị trí Thành viên Hội đồng Thành viên/ Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 7/2014 - 8/2020.

Ông Lê Tiến Trường: kỹ sư cơ khí, thạc sĩ quản trị nhân lực, từng tu nghiệp sau đại học tại INSEAD (Pháp), Ashridge (Anh), AIT (Thái Lan), Harvard (Mỹ), là người được đào tạo bài bản, chuyên sâu, đặc biệt là về quản trị doanh nghiệp. Ông là người quản lý có tầm nhìn, tư duy chiến lược, khả năng nắm bắt, nhận định vấn đề và đưa ra các quyết định chỉ đạo sáng suốt trong quản lý và điều hành Tập đoàn.



Ông TRẦN QUANG NGHỊ
Phó Chủ tịch HDQT

Ông Trần Quang Nghị được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ tháng 8/2020. Ông Trần Quang Nghị có hơn 35 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May, là một người trưởng thành từ thực tế, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về ngành dệt may. Trước khi tham gia quản lý, điều hành tại Tập đoàn, ông Trần Quang Nghị là Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú - một đơn vị hàng đầu của ngành Dệt May Việt Nam. Ông đã đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Vinatex từ tháng 10/2010 - 6/2014 và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Vinatex từ tháng 1/2015 - 8/2020. Ông là người lãnh đạo, quản lý đầy nhiệt huyết, quyết liệt trong quản trị và điều hành, có nhiều đóng góp to lớn trong định hướng, chiến lược và mục tiêu phát triển của Tập đoàn.



Ông ĐẶNG VŨ HÙNG
Thành viên HDQT

Ông Đặng Vũ Hùng là Thành viên HDQT Vinatex từ tháng 1/2015. Ông Đặng Vũ Hùng là cán bộ được đào tạo chuyên sâu ngành Dệt May với học vị Tiến sỹ Công nghệ Dệt. Với hơn 20 năm công tác, ông đã đảm nhiệm các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Phong Phú, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Phó Tổng Giám đốc Vinatex, Tổng Giám đốc Vinatex. Hiện nay, ông đang đảm nhiệm chức danh Thành viên HDQT Vinatex, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH TCT Dệt May miền Bắc - Vinatex, Chủ tịch HDQT Công ty CP Quốc tế Phong Phú.



Ông VŨ HỒNG TUẤN
Thành viên HDQT

Ông Vũ Hồng Tuấn được bầu thành viên Hội đồng quản trị Vinatex từ tháng 8/2020. Ông Vũ Hồng Tuấn được đào tạo Cử nhân chuyên ngành Ngân sách nhà nước, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, đã có hơn 30 năm công tác và đảm nhiệm các vị trí: Thanh tra viên chính - Bộ Tài Chính; Trưởng ban Pháp chế, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban QL rủi ro của TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.



Ông NGUYỄN XUÂN ĐÔNG
Thành viên HDQT

Ông Nguyễn Xuân Đông được bầu thành viên Hội đồng quản trị Vinatex từ tháng 06/2021. Ông Nguyễn Xuân Đông đã có gần 30 năm kinh nghiệm trong ngành dệt may và giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Giám đốc Công ty TNHH Dệt Nhuộm Trung Thu, Giám đốc Công ty CP Nhuộm Hà Nội, Chủ tịch HDQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Len Hà Đông, Chủ tịch HDQT Công ty CP Dệt Vĩnh Phú. Thành viên HDQT Tổng Công ty CP May Nhà Bè, Thành viên HDQT Công ty CP Vinatex Đà Nẵng.

Thành viên Ban Kiểm soát



Bà TRẦN THỊ THU HẰNG
Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách

Bà Trần Thị Thu Hằng là Cử nhân Tài chính Kế toán, đã có 25 năm kinh nghiệm trong công tác Tài chính Kế toán tại các doanh nghiệp Dệt May và giữ chức vụ Phó Trưởng Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam trước khi được bầu Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn.



Bà ĐOÀN THỊ THU HƯƠNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Thu Hương là Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế, đã có trên 20 năm công tác, trong đó có 8 năm kinh nghiệm trong công tác Nguồn vốn và Pháp chế. Bà Đoàn Thị Thu Hương từng giữ chức vụ Giám đốc Nguồn vốn và Đầu tư - Công ty Tài chính Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Chuyên viên Ban Tổng hợp Pháp chế, Thư ký Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Bà NGUYỄN LÊ TRÀ MY
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Lê Trà My là Thạc sỹ Tài chính tín dụng và Lưu thông tiền tệ, đã có trên 15 năm công tác, trong đó 05 năm là Trưởng bộ phận phòng Phát triển khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng Quân đội. Bà Nguyễn Lê Trà My có hơn 10 năm công tác tại Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), hiện là Chuyên viên Ban Đầu tư 4 - SCIC và kiêm nhiệm các vị trí thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát tại một số doanh nghiệp thành viên của SCIC.



Bà ĐẶNG THỊ HỒNG LÊ
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Đặng Thị Hồng Lê là Cử nhân Luật Kinh tế, đã có trên 15 năm công tác và từng đảm nhiệm các vị trí Trưởng ban Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Giám đốc điều hành, TV HĐQT Công ty CP Dệt 19/5, Công ty CP Len Hà Đông. Bà Đặng Thị Hồng Lê hiện đang là Thành viên HĐQT Công ty Dệt 19/5 Hà Nội và Trưởng ban Pháp chế kiêm Giám đốc điều hành Công ty CP Len Hà Đông.

2.2.3 Cơ quan Điều hành

Cơ quan điều hành (CQĐH) thực hiện điều hành hoạt động kinh doanh theo mục tiêu, kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. CQĐH của Tập đoàn bao gồm 01 Tổng Giám đốc cùng với các Phó Tổng Giám đốc, một Giám đốc Điều hành và một Kế toán trưởng.

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Tập đoàn
1	Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc
2	Phạm Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Mạc Thuận	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Đức Trí	Phó Tổng Giám đốc
6	Nguyễn Song Hải	Phó Tổng Giám đốc
7	Phạm Xuân Trinh	Giám đốc điều hành
8	Nguyễn Ngọc Cách	Kế toán trưởng



Cơ quan Điều hành



Ông **CAO HỮU HIẾU**
Tổng Giám đốc

Người được đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực dệt may với học vị Thạc sỹ Vật liệu Dệt. Ông đã có trên 20 năm công tác trong ngành Dệt May, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Tập đoàn và các đơn vị thành viên như: Giám đốc Trung tâm xử lý nước thải Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối, Chủ tịch HĐQT Công ty CP May Nam Định, Phó Ban Kỹ thuật Đầu tư Tập đoàn, Trưởng Ban Kỹ thuật Đầu tư, Giám đốc điều hành Tập đoàn, Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn trước khi đảm nhận chức danh Tổng Giám đốc Tập đoàn.



Ông **PHẠM VĂN TÂN**
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Người được đào tạo bài bản, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính với học vị Thạc sỹ tài chính và có hơn 25 năm gắn bó với ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó phòng Kế toán Công ty May Đức Giang; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, Giám đốc điều hành kiêm Kế toán trưởng Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông **LÊ TRUNG HẢI**
Phó Tổng Giám đốc

Kỹ sư chuyên ngành dệt, kỹ sư hóa nhuộm, là người trưởng thành từ thực tiễn quản lý và điều hành doanh nghiệp với 40 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông từng giữ nhiều vị trí quan trọng như: Giám đốc Nhà máy Dệt - Công ty Dệt Phong Phú, Phó TGD Công ty Dệt Phong Phú, TGD Công ty Dệt Phước Long, Giám đốc Điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông **LÊ MẠC THUẤN**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, với hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như TGD Xí nghiệp May Sông Tiền, Giám đốc Điều hành Công ty May Nhà Bè, Phó TGD Tổng Công ty May Nhà Bè, Giám đốc điều hành Tập đoàn Dệt May Việt Nam.



Ông **NGUYỄN ĐỨC TRI**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh với hơn 30 năm công tác trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn như Trưởng phòng KD Xuất nhập khẩu Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng; Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dệt May Huế, Giám đốc điều hành Tập đoàn.



Ông **NGUYỄN SONG HẢI**
Phó Tổng Giám đốc

Trình độ Kỹ sư ngành Công nghệ Dệt và Cử nhân Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Đã trải qua 30 năm công tác thực tế, có kiến thức chuyên môn sâu trong lĩnh vực Dệt May, có nhiều năm kinh nghiệm thực tế quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng trong doanh nghiệp như: Tổng Giám đốc Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội.



Ông **PHẠM XUÂN TRÌNH**
Giám đốc điều hành

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh và chuyên môn sâu về sợi dệt với trên 35 năm công tác, gắn bó trong ngành Dệt May. Ông đã đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn như: Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Phong Phú; Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Dệt kim Đồng Phương.



Ông **NGUYỄN NGỌC CÁCH**
Kế toán trưởng Tập đoàn từ tháng 10/2020

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế và Kỹ thuật với hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán tại các doanh nghiệp dệt may. Ông từng đảm nhận nhiều chức vụ như: Kế toán trưởng Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội; Phó Ban Tài chính Kế toán, Trưởng Ban Tài chính Kế toán Tập đoàn trước khi được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Tập đoàn.

3. Tầm nhìn – Sứ mệnh, Văn hóa doanh nghiệp, Khẩu hiệu – Biểu tượng



Tầm nhìn – Sứ mệnh

- Xây dựng giá trị và sự hài lòng cho khách hàng bằng cách thiết lập Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành nhà sản xuất hàng dệt may hàng đầu thế giới, có khả năng cung cấp cho khách hàng các dịch vụ trọn gói trên toàn chuỗi cung ứng, thời trang, chất lượng cao và thân thiện với môi trường.

- Đạt hiệu quả sản xuất cao nhờ liên tục cải thiện chất lượng quản lý và chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới công nghệ, chăm lo đời sống cho người lao động và có trách nhiệm với xã hội.



Văn hóa doanh nghiệp

- Hiếu công việc mình làm.

- Yêu nghề, nhiệt huyết, có thái độ tích cực đối với công việc.

- Không đổ lỗi, không né tránh trách nhiệm, sẵn sàng nhận lỗi khi có sai sót.

- Không ngừng học hỏi, biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến đóng góp để hoàn thiện bản thân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

- Luôn đổi mới sáng tạo, làm việc có kế hoạch, tìm kiếm các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tự hào về thành tích tập thể, đoàn kết hợp tác, đồng lòng vì mục tiêu chung, nhiệm vụ chung.



Khẩu hiệu:

**“Gắm vóc non sông,
Hào khí Lạc Hồng”**

Biểu tượng



- Biểu tượng của VINATEX lấy ý tưởng tạo hình là những dải lụa mềm mại. Biểu tượng cũng là sự kết hợp của 2 chữ V (Việt Nam) và chữ T (Textile). Hình elip xanh dương tượng trưng cho trái đất, thể hiện cho định hướng vươn ra, hội nhập với thị trường thế giới của VINATEX. Hình elip bao quanh biểu tượng chữ “VT” còn thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.

- Dòng chữ “VINATEX” được thiết kế theo kiểu chữ Arial Black mạnh mẽ thể hiện cho thế đứng vững chắc của VINATEX trên thị trường.

- Biểu tượng sử dụng màu xanh dương đậm, thể hiện tính truyền thống, sang trọng mang lại cảm giác ổn định, đáng tin cậy của thương hiệu VINATEX.

4. Các dấu mốc nổi bật

Quá trình hình thành và phát triển của VINATEX gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển ngành Dệt May Việt Nam. VINATEX luôn giữ vị trí nòng cốt, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của ngành. Các mốc phát triển cụ thể:



1995

2005

2010

2014

2015

2021

2022

Tháng 4 năm 1995:

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam tiền thân của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở sáp nhập các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Dệt Việt Nam và Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May.

Tháng 10 năm 2005:

Tổng Công ty Dệt May Việt Nam nhận Huân chương Hồ Chí Minh năm 2005 theo Quyết định số 1240/QĐ-CTN ngày 11/10/2005 của Chủ tịch nước.

Tháng 5 năm 2010:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự nhận Huân chương Sao vàng năm 2010 của Chủ tịch nước theo Quyết định số 546/QĐ-CTN ngày 05/5/2010.

Năm 2014: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2014 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam; Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thành công bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 22/9/2014.

Tháng 1 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 08/01/2015 và được Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần vào ngày 29/01/2015.

Tháng 12 năm 2015: Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động theo Quyết định số 2688/QĐ-CTN ngày 02/12/2015 của Chủ tịch nước.

Tháng 12 năm 2021: Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã kết thúc năm 2021 với doanh thu đạt hơn 16.100 tỷ đồng, tăng 15,7% cùng kỳ 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 1.446 tỷ đồng tăng 143% so với cùng kỳ 2020.

Năm 2022: Thu nhập bình quân toàn Tập đoàn đạt gần 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% (~1,2 triệu đồng/người/tháng) so với năm 2021, đây là mức tăng trưởng cao nhất từ 2015 đến nay (trước đây bình quân tăng 6-7%/năm).

5. Lĩnh vực, năng lực sản xuất kinh doanh chính

Năng lực chính của Tập đoàn



5.1 Ngành sợi

- Năng lực thiết kế:

135.000
tấn/năm (quy đổi Ne30)

- Mặt hàng: Sợi pha TC, TR, CVC, sợi cotton, sợi recycle, sợi cotton xe, sợi polyester bao gồm cả chải thô và chải kỹ

5.2 Ngành vải

5.2.1 Vải dệt thoi

- Năng lực thiết kế:

75 triệu mét vải/năm

5.2.2 Vải dệt kim

- Năng lực thiết kế:

12.000 tấn/năm

5.2.3 Dệt gia dụng (khăn):

- Năng lực thiết kế:

8.000 tấn/năm

5.3 Ngành May

- Năng lực thiết kế:

1.700 chuyền may

Thiết bị công nghệ:

Thiết bị đã đầu tư trong các dự án hiện nay chủ yếu được cung cấp bởi các nhà sản xuất danh tiếng trên thế giới, có xuất xứ từ Châu Âu, Nhật, Trung Quốc, Mỹ ... với tính tự động hóa cao, giúp cho việc kiểm soát chất lượng tốt hơn, tăng năng suất, tiết kiệm năng lượng và đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động.

- Thiết bị sợi: Rieter - Thụy Sĩ; TRUTZSCHLER - Đức ...

- Thiết bị dệt: Mayer Cie-Đức; Terrot-Đức; Toyota, Fukuhara - Nhật; Fukahama, Junlong - Đài Loan ...

- Thiết bị nhuộm: Thies - Đức, Fong's - Hongkong ...

- Thiết bị may: Juki, Brother, Kansai - Nhật; Durkopp Adler - Đức; Gerber - Mỹ

TOP 10 SỰ KIỆN TIÊU BIỂU VINATEX NĂM 2022

01

LÃNH ĐẠO ĐẲNG, NHÀ NƯỚC THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI VINATEX

Tháng 1 năm 2022: Vinh dự đón Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đến dự và phát biểu tại Lễ phát động thi đua năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Tổng Công ty May 10-CTCP.

Tháng 2 năm 2022: Vinh dự đón Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đến thăm và chúc Tết Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

02

HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾT QUẢ SXKD

Năm 2022 ngành Dệt May Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do lạm phát, chiến tranh Nga - Ukraine... dẫn đến tổng cầu giảm nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, Tập đoàn Dệt May Việt Nam với sự nỗ lực vượt bậc hoàn thành kết quả SXKD với doanh thu hợp nhất đạt 19.589 tỷ đồng, tăng 15,3% so với cùng kỳ, đạt 108% kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất đạt 1.212 tỷ đồng, vượt 27,5% kế hoạch.

03

THỰC HIỆN THÀNH CÔNG 3 “TRỤ CỘT”: AN SINH, KINH TẾ, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Ổn định việc làm cho toàn bộ trên 63.000 lao động trực tiếp tại các công ty cấp 1, không sa thải, cho nghỉ việc. Đặc biệt, thu nhập được cải thiện với mức bình quân 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021 và là mức tăng trưởng thu nhập cao nhất từ 2015 đến nay (các năm trước tăng bình quân 6% - 7%). Đồng thời, Vinatex cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, trách nhiệm xã hội, nộp ngân sách nhà nước tăng 15% so với năm 2021.

04

PHỐI HỢP VỚI CÔNG ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM TỔ CHỨC THÀNH CÔNG “TẾT SUM VẦY - NGÀY HỘI CÔNG NHÂN - PHIÊN CHỢ NGHĨA TÌNH” TẾT NGUYÊN ĐÁN QUÝ MÃO 2023

Theo đó, toàn hệ thống có 6.641 NLD được trợ cấp khó khăn; 105.160 NLD được tặng quà Tết và vé tàu xe với tổng số tiền 57,13 tỷ đồng. “Phiên chợ nghĩa tình” tổ chức tại 06 điểm trên cả nước với hơn 130 gian hàng ưu đãi giảm giá từ 20-70% cho công nhân lao động Dệt May; có hơn 60 nghìn lượt NLD tham gia mua sắm tại các phiên chợ nghĩa tình với tổng giá trị ưu đãi ước tính 13,5 tỷ đồng... Tổng giá trị Tập đoàn và Công đoàn đã hỗ trợ người lao động là hơn 70 tỷ đồng.

05

TỔ CHỨC HỘI NGHỊ NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM SOÁT

Hội nghị là cơ hội để Tập đoàn và các đơn vị thành viên ngồi lại cùng nhau để triển khai nhiệm vụ giai đoạn 2022 - 2025, cũng như lắng nghe ý kiến của người đại diện vốn từ thực tiễn hoạt động tại doanh nghiệp. Đây cũng là Hội nghị để đôi bên cùng xây dựng hướng đi, kế hoạch tài chính, chương trình hành động vì sự phát triển bền vững của Vinatex trong thời gian tới. Đánh giá và tìm ra các giải pháp để xây dựng sức mạnh tài chính cho các DN, hướng đến phát triển bền vững.

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM NGÁCH, GIỚI THIỆU CÔNG NGHỆ MỚI, TIÊN TIẾN VỀ DỆT MAY, THIẾT BỊ, NGUYÊN PHỤ LIỆU

- Ra mắt sản phẩm vải chống cháy Vinatex- Kova: Đây là sự kết hợp giữa công nghệ dệt nhuộm hoàn tất của Vinatex và công nghệ nano của Kova. Thành tựu nghiên cứu của hai bên đã đạt được tiêu chuẩn của thế giới về sản phẩm vải chống cháy, góp phần vào nhu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời khẳng định cơ sở khoa học khi sản xuất sản phẩm.
- Triển lãm SaigonTex và HanoiTex 2022: Quy tụ hàng trăm doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia. Tại đây, các nhãn hiệu hàng đầu thế giới đã trưng bày các sản phẩm máy móc với những công nghệ mới, tiên tiến nhất trên thế giới. Đồng thời, giới thiệu các nguyên phụ liệu cũng đa dạng từ phụ kiện may mặc, vải, cho tới các nguyên phụ liệu khác.

06

TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC, TIẾP XÚC, LÀM VIỆC VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Với mục tiêu mở rộng thị trường trong và ngoài nước, trong năm vừa qua Vinatex đã tiếp xúc, làm việc với lãnh đạo cấp cao của Centric Brands tại toà nhà Empire State Building - New York, Tập đoàn bán lẻ Walmart, Chủ tịch Tập đoàn Kaltex tại toà nhà Empire State Building, Tiếp và làm việc với Chủ tịch Textile Company, Itochu (Nhật Bản); Tập đoàn Hansae (Hàn Quốc); Chủ tịch Hiệp hội Bông Brazil, Phó TGD Tập đoàn Rieter... Ký kết thỏa thuận hợp tác sử dụng sản phẩm, dịch vụ của các đơn vị Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

07

CẬP NHẬT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TỪ 8 HỘI THẢO CHUYÊN ĐỀ HÀNG THÁNG CHO CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN

Định kỳ hàng tháng Vinatex đều tổ chức hội thảo chuyên đề do trực tiếp lãnh đạo Tập đoàn, các chuyên gia hàng đầu về kinh tế trình bày và cập nhật những thông tin mới nhất về thị trường để các doanh nghiệp thành viên chủ động ứng phó trước những biến động khó lường do thị trường mang lại.

08

KHÉP KÍN CHUỖ ĐÀO TẠO CỦA VINATEX

Với việc đưa chương trình cán bộ cấp cao vào đào tạo, hệ thống đào tạo nội bộ về quản trị chung của Vinatex gồm đào tạo cán bộ trẻ; đào tạo cán bộ trung cấp (Giám đốc, Phó giám đốc đơn vị trực thuộc các công ty thành viên của Tập đoàn, trưởng, phó phòng tại đơn vị thành viên Tập đoàn) và đào tạo cán bộ cao cấp đã được khép kín. Đây là nỗ lực rất cao của lãnh đạo Tập đoàn, các ban chức năng mà chủ chốt là Ban Quản lý Nguồn nhân lực và Đại học Công nghiệp Dệt May Hà Nội để vừa xây dựng chương trình và nội dung đào tạo, vừa trực tiếp soạn bài, đứng lớp và quan trọng nhất là bước đầu xây dựng được môi trường học tập, văn hoá học tập trong toàn Tập đoàn.

09

LAN TỎA CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI- TỪ THIỆN

Hưởng ứng lời kêu gọi ủng hộ “Quý đến ơn đáp nghĩa” Trung ương năm 2022 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng ủy Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã phát động hưởng ứng tới cán bộ, đảng viên và người lao động trong toàn Tập đoàn. Vinatex phối hợp với Công đoàn Dệt May Việt Nam, Hiệp hội Dệt May Việt Nam và Bệnh viện Chợ Rẫy tổ chức chương trình khám bệnh, phát thuốc, tặng quà cho các gia đình chính sách, người dân có hoàn cảnh khó khăn và xây cầu dân sinh tại thị trấn Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu với tổng số tiền hơn 1,5 tỷ đồng. Tập đoàn hỗ trợ 1.000 áo thể thao trẻ em trị giá 100 triệu đồng tặng cho các trẻ em nghèo tỉnh Lào Cai.

10



CHƯƠNG **III**
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo hoạt động và đánh giá của Hội đồng quản trị

I. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022

Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội đồng quản trị) hoạt động theo khuôn khổ của pháp luật Việt Nam, Luật Doanh nghiệp, các luật chuyên ngành liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Vinatex trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

môn, kỹ năng, năng lực, quan điểm đa dạng và phù hợp để đóng vai trò lãnh đạo và giám sát Tập đoàn hiệu quả. Tất cả các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp chuyên đề, đột xuất trực tuyến hoặc lấy ý kiến qua email với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tập đoàn.

Về các thành viên Hội đồng quản trị:

Tập thể Hội đồng quản trị của Vinatex sở hữu chuyên

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã tổ chức 12 cuộc họp toàn thể và 02 cuộc lấy ý kiến qua thư điện tử. Hội đồng quản trị đã ban hành 18 Nghị quyết và 03 Quyết định trong năm 2022.

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Gửi ý kiến qua thư điện tử	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Tiến Trường	12/12	2/2	100%
2	Trần Quang Nghị	12/12	2/2	100%
3	Đặng Vũ Hùng	12/12	2/2	100%
4	Vũ Hồng Tuấn	12/12	2/2	100%
5	Nguyễn Xuân Đông	12/12	2/2	100%

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Cơ quan điều hành

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Cơ quan điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc) được thực hiện một cách chặt chẽ, định kỳ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Cơ quan Điều hành được thể hiện như sau:

tác quản lý và đánh giá người đại diện vốn Tập đoàn tại các doanh nghiệp nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định tại Điều lệ và pháp luật hiện hành, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý vốn Tập đoàn tại các doanh nghiệp; các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu khoa học công nghệ, công tác kiểm soát nội bộ.

Tại các cuộc họp định kỳ hàng quý, HĐQT đều yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn, các đơn vị trọng yếu trong Tập đoàn, khả năng đạt kế hoạch Tập đoàn giao, tình hình triển khai các dự án đầu tư, công tác đào tạo quản lý nguồn nhân lực, đặc biệt là công

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT trong việc đẩy mạnh chuyên đổi số trên nền tảng quản trị chung, Cơ quan điều hành tiếp tục triển khai trong năm 2022 các nhóm giải pháp về thị trường, quản trị sản xuất, tài chính và nguồn nhân lực. Giải pháp cụ thể đã thực hiện:

Về thị trường

Tăng cường vai trò thị trường của các ban sản xuất kinh doanh, tiếp tục thực hiện dự báo diễn biến thị trường để đưa ra quyết định kinh doanh linh hoạt, chủ động tìm kiếm thị trường...

Về quản trị sản xuất

Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh giải pháp tiết giảm chi phí, xây dựng phương án sản xuất linh hoạt. Tập trung vào so sánh các đơn vị cùng ngành nghề, cải thiện chỉ số quản lý tại các đơn vị theo kết quả của đơn vị tốt nhất đạt được.

Về tài chính

Tập trung vào việc nâng cấp hệ thống tài chính kế toán, kiểm soát và đảm bảo khả năng thanh toán, đánh giá kỹ và thận trọng trong quyết định thời điểm đầu tư phù hợp, nâng cao năng lực thu xếp vốn, sử dụng các công cụ hiện đại hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị. Áp dụng công cụ đánh giá "sức khỏe tài chính" bằng hệ số Z-score.

Về nguồn nhân lực

Xây dựng phương án duy trì nguồn lao động chất lượng tốt, giảm tối đa biến động nhằm đảm bảo năng suất lao động, tăng cường đào tạo nội bộ để đảm bảo tính thích ứng trong bối cảnh biến động, xây dựng nền tảng công nghệ học tập số - Digital Learning. Tổ chức thành công lớp tài năng trẻ Vinatex, lớp cán bộ quản lý cấp cao trong doanh nghiệp và các lớp giám đốc nhà máy.

Về công tác nghiên cứu phát triển

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ sợi lõi filament bọc cotton, vải chặm cháy, vải gia dụng (home textile)...

Trong năm 2022, Cơ quan điều hành đã tổ chức 2 Hội nghị quan trọng là Hội nghị Người đại diện vốn Tập đoàn tại doanh nghiệp và Hội nghị nâng cao năng lực tài chính - kế toán - kiểm soát cho Lãnh đạo, Kế toán trưởng và Trưởng Ban Kiểm soát tại các đơn vị thành viên. Đây là những Hội nghị tập trung đánh giá sâu sắc kết quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị, xác định thách thức, đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải thiện quy mô, hiệu quả doanh nghiệp và các giải pháp quản trị hướng tới phát triển bền vững của Tập đoàn trong thời gian tới.



3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Văn phòng HĐQT với vai trò tham mưu, giúp việc cho HĐQT và các Tiểu ban Chiến lược và Đầu tư, Nghiên cứu phát triển, Nhân sự, Quản trị rủi ro đã triển khai các công việc cụ thể như sau:

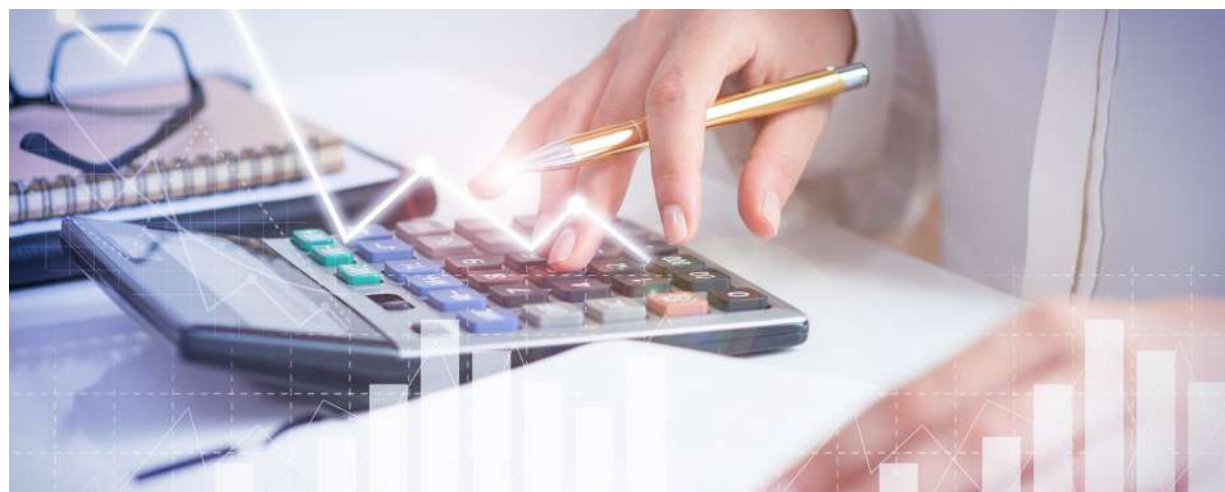
- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin về kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, chuỗi cung ứng bền vững, thuế biên giới carbon và sản xuất xanh trong ngành dệt may. Cập nhật các yêu cầu về phát triển bền vững bao gồm các yêu cầu về lao động, môi trường và quản trị của các thị trường xuất khẩu chính và của các hãng thời trang lớn trên thế giới.
- Phân tích, đánh giá tình hình thị trường dệt may toàn cầu và dự báo diễn biến cung cầu dệt may thế giới, xu hướng thời trang và các yếu tố tác động chủ yếu đến ngành dệt may, thời trang trong năm 2022.
- Theo sát diễn biến các vấn đề kinh tế vĩ mô thế giới và trong nước có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến doanh nghiệp trong Tập đoàn. Đặc biệt trước diễn biến không lường trước của cuộc xung đột vũ trang Nga-Ukraina xảy ra vào tháng 2/2022 và vẫn tiếp tục kéo dài khiến giá năng lượng và lương thực tăng đột biến, lạm phát tại các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU duy trì ở mức đỉnh lịch sử 40 năm...Nhóm nghiên cứu của Văn phòng HĐQT đã triển khai các báo cáo trình bày tại 08 cuộc Hội thảo chuyên đề (trong đó 50% số buổi có mời chuyên gia nổi tiếng bên ngoài làm diễn giả các nội dung vĩ mô) nhằm cung cấp thông tin về thị trường, kinh

tế vĩ mô, dự báo thị trường cung cầu sản phẩm dệt may, thị trường nguyên phụ liệu (bông, xơ, sợi), dự báo tình hình tài chính, tiền tệ... Các buổi hội thảo được tổ chức trực tuyến có sự tham gia đông đủ của các đơn vị trong Tập đoàn. Từ đó, các doanh nghiệp chủ động ứng phó trước những biến động liên tục của thị trường trong năm 2022.

- Hoàn thiện mô hình phân tích dự báo tổng cầu dệt may thế giới và các thị trường chính bằng phương pháp hồi quy tuyến tính đa biến với hệ số tương quan $R > 0.9$ cho kết quả có mức độ tin cậy cao, qua đó nâng cao chất lượng công tác dự báo để tham mưu HĐQT có những chính sách, điều hướng kịp thời để kiểm soát và giảm thiểu rủi ro ở mức tối đa cho Tập đoàn.
- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo nội bộ gồm đào tạo Tài năng trẻ (Young Talent), đào tạo cán bộ cấp cao mới được bổ nhiệm của Tập đoàn năm 2022.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Văn phòng HĐQT đã phối hợp cùng Ban Kiểm soát Tập đoàn thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được HĐQT phê duyệt từ đầu năm. Sau mỗi đợt kiểm toán, bộ phận kiểm toán nội bộ đều có báo cáo và tham mưu HĐQT đưa ra các khuyến nghị trong hoạt động điều hành đối với Cơ quan điều hành Tập đoàn.

4. Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị năm 2022

Tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2022.



5. Đánh giá kết quả hoạt động của Tập đoàn năm 2022

Ngành Dệt May và Tập đoàn Dệt May Việt Nam vừa trải qua một năm 2022 có nhiều cung bậc cảm xúc trái ngược, với nhiều bất định của thị trường. Ngay từ những tháng đầu năm, Tập đoàn đã đưa ra các dự báo sớm về những khó khăn sẽ tới trong nửa cuối của năm, tuy nhiên thị trường đã đảo chiều nhanh chóng trong 6 tháng cuối năm, gần như lao dốc theo chiều thẳng đứng.

Dệt may là ngành phản ứng khá nhạy với diễn biến kinh tế vĩ mô toàn cầu, lạm phát tại Mỹ và EU đều lên mức cao nhất 4 thập kỷ, lần lượt ở mức 8% và 10%, lãi suất tại các quốc gia, khu vực này vì thế đều tăng nhanh và mạnh để kiềm chế lạm phát, đổi lại tăng trưởng GDP suy giảm, quy mô nền kinh tế thu hẹp, giảm việc làm và thu nhập, qua đó gián tiếp tác động đến chi tiêu hàng tiêu dùng trong đó có hàng dệt may.

Tổng cầu dệt may thế giới năm 2022 giảm so với năm 2021 với mức giảm 6% chỉ còn 757 tỷ USD, trong đó thị trường bông, sợi biến động mạnh, giá bán thấp hơn giá thành. Các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hoặc giảm, đơn cử KNXX dệt may của Trung Quốc đạt 323 tỷ USD tăng 2,53%; Ấn Độ đạt 37,6 tỷ USD giảm 4,3% so với năm ngoái. Xuất khẩu dệt may của Việt Nam tăng trưởng 10,6% đạt 44,7 tỷ USD cao hơn 5 tỷ USD so với mức trước đại dịch Covid năm 2019. Trong đó, thị trường xuất khẩu lớn nhất của dệt may Việt Nam là Mỹ với 17,8 tỷ USD, sau đó là Trung Quốc với 3,5 tỷ USD, Châu Âu đạt 4,6 tỷ USD, Hàn Quốc đạt 3,9 tỷ USD và Nhật Bản đạt 4,3 tỷ USD.

Điểm nhấn trong năm 2022 của Vinatex là: Đảm bảo việc làm, thu nhập và chăm lo đời sống cho người lao động. Trước bối cảnh nhiều doanh nghiệp trong và ngoài ngành phải cắt giảm lao động vì thiếu đơn hàng từ quý 3 thì các doanh nghiệp trong hệ thống của Vinatex chưa phải thực hiện việc giảm lao động trực tiếp bằng việc hoãn hay cắt giảm hợp đồng lao động. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, người lao động sẽ không có tăng ca, làm thêm giờ mà giảm khoảng 20% giờ làm so với bình quân những tháng cao điểm của những năm trước. Vinatex vẫn lo đủ đơn hàng sản xuất để người lao động có việc làm từ 40 - 48 giờ/tuần. Tính trung bình trên toàn hệ thống của Vinatex, thu nhập bình quân người lao động đạt 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% so với năm 2021. Vinatex vẫn duy trì chế độ lương thưởng cho người lao động trong Tết Nguyên đán Quý Mão với 100% lao động được nhận tháng lương thứ 13 và thưởng với mức bình quân trên 1,5 tháng lương. Để có được kết quả tích cực trong điều kiện thị trường nhiều khó khăn, biến động khó lường trong năm 2022



“

Điểm nhấn trong năm 2022 của Vinatex là: Đảm bảo việc làm, thu nhập và chăm lo đời sống cho người lao động. Trước bối cảnh nhiều doanh nghiệp trong và ngoài ngành phải cắt giảm lao động vì thiếu đơn hàng thì các doanh nghiệp trong hệ thống của Vinatex chưa phải thực hiện việc giảm lao động trực tiếp bằng việc hoãn hay cắt giảm hợp đồng lao động.

”

là nhờ sự linh hoạt, nhạy bén trong công tác dự báo và điều hành của Hội đồng quản trị, Cơ quan điều hành Tập đoàn, cùng với đó là sự đóng góp, nỗ lực của các doanh nghiệp và toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên, người lao động trong toàn hệ thống Tập đoàn.

Thêm vào đó trong năm 2022 Vinatex đã tập trung triển khai công tác chuyển đổi và số hóa cho hệ thống Công ty mẹ Tập đoàn và tiến hành đào tạo hơn 1.000

lượt cán bộ cấp trung, 150 cán bộ lớp tài năng trẻ (có trình độ đại học dưới 30 tuổi), hơn 400 lãnh đạo giám đốc cấp nhà máy được đào tạo. Bên cạnh đó, hệ thống trường đại học, cao đẳng của Vinatex đào tạo các lớp chuyển trường, tổ trưởng cho các đơn vị trên một chương trình khung chung để chuẩn hóa quản trị.

Với những nỗ lực đó, kết quả sản xuất kinh doanh toàn Tập đoàn như sau:

Doanh thu hợp nhất đạt **19.589** tỷ đồng, **tăng 15,3%** so với cùng kỳ năm trước, **bằng 108,4%** kế hoạch.

Lợi nhuận hợp nhất đạt **1.212** tỷ đồng, **vượt 27,5%** kế hoạch.

Tuy lợi nhuận hợp nhất giảm so với năm 2021 nhưng vẫn vượt kế hoạch ĐH đồng cổ đông giao **27,5%** do điều kiện kinh doanh 2022 có nhiều khó khăn khách quan, như xung đột Nga-Ucraina bất ngờ nổ ra đầu năm 2022 kéo theo lạm phát và tăng trưởng giảm ở các quốc gia là thị trường chủ lực dẫn tới hàng hoá dệt may luôn nằm trong top 5 các mặt hàng chịu cắt giảm chi tiêu của người tiêu dùng, tổng cầu của thế giới giảm mạnh.

Với kết quả hợp nhất **vượt 27,5%** so với kế hoạch, nguồn lực có thể điều tiết về công ty Mẹ đảm bảo hoàn thành các mục tiêu ĐH đồng cổ đông năm 2022 đặt ra.

6. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2023

Nền kinh tế Việt Nam phục hồi tốt sau đại dịch với mức tăng trưởng năm 2022 được nhận định là vượt trội so với các nước trong khu vực, kéo theo đà tăng trưởng năm 2023 được các tổ chức uy tín như Ngân hàng Thế giới đánh giá có thể đạt mức 6,5%. Tuy nhiên, các yếu tố bất định bên ngoài như cuộc xung đột Nga-Ucraina còn tiếp diễn, chính sách tiền tệ thắt chặt để kiểm chế lạm phát tại các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản còn tiếp diễn trong năm 2023, cùng với những bất ổn trong hệ thống ngân hàng có rủi ro dẫn đến nguy cơ “hạ cánh cứng” tại các quốc gia này. Đặc biệt là tình hình thị trường quý 1,2 của dệt may diễn biến tiêu cực, trong quý 1 lần đầu tiên

trong 10 năm qua (trừ năm 2020 có dịch Covid-19) xuất khẩu dệt may giảm tới ~15%. Các dự báo đều cho rằng ít nhất đến hết quý 3/2023 cầu thị trường dệt may còn thấp do việc thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng, tỷ lệ thất nghiệp có thể gia tăng trong bối cảnh lãi suất duy trì cao, tăng trưởng thấp và tình hình tài chính biến động.

Trong bối cảnh thách thức, khó khăn của thị trường đi kèm với nhiều yêu cầu từ phía khách hàng về các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường..., để hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong năm 2023, HĐQT Vinatex xác định những định hướng trọng tâm như sau:

1

Một là, kiên định mục tiêu tham gia vào chuỗi cung ứng với vị thế vững chắc, là đối tác ưu tiên của các nhà sản xuất – phân phối lớn trên thế giới. Đây là giải pháp dài hạn xây dựng niềm tin trên cơ sở thực lực của doanh nghiệp, năng lực đem lại hiệu quả tối ưu cho toàn chuỗi. Là con đường duy nhất cho phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đồng thời trong ngắn hạn, khi thị trường co hẹp. Các thành viên ưu tiên của chuỗi cũng là những địa chỉ có sự suy giảm ít nhất, sau cùng.

2

Hai là, kiên định xây dựng trong nội tại Tập đoàn mục tiêu chiến lược Một điểm đến cung ứng giải pháp trọn gói về dệt may và thời trang. Đây là bước thay đổi về chất để Tập đoàn không chỉ là thành viên của một chuỗi cung ứng mà chính mình còn là một chuỗi cung ứng trong sản xuất hoàn chỉnh, có thể tự tin kết nối với các nhà thiết kế và phân phối toàn cầu. Vấn đề là trong 2 năm thị trường co hẹp tới đây phải sáng suốt lựa chọn được những sản phẩm chiến lược, có thể phát triển với nguồn lực hạn hẹp về tài chính, có thể chậm lại mục tiêu về quy mô chuỗi một điểm đến nhưng kiên định quan điểm chiến lược này.

3

Ba là, kiên định thực hiện các cam kết và sáng kiến về môi trường, xã hội, quản trị công ty (ESG), vừa thực hiện theo kế hoạch của doanh nghiệp đặt ra vừa ưu tiên chú trọng các yêu cầu của chuỗi cung ứng toàn cầu. Xây dựng năng lực cạnh tranh bằng hình ảnh doanh nghiệp trách nhiệm với toàn bộ người tiêu dùng và thế giới chung. Tập trung cho các chỉ tiêu xanh, sản xuất sạch, nguyên liệu và sản phẩm tuần hoàn.

4

Bốn là, kiên trì thực hiện liên tục dự báo và đưa ra giải pháp thích ứng với thị trường bất định, trong đó chú trọng các giải pháp bảo tồn nguồn lực doanh nghiệp vượt qua năm kinh doanh có nhiều khó khăn, nhất là nguồn lực con người chất lượng cao và tài chính.

5

Năm là, kiên trì công tác đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu mới của thị trường và công nghệ. Lấy nhân lực làm đột phá khâu để tạo tăng trưởng chủ yếu từ nhân tố năng suất tổng hợp trong quá trình phát triển tới đây. Đồng thời tái cấu trúc hệ thống công việc, làm tăng độ hấp dẫn, linh hoạt, đi đôi với cải thiện thu nhập để đáp ứng tốt yêu cầu của nguồn lao động chất lượng cao.

Báo cáo Quản trị rủi ro

Mục tiêu của công tác quản trị rủi ro

Vinatex luôn xác định mục tiêu và vai trò của quản trị rủi ro rất quan trọng nhất là trong điều kiện thị trường biến động nhanh, ngược chiều với toàn bộ hoạt động của Tập đoàn. Để duy trì hoạt động quản trị rủi ro bám sát với mục tiêu chiến lược đã đặt ra, Vinatex chú trọng nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn và chủ yếu áp dụng biện pháp phòng ngừa giảm thiểu rủi ro, nhất là rủi ro thị trường và nguồn vốn. Do đó, Vinatex tập trung dự báo về thị trường dệt may, tình hình kinh tế, tài chính tiền tệ của Việt Nam và các quốc gia là thị trường chủ lực, quốc gia là đối thủ cạnh tranh hàng dệt may. Ngoài ra, việc tích hợp quản trị rủi ro vào hoạt động thường xuyên giúp cho hệ thống quản trị rủi ro được hiệu suất và hiệu quả hơn.

- Kịp thời nhận diện rủi ro, ngoài việc đưa ra các giải pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi còn phải đánh giá các cơ hội để khai thác tối đa các điều kiện có lợi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và luôn hoàn thiện Hệ thống kiểm soát nội bộ theo thông lệ tốt phù hợp với mô hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

Hoạt động quản trị rủi ro năm 2022

Năm 2022 là một năm đặc biệt đối với Vinatex bởi thị trường đầy biến động khó đoán định. Cụ thể là trong những tháng đầu năm với những tín hiệu thị trường rất tốt nhưng đến cuối quý 2, nhất là trong quý 4 tình hình đã đảo chiều dẫn đến nhiều rủi ro. Để làm tốt công tác dự báo sớm và chính xác thị trường dệt may từ đó đưa ra các giải pháp giảm thiểu tối đa những tác động xấu tới kết quả sản xuất kinh doanh, Vinatex đã xây dựng và áp dụng thành công mô hình hồi quy dự báo thị trường ngành dệt may với chu kỳ dự báo 3 tháng/lần. Kết quả dự báo sát với tình hình thực tế, được nhiều doanh nghiệp thành viên của Vinatex và các doanh nghiệp trong ngành đánh giá cao.

Những rủi ro hàng đầu đã được Vinatex nhận diện, triển khai quản trị theo các nhóm rủi ro chính trong năm 2022 và tiếp tục quản trị trong các năm tới như sau:

Rủi ro chung



+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, lãi suất và tỷ giá biến động, lạm phát tăng cao tại nhiều quốc gia là thị trường chủ lực của dệt may như Mỹ, Châu Âu... Các chỉ tiêu này biến động ảnh hưởng trực tiếp đến tổng cầu dệt may, giảm sức mua của người tiêu dùng đối với các sản phẩm may mặc. Cầu giảm làm cho các doanh nghiệp ít đơn hàng dệt may hơn và nhiều đơn hàng quy mô nhỏ lẻ... dẫn đến rủi ro không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do đơn hàng thiếu, đơn giá thấp. Các cán bộ chuyên môn thường xuyên cập nhật thông tin về kinh tế vĩ mô, thị trường và đưa ra dự báo, tham mưu cho Lãnh đạo Tập đoàn và Lãnh đạo các công ty thành viên từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp.

+ Rủi ro về chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu để triển khai chiến lược phát triển của Vinatex trong giai đoạn sắp tới. Để giải quyết vấn đề này, Vinatex lựa chọn một số đơn vị trọng điểm để thực hiện rà soát: (i) số lượng và chất lượng nguồn nhân lực, (ii) nguồn quy hoạch và tuyển dụng, (iii) thiết kế các chương trình đào tạo nội bộ, (iv) xây dựng chế độ đãi ngộ nhân tài...

+ Thuê tư vấn E&Y thực hiện việc đánh giá hệ thống quản trị nhân sự theo chuẩn mực quốc tế tại 10 đơn vị trọng yếu qua đó xác định được mục tiêu cụ thể cho từng năm về phát triển nguồn nhân lực. Tổ chức hội nghị nhân lực toàn Tập đoàn để triển khai chương trình hành động theo khuyến nghị của tư vấn.

Rủi ro tài chính



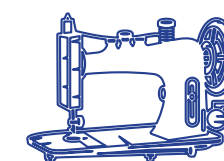
Các rủi ro chính của Vinatex về nợ phải thu khó đòi, hàng tồn kho, tỷ giá, lãi suất, chi phí nhân công... Ban Kiểm soát và Ban Tài chính kế toán định kỳ đánh giá phân tích tình hình tài chính thông qua các chỉ tiêu tài chính, sử dụng mô hình Z-Score (chỉ số đo lường sức khỏe tài chính dựa trên việc dự báo khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp trong vòng 2 năm gồm 4 nhóm chỉ tiêu tổng hợp) để đảm bảo kiểm soát tình hình tài chính, cảnh báo sớm rủi ro và có giải pháp kịp thời nhằm giảm thiểu tối đa tác động xấu đến với Vinatex. Đồng thời có nghiên cứu dữ liệu và thông tin quốc tế về tình hình tài chính, kinh doanh của các khách hàng lớn ở các thị trường chủ lực để phòng ngừa từ sớm, từ xa các ảnh hưởng tiêu cực có thể có từ các khách hàng.

Rủi ro trong lĩnh vực Sợi



Giá sợi giảm, tiêu thụ khó khăn do nhu cầu giảm tại một số hoặc nhiều thị trường. Trong trường hợp thị trường xấu, giải pháp của Vinatex không chỉ thường xuyên bám sát thị trường để quyết định nhanh trong việc nhận đơn hàng và chuyển đổi mặt hàng theo nhu cầu thị trường, dự báo thị trường và mua nguyên liệu chính mà còn tập trung công tác quản trị sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành và tìm mọi biện pháp để bảo vệ nguồn lực lao động chất lượng đáp ứng nhanh khi thị trường phục hồi.

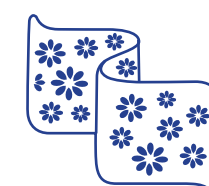
Rủi ro trong lĩnh vực May:



+ Sụt giảm đơn hàng do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế cận kề, lạm phát gia tăng tại nhiều quốc gia là thị trường tiêu thụ chính sản phẩm thời trang, hàng may mặc. Ngoài giải pháp tích cực thu thập thông tin, cập nhật và dự báo chính xác tình hình thị trường để nắm bắt và có giải pháp kịp thời. Thị Vinatex tích cực tăng cường tìm kiếm đơn hàng, linh hoạt trong chuyển đổi mặt hàng để đảm bảo đơn hàng đáp ứng nhu cầu thị trường, tập trung làm đơn hàng có yêu cầu kỹ thuật cao mang lại giá trị gia tăng cao hơn...

+ Thị trường vải, phụ liệu may của một số quốc gia cung ứng chính như Trung Quốc khó khăn do dịch Covid-19 kéo dài ảnh hưởng đến hàng tồn kho - Giải pháp tìm nguồn cung mới thay thế như Hàn Quốc, Ấn Độ, Đài Loan...

Rủi ro trong lĩnh vực Dệt nhuộm



+ Biến động giá đầu vào tăng như chi phí hóa chất thuốc nhuộm cao, giá bán không tăng tương ứng. Giải pháp của Vinatex là tìm nguồn cung thay thế, tận dụng liên kết trong chuỗi nội bộ để tiết kiệm chi phí, tăng tính cạnh tranh.

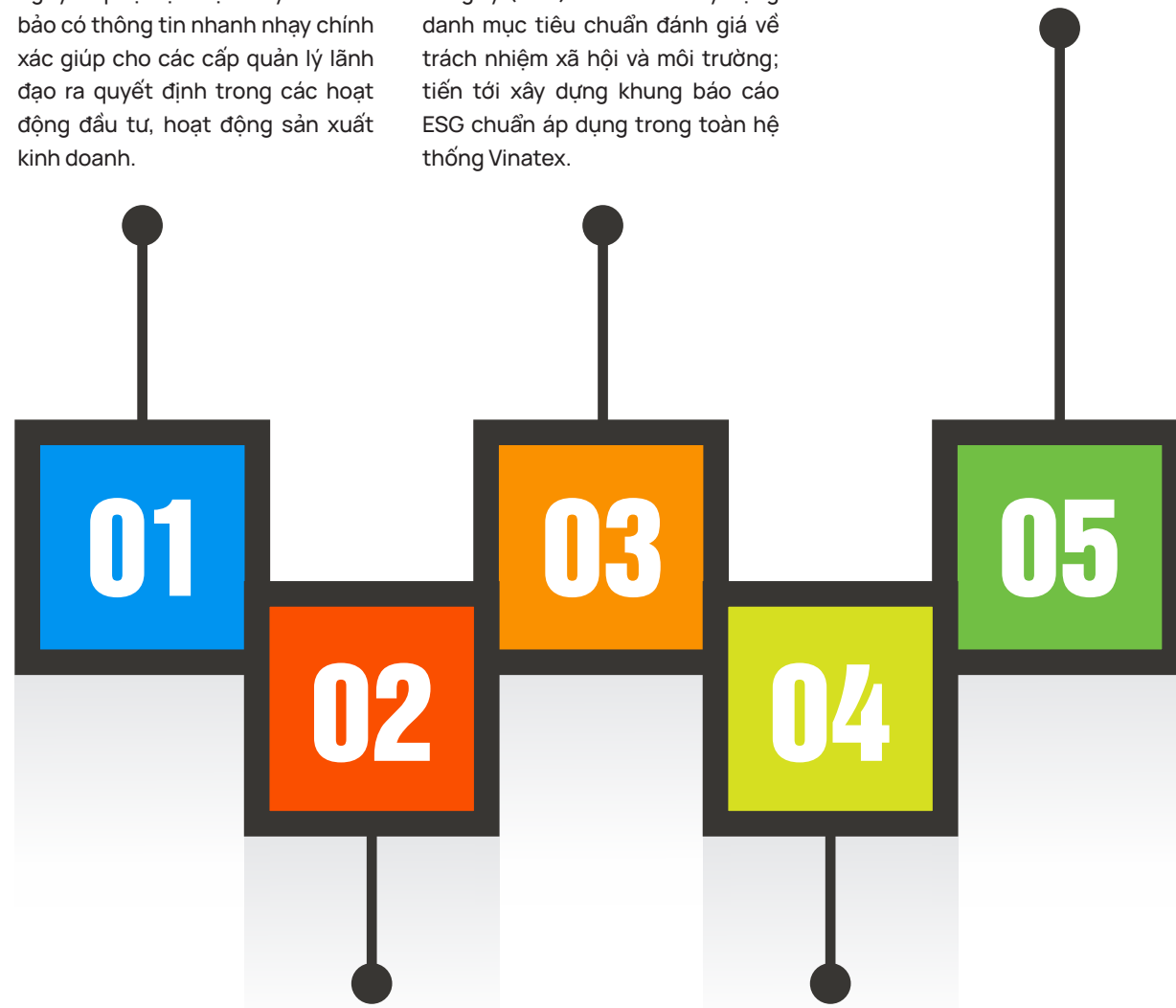
+ Để khắc phục tình trạng chưa cập nhật kịp thời các công nghệ tiên tiến để đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Vinatex tiếp tục quy hoạch đầu tư phát triển đồng bộ về công nghệ kỹ thuật để nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các quy định.

Kế hoạch triển khai Quản trị rủi ro năm 2023:

Tiếp tục triển khai công tác nghiên cứu dự báo, cập nhật liên tục tình hình kinh tế thị trường dệt may, nguyên phụ liệu dệt may để đảm bảo có thông tin nhanh nhạy chính xác giúp cho các cấp quản lý lãnh đạo ra quyết định trong các hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Triển khai mạnh mẽ chương trình thực hiện các cam kết và sáng kiến về môi trường, xã hội và quản trị công ty (ESG): bước đầu xây dựng danh mục tiêu chuẩn đánh giá về trách nhiệm xã hội và môi trường; tiến tới xây dựng khung báo cáo ESG chuẩn áp dụng trong toàn hệ thống Vinatex.

Tiếp tục duy trì công tác kiểm tra đánh giá trên cơ sở xác định các rủi ro trọng yếu.



Tiến hành nhân rộng mô hình hồi quy áp dụng trong quản lý nguồn nhân lực để dự báo tình hình biến động lao động, chuẩn bị nguồn lực đáp ứng cho việc thực hiện chiến lược phát triển của Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

Liên tục củng cố và hoàn thiện đội ngũ cán bộ, chú trọng xây dựng chương trình đào tạo trong đó có các chuyên đề về quản trị rủi ro cơ bản nhằm phổ cập kiến thức cho cán bộ mới, trẻ tuổi và chuyên để quản trị rủi ro nâng cao cho cán bộ cấp trung để liên tục cập nhật kiến thức giúp cho công tác quản trị rủi ro được các cán bộ ý thức và thực hiện ngay trong những nghiệp vụ chuyên môn hàng ngày. Từ đó sẵn sàng nguồn lực đáp ứng thực hiện mục tiêu chiến lược của Tập đoàn giai đoạn 2022-2025, hướng đến 2030.

Báo cáo Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Trần Thị Thu Hằng	Trưởng BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%
2	Đoàn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%
3	Đặng Thị Hồng Lê	Thành viên BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%
4	Nguyễn Lê Trà My	Thành viên BKS	18/8/2020	4/4	100%	100%

2. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban Kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và được trình bày chi tiết tại báo cáo tài chính năm 2022.

Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 tuân thủ theo các quy định và quy chế nội bộ của Tập đoàn.

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ như sau:

+ Giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT ban hành năm 2022, hàng quý thực hiện đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên.

+ Phân tích hiệu quả của Công ty mẹ Tập đoàn theo từng mặt hoạt động.

+ Đánh giá, thẩm tra Báo cáo tài chính các quý của Công ty mẹ Tập đoàn để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

+ Đánh giá tình hình tài chính các đơn vị thành viên căn cứ trên Báo cáo tài chính hàng tháng của các đơn vị.

+ Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Tập đoàn.

+ Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan.

Từ các hoạt động nêu trên, hàng quý Ban Kiểm soát đều có báo cáo, khuyến nghị gửi tới HĐQT, Cơ quan điều hành Tập đoàn. Quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát đảm bảo tính trung thực và cẩn trọng, đạo đức nghề nghiệp, không cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

- Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp, mỗi cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên Ban Kiểm soát tham dự, nội dung các cuộc họp là thông qua báo cáo tại ĐHĐCĐ năm 2021, báo cáo 6 tháng, 9 tháng/2022, lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022 của Tập đoàn.



Kết quả kiểm tra, giám sát như sau:

3.1 Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức họp và ban hành 18 Nghị quyết. Các Nghị quyết do HĐQT ban hành đúng chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn, tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tập đoàn, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

- HĐQT giám sát chặt chẽ và hỗ trợ ban điều hành trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh cũng như việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết HĐQT đã thông qua.

- Ngoài ra, HĐQT đã hỗ trợ ban điều hành trong công tác đào tạo, thực hiện phân tích đánh giá biến động kinh tế trong ngoài nước, tình hình thị trường, công tác chuyển đổi số, đánh giá người đại diện vốn Tập đoàn, xếp loại doanh nghiệp,...

3.2 Giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành

3.2.1. Kết quả kinh doanh:

Cơ quan điều hành Tập đoàn đã nghiêm túc thực hiện, triển khai các biện pháp theo chỉ đạo của HĐQT nhằm hoàn thành kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra, kết quả như sau:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		% so sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
I Số liệu hợp nhất						
1	Doanh thu hợp nhất	16.985.353	18.067.000	19.588.783	108,4%	115,3%
2	Chi phí hợp nhất	15.566.168	17.116.000	18.376.361	107,4%	118,1%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	1.419.185	951.000	1.212.422	127,5%	85,4%
II Công ty mẹ						
1	Doanh thu	1.629.154	1.750.148	1.896.147	108,3%	116,4%
2	Chi phí	1.318.215	1.419.492	1.693.882	119,3%	128,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	310.939	330.656	202.265	61,2%	65,0%

3.3 Giám sát Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ Tập đoàn

Kết quả chung của Tập đoàn năm 2022:

+ Hợp nhất: hoàn thành vượt mức kế hoạch ĐHCĐ giao: doanh thu đạt 108,4% kế hoạch, lợi nhuận đạt 127,5% kế hoạch.

+ Công ty mẹ: doanh thu đạt 108,3% kế hoạch, lợi nhuận 61,2% kế hoạch.

Nguyên nhân lợi nhuận Công ty mẹ Tập đoàn năm 2022 không đạt kế hoạch ĐHCĐ giao do thay đổi phương pháp ghi nhận cổ tức được chia từ các đơn vị thành viên: ghi nhận căn cứ trên nghị quyết ĐHCĐ quyết định tỷ lệ chia cổ tức (trước đây căn cứ trên nghị quyết HĐQT dự kiến tỷ lệ chia cổ tức). Về bản chất, kết quả SXKD hợp nhất của Tập đoàn và của các đơn vị thành viên năm 2022 không thay đổi, phần lợi nhuận Công ty mẹ năm 2022 giảm do điều chỉnh cổ tức sẽ được ghi nhận vào lợi nhuận công ty mẹ năm 2023 khi các đơn vị thành viên công bố chính thức nghị quyết ĐHCĐ quyết định tỷ lệ chia cổ tức.

3.2.2. Tình hình tài chính:

- Một số chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ Tập đoàn:

+ Tổng tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2022 là 8.486 tỷ đồng, tăng 51 tỷ đồng tương đương 0,6% so với đầu năm.

+ Hiệu quả sử dụng vốn: Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu: 3,4% giảm 1,8% so với năm 2021.

+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu: 0,43.

+ Tình hình tài chính ổn định, khả năng thanh toán ở mức an toàn.

- Về công nợ:

+ Tổng nợ phải thu: 2.891 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 872 tỷ đồng, phải thu dài hạn là 2.019 tỷ đồng (bao gồm khoản cho các công ty con vay lại từ nguồn vay ADB: 1.258 tỷ đồng).

+ Tổng nợ phải trả: 2.569 tỷ đồng, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 935 tỷ đồng, nợ phải trả dài hạn là 1.634 tỷ đồng (bao gồm khoản vay từ ADB là 1.528 tỷ đồng).

Kết quả kiểm tra không thay đổi so với Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán KPMG: Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31/12/2022; kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.4 Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tham gia công tác đánh giá hoạt động người đại diện vốn Tập đoàn tại các doanh nghiệp Tập đoàn có tham gia góp vốn, đánh giá tin nhiệm các doanh nghiệp trong Tập đoàn, soạn thảo tài liệu và giảng dạy các chuyên đề về tài chính kế toán, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ trong chương trình đào tạo nội bộ của Tập đoàn.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Cơ quan điều hành và các Cổ đông:

- Đối với Hội đồng quản trị: hàng quý, năm Ban Kiểm soát đều gửi Báo cáo kết quả kiểm tra giám sát đến Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn.
- Đối với Cơ quan điều hành: Ban Kiểm soát được Cơ quan điều hành cung cấp tài liệu và tạo điều kiện thực thi nhiệm vụ.
- Đối với các Cổ đông: trong năm 2022, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu từ phía Cổ đông.

5. Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, HĐQT Tập đoàn thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ.
- Giám sát kiểm tra theo quý, năm hoạt động của Công ty mẹ Tập đoàn và các Công ty con.
- Thực hiện những công việc khác theo yêu cầu của HĐQT, của các cổ đông.



Báo cáo hoạt động của Cơ quan điều hành

1. Môi trường hoạt động năm 2022:

Sau 3 năm ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, năm 2022 nền kinh tế thế giới đối mặt với nhiều biến động phức tạp từ xung đột Nga - Ucraina tạo ra khủng hoảng năng lượng toàn cầu, cuộc khủng hoảng này đã tác động trực tiếp lên cách chính sách nới lỏng tiền tệ trong giai đoạn khó khăn Covid của các quốc gia gây lên lạm phát cao tại các nền kinh tế trên thế giới.

Chính phủ các nước Mỹ, EU... đã nhanh chóng thực hiện các chính sách thắt chặt tiền tệ để ngăn chặn và giảm lạm phát, các chính sách này cũng đã tác động lên nhu cầu tiêu dùng tại các quốc gia xuất khẩu lớn dệt may Việt Nam và đồng thời tác động gián tiếp lên lãi suất, tỷ giá tại Việt Nam làm tăng chi phí vốn tại các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chính sách Zero-covid của chính phủ Trung Quốc đã tác

động tiêu cực đến cầu dệt may và chuỗi cung ứng toàn cầu. Từ các tác động đã nêu, kinh tế thế giới năm 2022, tăng trưởng thấp ở mức 2,9% (2021: 6%), tăng trưởng GDP tại Mỹ đạt 1,7%, EU đạt 2,6%.

Đối với ngành Dệt May, tổng cầu dệt may thế giới năm 2022 giảm còn 757 tỷ USD (năm 2021 là 805,3 tỷ USD) đặc biệt là hàng Dệt kim. Giá nguyên liệu Bông trên thế giới biến động bất thường cùng giá dầu và lập đỉnh vào tháng 5/2022: 3,73\$, vào thời điểm cuối năm hạ về 2,2\$ đến 2,4\$ tác động mạnh đến giá trị Sợi đang trên dây chuyển sản xuất và Sợi tồn kho chưa xuất bán, vào giai đoạn giá bông hạ "đột biến" gần như không có nhu cầu về khách hàng mua Sợi. Khủng hoảng logistic trên thế giới bước đầu đã được khắc phục, tình trạng thiếu Container

không còn xảy ra như những năm đại dịch. Tuy nhiên, chi phí logistic vẫn neo ở mức giá cao.

Là một ngành SXKD chủ yếu tập trung vào xuất khẩu, ngành Dệt May Việt Nam đã chịu tác động lớn từ yếu tố thị trường bên ngoài, năm 2022 xuất khẩu đi các thị trường Mỹ và EU đều tăng so với năm 2021, riêng đối với thị trường Trung Quốc giảm so với năm 2021. Thị trường Sợi không có nhu cầu, doanh nghiệp may thiếu đơn hàng, đơn hàng nhỏ, yêu cầu cao và thời gian giao hàng ngắn. Các khó khăn vào thời điểm cuối năm cũng báo hiệu một năm 2023 đầy thách thức với nền chi phí cao kéo dài cho các doanh nghiệp và nhu cầu dệt may giảm do việc thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng trên thế giới.



2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022:

Năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đạt doanh thu 19.589 tỷ, đạt 108,4% kế hoạch và tăng 15,3% so với cùng kỳ; Lợi nhuận hợp nhất (trước thuế) đạt 1.212 tỷ đồng, đạt 127,5% kế hoạch và tương đương 85,4% so với năm 2021. Một số nguyên nhân chính, tác động đến kết quả Tập đoàn năm 2023:

- 01** Ngành Sợi chịu tác động mạnh bởi 2 nguyên nhân chính: tăng giảm đột biến bởi sự biến động giá nguyên liệu Bông và nhu cầu tiêu thụ vào thời điểm 4 tháng cuối năm, ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
- 02** Lãi suất và tỷ giá: là doanh nghiệp xuất khẩu có lợi thế về nguồn ngoại tệ, song tại thời điểm cuối năm gặp bất lợi về tỷ giá đối với hàng tồn kho chưa tiêu thụ.
- 03** Lương bình quân toàn Tập đoàn năm 2022 tăng 14% so với năm 2021, đạt mức 9,69 triệu đồng/người/tháng (năm 2021: 8,4 triệu đồng/ người/ tháng) làm tăng tổng chi phí toàn Tập đoàn.

Các hệ số tài chính vào thời điểm cuối năm 2022 ở mức an toàn:

TÊN CHỈ SỐ	Năm 2021	Năm 2022	So sánh
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
1. Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,36	1,35	99,4%
2. Hệ số thanh toán nhanh	0,88	0,77	86,8%
CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG			
1. Hiệu suất sử dụng tài sản	0,79	0,91	115,1%
2. Ngày tồn kho bình quân	75 ngày	83 ngày	109,9%
3. Ngày thu tiền bình quân	68 ngày	56 ngày	81,7%
4. Ngày trả tiền bình quân	274 ngày	240 ngày	87,7%
5. Vòng quay Vốn lưu động	1,90	1,91	100,7%
KHẢ NĂNG TỰ CHỦ TÀI CHÍNH			
1. Hệ số tổng nợ phải trả / Tổng tài sản	0,55	0,53	95,9%
2. Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	1,24	1,13	91,2%
3. Khả năng tài trợ vốn dài hạn (tỷ đồng)	2.520,23	2.477,36	98,3%
HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
6. Tỷ lệ lãi sau thuế (ROA)	6,7%	5,4%	80,0%
7. Tỷ lệ lãi ròng (ROE)	15,1%	11,8%	77,9%
PHÂN TÍCH CỔ PHIẾU			
1. EPS	621	404	65,1%
2. BVPS	17.900	18.669	104,3%

3. Các hoạt động đã triển khai năm 2022:

Nghiên cứu phát triển

Vải chậm cháy: Vinatex-Kova phối hợp nghiên cứu và sản xuất vải chậm cháy từ nguyên liệu mới meta-aramid và đưa công nghệ nano từ vỏ trấu vào vải. Sản phẩm là sự kết hợp của công nghệ dệt nhuộm của Vinatex và công nghệ Nano của Kova - là thế mạnh của hai Tập đoàn. Sản phẩm đang được hoàn thiện công nghệ để đưa vào sản xuất nhiều sản phẩm có tính ứng dụng cao tiến tới thương mại hóa để đưa sản phẩm đến khách hàng, cụ thể:

- Quần áo bảo hộ lao động từ vải chậm cháy
- Xử lý khả năng chậm cháy cho sản phẩm:
 - Chăn/mền, thiết kế mặt hàng chăn/mền chậm cháy đáp ứng tiêu chuẩn của hàng không (14 CFR part25-tiêu chuẩn Mỹ) chào hàng cho Vietnam Airlines và Nhật Bản.
 - Chăn đồng phục cho các trường quốc tế tại Việt Nam.
 - Vải nội thất (vải làm bằng cho các trường học),
- Hợp tác với Tập đoàn Coats về bảo mật thông tin, phát triển mặt hàng và mở rộng thị trường sản phẩm vải chậm cháy.

Sợi lõi: hợp tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ sợi lõi filament bọc cotton với các đơn vị thành viên như Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 và Tổng công ty CP Dệt may Nam Định.

Công tác đầu tư phát triển

Trong năm 2022, Tập đoàn thực hiện 32 dự án đầu tư, trong đó 17 dự án hoàn thành; 9 dự án chuyển tiếp và 6 dự án mới. Tổng mức đầu tư của 32 dự án là 2.543 tỷ đồng. Giải ngân năm 2022 là 433 tỷ đồng, trong đó ngành Sợi chiếm 48,8% số tiền giải ngân, tương đương 211,4 tỷ đồng. Năng lực tăng thêm trong năm 2022 cụ thể:

- Lĩnh vực Sợi: 10.000 tấn/năm
- Lĩnh vực Dệt-Nhuộm: 2.400 tấn/năm
- Lĩnh vực May: 337 ngàn sản phẩm/năm

Công tác phát triển nguồn nhân lực

Lao động bình quân năm 2022: 63.982 người tương đương năm 2021, nhưng thu nhập bình quân năm 2022 tăng 14%, mức tăng cao nhất từ 2015 đến nay, gấp 2,5 lần lương bình quân toàn quốc. Trong quý 4, ngành dệt may cả nước thiếu 20% việc làm (bao gồm Doanh nghiệp FDI) nhưng lao động Tập đoàn tăng thêm 1%.

Bằng các phương pháp đào tạo mới, tiên tiến, kết hợp giải quyết những vấn đề thực tế của học viên, Tập đoàn đã triển khai các lớp đào tạo trong đó tập trung đào tạo kỹ năng cho thế hệ trẻ; củng cố kiến thức, tư duy chiến lược cho đội ngũ cán bộ mới bổ nhiệm và nâng cao kỹ năng quản trị cho giám đốc các nhà máy tại miền Trung, đồng thời hình thành kết nối giữa các học viên của các đơn vị, các ngành nghề với nhau, cụ thể:

- Khóa đào tạo kỹ năng Young Talent đã hoàn thành giai đoạn 1 với 150 học viên từ 18 đơn vị với nội dung đào tạo là Phương pháp làm việc mới và các kỹ năng cần thiết, trong đó có 9 học viên được đào tạo để trở thành giảng viên nội bộ đã phát huy tốt vai trò trong khóa học.
- Khóa đào tạo cán bộ cấp cao - Chương trình bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ quản lý doanh nghiệp cấp cao giai đoạn 1 với 53 học viên là các lãnh đạo tại các đơn vị thành viên và các Ban chức năng của Tập đoàn với nội dung đào tạo là Bồi dưỡng chuyên sâu về quản trị Doanh nghiệp: chiến lược, tổ chức, hệ thống quy chế/quy định, luật Doanh nghiệp, quản trị tài chính, quản trị sản xuất
- Khóa đào tạo Giám đốc nhà máy Dệt May: Tổ chức 02 lớp với thành viên cho 80 học viên của các đơn vị miền Trung

Công tác tài chính kế toán

Công tác tài chính kế toán đã có nhiều giải pháp đổi mới thể hiện vai trò trong sự liên kết để nhằm tăng cường sức mạnh của hệ thống:

- **Có nhiều giải pháp đảm bảo khả năng thanh toán** cho các đơn vị trong giai đoạn khó khăn tiêu thụ, đảm bảo an toàn tài chính, dòng tiền cho các đơn vị thành viên.
- **Thay đổi giải pháp quản lý kế hoạch SXKD**, bám sát và hỗ trợ DN trong hoạt động SXKD.
- **Hệ thống báo cáo quản trị Tập đoàn được nâng cấp**. Dữ liệu quản lý kết quả kinh doanh cập nhật kịp thời, tăng tốc độ và hiệu quả trong việc ra quyết định trong bối cảnh biến động liên tục.
- **Áp dụng công cụ khám sức khỏe DN theo chuẩn quốc tế (Zscore)**, để đo lường, đánh giá với các doanh nghiệp trong và ngoài tập đoàn, qua đó có giải pháp kịp thời.

Xây dựng và đổi mới nền tảng quản trị

Vai trò của Công ty mẹ trong công tác dự báo, chỉ đạo, điều phối triển khai kế hoạch SXKD của các đơn vị thành viên nhằm thích nghi với những thay đổi liên tục của môi trường luôn biến động.

Vai trò điều phối hỗ trợ:

Công ty mẹ Tập đoàn đóng vai trò quan trọng trong việc điều phối để tương tác hỗ trợ về: thị trường, kỹ thuật, đào tạo, tài chính giữa các đơn vị thành viên.

Đối với công tác giao kế hoạch và quản lý thực hiện kế hoạch của đơn vị thành viên, Tập đoàn đã triển khai theo hướng đa chiều, trên cùng một môi trường. Bám sát thực tế doanh nghiệp, chỉ đạo thống nhất trong từng ngành, xác định đúng vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp và phối hợp tìm lời giải.

Nâng cao chất lượng công tác pháp chế để tạo hành lang vận hành cho Công ty mẹ và đơn vị thành viên. Tăng cường tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho các ban chức năng và đơn vị thành viên trong một số vụ việc cụ thể về đầu tư, tài chính và tranh tụng...

Công tác dự báo, định hướng:

Tại văn phòng Công ty mẹ, đã thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo để cập nhật, phân tích, dự báo về tình hình kinh tế, thị trường ngành dệt may; định hướng hoạt động SXKD trong bối cảnh biến động, phòng ngừa rủi ro do các yếu tố thị trường mang lại.

Đưa ra giải pháp mới trong công tác dự báo. Có độ chính xác dữ liệu cao, trên cơ sở tính toán khoa học, sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính. Bám sát diễn biến thị trường, nghiên cứu những nội dung mang tính xu hướng tác động đến lĩnh vực dệt may. Đánh giá các tác động diễn biến thị trường và đưa ra dự báo tình hình. Tạo dựng và duy trì hình thức sinh hoạt thường xuyên với các đơn vị thành viên.

Ứng dụng các giải pháp làm việc linh hoạt, tập trung chuyển đổi số các hoạt động cốt lõi nhằm nâng cao hiệu suất và tốc độ xử lý công việc trong bối cảnh thế giới biến động liên tục.

Văn phòng Tập đoàn và một số đơn vị thành viên đã áp dụng giải pháp làm việc linh hoạt theo phương pháp AGILE. Để đảm bảo khả năng thích nghi trong việc tổ chức triển khai hoạt động SXKD và các hoạt động củng cố nền tảng vận hành.

Đồng thời, thay đổi giải pháp làm việc trên môi trường số: Ứng dụng mạnh mẽ CNTT vào xử lý các công việc tại Công ty mẹ và một số đơn vị trọng yếu.

- Chuyển đổi số hoạt động Sợi, Tài chính kế toán và Quản lý nguồn nhân lực;
- Sử dụng E-office để số hóa quy trình triển khai công việc tại Công ty mẹ;
- Ứng dụng tối đa MS 365 để tạo môi trường cho các giải pháp làm việc linh hoạt;

4. Kế hoạch SXKD năm 2023:

Năm 2023, ngành Dệt May thế giới sẽ tiếp tục đối mặt với những thách thức phát sinh từ quý 4 năm 2022: (1) Xung đột Nga - Ucraina tiếp tục gây sức ép lên giá năng lượng và lương thực ảnh hưởng mạnh đến các thị trường xuất khẩu của Dệt May Việt Nam (2) Lạm phát đã được kiểm soát, song các chính sách tiền tệ đã giảm bớt áp lực từ việc tăng lãi suất của các Ngân hàng trung ương, song nền lãi suất cao khả năng sẽ được duy trì đến hết năm (3) Tổng cầu Dệt May thế giới 2023: 700 tỷ USD, dự báo giảm 8% so với năm 2022.

Dự kiến doanh thu hợp nhất đạt 17.500 tỷ đồng, bằng 89% kết quả thực hiện năm 2022; lợi nhuận hợp nhất đạt 610 tỷ đồng, bằng 50% kết quả thực hiện năm 2022.

Với nhiệm vụ điều hành được thực hiện trên quan điểm chung trong giai đoạn biến động bất ổn:

- Tiếp tục bám sát diễn biến thị trường để đưa ra các quyết định linh hoạt, kịp thời.

- Chủ động tìm kiếm các thị trường mới đi cùng với việc cơ cấu sản phẩm và sản xuất linh hoạt và phù hợp.

- Tăng cường đẩy mạnh hoạt động điều phối của các ban sản xuất kinh doanh chuyên ngành trên Tập đoàn để cùng điều phối thông tin và hỗ trợ hoạt động với các doanh nghiệp thành viên.

- Kiểm soát tốt khả năng thanh toán cho các doanh nghiệp thành viên.

- Đánh giá thời điểm phù hợp để triển khai các dự án đầu tư phát triển.

- Tăng cường công tác chuyển đổi số các hoạt động cốt lõi để đẩy nhanh hoạt động quản trị.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng mới cho người lao động, để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi trong thời gian tới.





Báo cáo tình hình thị trường năm 2022 và triển vọng năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP toàn cầu suy giảm

Năm 2022 là một năm đầy sóng gió với kinh tế thế giới, xung đột địa chính trị Nga-Ukraine kéo theo cuộc khủng hoảng năng lượng và giá hàng hóa cơ bản tăng cao. Tăng trưởng GDP thế giới năm 2022 chỉ đạt 3,4% (bằng xấp xỉ 50% tăng trưởng GDP của năm 2021), tỷ lệ lạm phát cao ở ngưỡng 8,8% khiến các ngân hàng trung ương lần lượt thắt chặt các chính sách tài chính. Kinh tế thế giới chịu cú sốc tiếp ngay sau năm 2021 khi chớm vượt qua ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.



Các nền kinh tế lớn

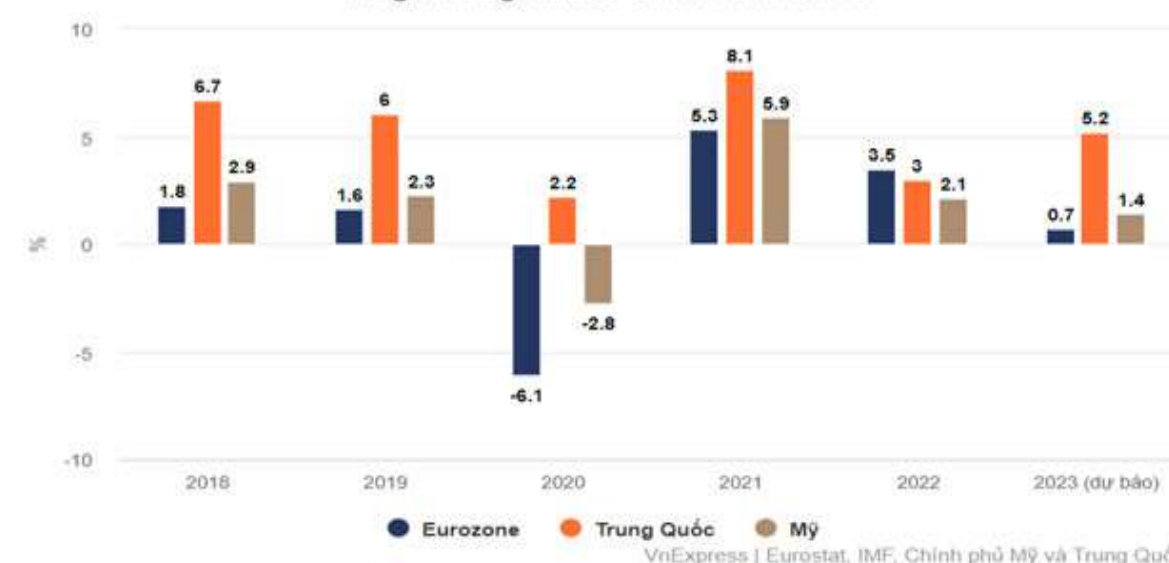


Mỹ: Tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 2,1%, dự kiến năm 2023 tăng trưởng GDP ở mức 1,4% (ngày 15/3/2023 Goldman Sachs hạ dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ xuống 1,2% trong năm 2023 sau các biến động lớn của hệ thống tài chính ngân hàng vào đầu tháng 3).

EU: Nền kinh tế của EU năm 2022 đã phục hồi tốt hơn dự kiến khi đối mặt với cú sốc lớn về nguồn cung năng lượng đến từ cuộc xung đột Nga - Ukraine. Tăng trưởng GDP của EU năm 2022 ở mức 3,5%, lần đầu tiên kể từ năm 1974 cao hơn Mỹ và Trung Quốc. Tuy nhiên IMF đánh giá mức tăng trưởng này được hỗ trợ 1/3 bởi Chính phủ - khoảng 1,2% GDP cho các hộ gia đình và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng năng lượng.

Trung Quốc: Nền kinh tế Trung Quốc dự kiến sẽ phục hồi trong năm 2023, tăng trưởng GDP từ mức 3% của năm 2022, tăng lên 5,2% vào năm 2023, khi việc đi lại và các hoạt động tăng lên sau khi các hạn chế liên quan đến dịch bệnh được dỡ bỏ, qua đó thúc đẩy nền kinh tế toàn cầu (IMF cho rằng Trung Quốc sẽ đóng góp 25% tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2023)

Tăng trưởng kinh tế 3 nền kinh tế lớn



VnExpress | Eurostat, IMF, Chính phủ Mỹ và Trung Quốc

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU DỆT MAY VIỆT NAM VÀ CÁC QUỐC GIA CẠNH TRANH

Tình hình xuất khẩu DMVN

Năm 2022 thị trường dệt may chứng kiến 2 bức tranh có màu sắc đối lập giữa 6 tháng đầu năm khởi sắc và 6 tháng cuối năm đảo chiều khó khăn (8 tháng đầu năm xuất khẩu tăng 20% so cùng kỳ, tháng 9 chỉ còn tăng 11% nhưng tháng 10 và tháng 11 quay đầu giảm lần lượt 4% và 10% so cùng kỳ) khi nhu cầu tiêu thụ dệt may tại các thị trường lớn như Mỹ, EU suy giảm do lạm phát cao và lãi suất tăng. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu dệt may Việt Nam đạt 44,7 tỷ USD, tăng 10,6% so với cùng kỳ. Mặc dù kim ngạch xuất khẩu tăng hơn 10% so năm 2021 nhưng tốc độ tăng trưởng của quý 4/2022 đã chậm lại và tình hình khó khăn dự kiến còn tiếp diễn trong năm 2023.

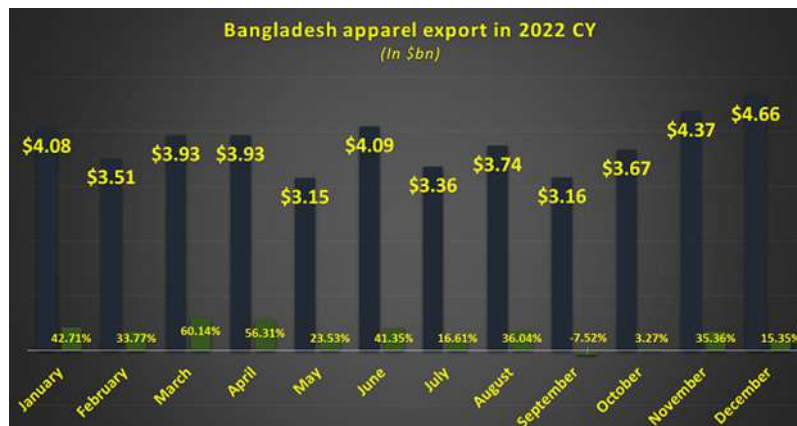
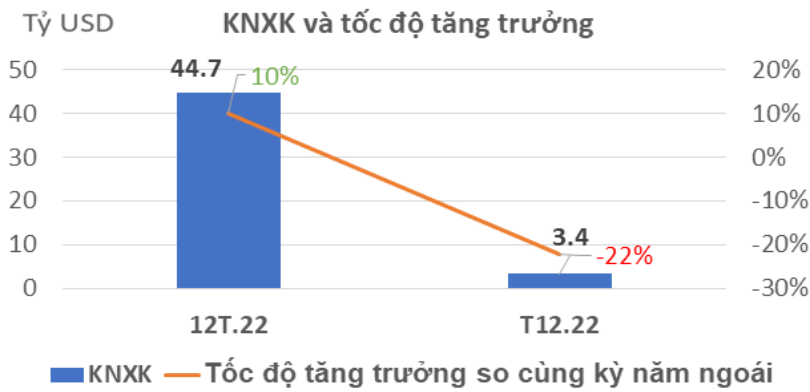


Tình hình xuất khẩu các quốc gia cạnh tranh

Trong năm 2022, trước bối cảnh các thị trường tiêu thụ dệt may lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản lạm phát cao, lãi suất tăng nhanh, xuất khẩu dệt may của các quốc gia sản xuất/xuất khẩu dệt may lớn đều bị ảnh hưởng, đa số giảm mạnh, trừ Trung Quốc và Bangladesh duy trì được đà tăng.

Việt Nam giữ vị trí thứ 3 về các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn nhất thế giới và là quốc gia hiếm hoi duy trì tăng trưởng xuất khẩu dệt may trong năm 2022 với tốc độ tăng 10,6% đứng thứ 2 thế giới, sau Bangladesh.

Tình hình xuất khẩu dệt may của các quốc gia như sau:



Trung Quốc

Trong năm 2022, xuất khẩu dệt may Trung Quốc vẫn đạt mốc cao mới 323 tỷ USD, tăng 2,6% so năm 2021, trong đó:

- Hàng dệt xuất khẩu đạt 148 tỷ USD, tăng 2% so cùng kỳ;
- Hàng may mặc xuất khẩu đạt 175 tỷ USD, tăng 3,2% so cùng kỳ.

Bangladesh

Xuất khẩu dệt may của Bangladesh tháng 12 đạt 4,6 tỷ USD tăng 15,3% so cùng kỳ, trong bối cảnh các quốc gia xuất khẩu dệt may lớn khác như Trung Quốc, Việt Nam, Ấn Độ đều giảm từ quý 4/2022. Cả năm 2022, Bangladesh xuất khẩu dệt may đạt 45,7 tỷ USD, tăng gần 26% so năm trước.

Ấn Độ

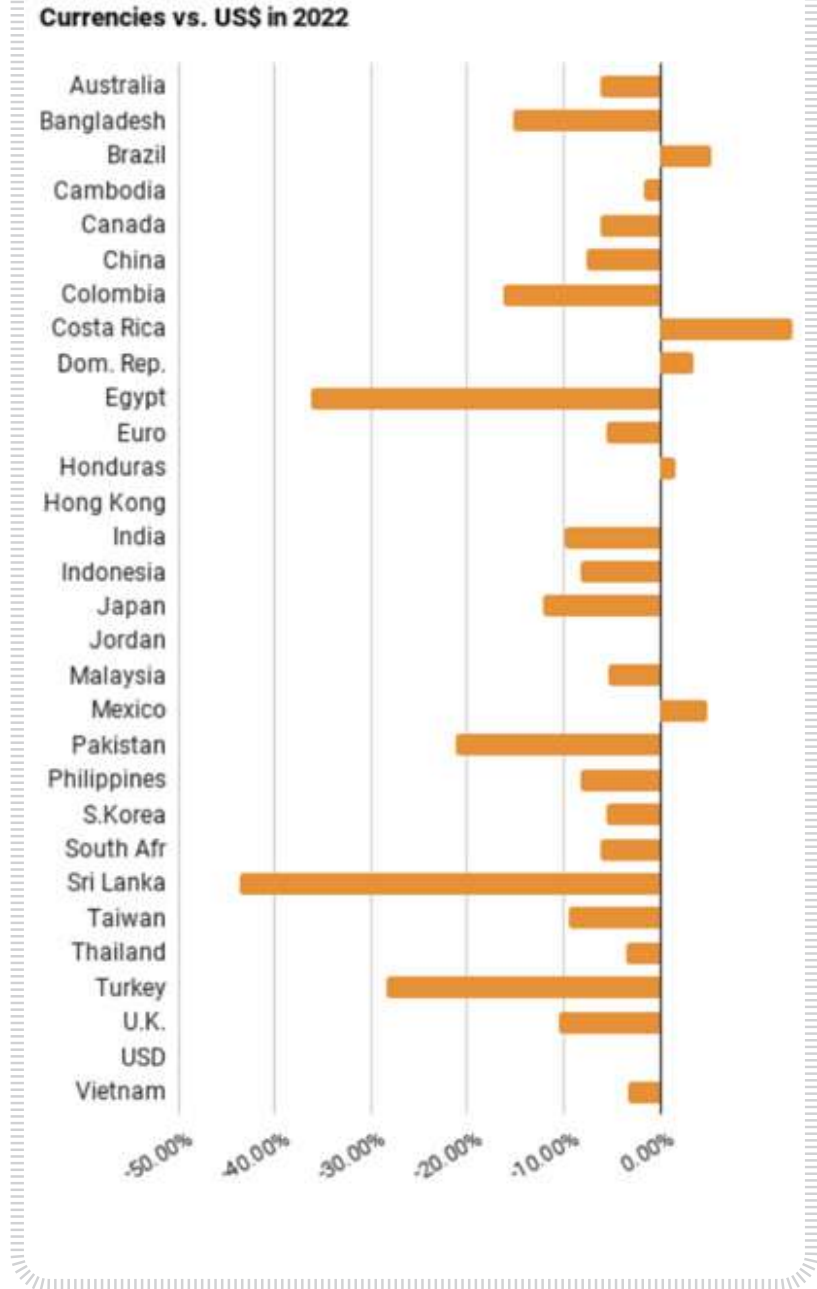
Xuất khẩu dệt may Ấn Độ tháng 12/2022 tiếp tục giảm 21,5%, giảm tháng thứ 6 liên tiếp (riêng hàng may mặc tăng nhẹ, đạt 1,02 tỷ USD, tăng 1% so cùng kỳ).

Cả năm 2022, Ấn Độ xuất khẩu dệt may đạt 37,6 tỷ USD, giảm 4,3% so năm ngoái, trong đó:

- Hàng dệt đạt 21 tỷ USD, giảm 13,4% so năm ngoái.
- Hàng may mặc đạt 16,6 tỷ USD, tăng 10% so năm ngoái.

Xuất khẩu dệt may của Ấn Độ giảm do sự sụt giảm mạnh của nhóm hàng dệt, nguyên phụ liệu. Các sản phẩm bông như sợi bông, thảm và hàng thủ công mỹ nghệ giảm mạnh nhất.

Biểu đồ: Diễn biến tỷ giá đồng tiền các quốc gia so với USD năm 2022



Trong năm 2022, xuất khẩu dệt may Việt Nam còn chịu tác động của biến động tỷ giá khi đồng tiền của các quốc gia xuất khẩu cạnh tranh mất giá so với USD lớn hơn mức độ mất giá của Việt Nam đồng (VND) khiến hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam đắt hơn từ 6% - 42% do chênh lệch mức độ mất giá.

Trong khi VND mất giá 2% so với USD, đồng Rupee của Sri Lanka mất 44%, đồng Lira của Thổ Nhĩ Kỳ mất giá 29% (trong khi 2 năm trước đó đã mất giá 45%), đồng Taka của Bangladesh mất giá 16%, đồng Rupee của Pakistan mất giá 21%, đồng Rupee của Ấn Độ mất giá 10%, đồng Nhân dân tệ của Trung Quốc mất giá khoảng 8%.



“

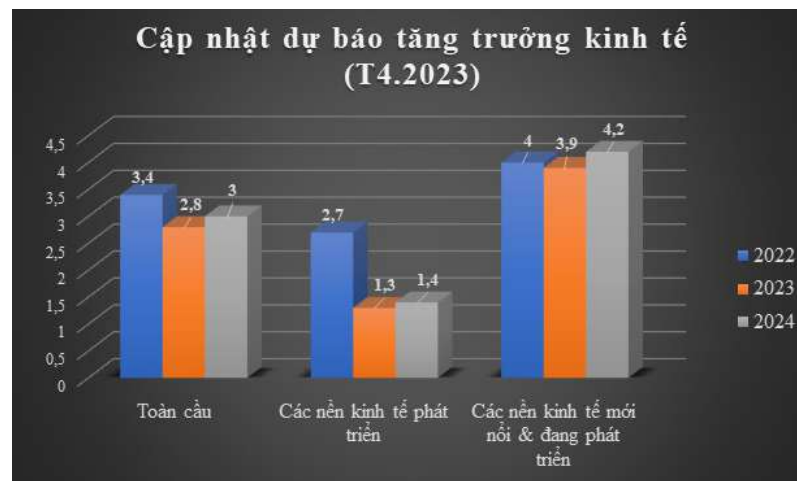
Kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài khó khăn chung của thị trường với mức tăng trưởng GDP quý 1 chỉ đạt 3,32% - mức tăng trưởng thấp nhất của quý 1 trong 12 năm qua (trừ quý 1/2020 khi bùng phát đại dịch). IMF đã điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam từ mức 6,5% xuống 5,8% trong năm 2023.

”



TRIỂN VỌNG 2023

Các yếu tố bất lợi ảnh hưởng đến thị trường dệt may trong năm 2022 vẫn tiếp tục duy trì sang năm 2023, thậm chí có nhiều tín hiệu tiêu cực từ kinh tế thế giới. Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Việc duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt tại Mỹ và EU mặc dù giúp kim hãm lạm phát trong năm 2022 nhưng lại làm lung lay hệ thống tài chính-ngân hàng. Ngay trong nửa đầu tháng 3 đã có 3 ngân hàng tại Mỹ phá sản và 1 ngân hàng lớn của Thụy Sĩ mất thanh khoản, bán lại cho UBS. Điều này làm dấy lên lo ngại về một cuộc suy thoái kinh tế trong năm 2023. Báo cáo mới đây nhất của IMF ngày 12/4 đã điều chỉnh giảm mức dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 xuống về 2,8% và 3% cho năm 2024. Trong khi đó,



WTO ngày 5/4 đưa ra dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu chậm lại ở mức 1,7% trong năm 2023, tăng trưởng GDP toàn cầu ở mức 2,4% - là mức tăng trưởng thấp hơn mức trung bình 12 năm qua đối với cả thương mại và GDP. Các nền kinh tế lớn cũng đều bị hạ dự báo tăng trưởng GDP như Mỹ chỉ quanh ngưỡng 1%, khu vực Châu Âu ở mức 0,8% trong khi tăng trưởng GDP của Anh là -0,3% trong năm 2023.

Nhu cầu tiêu dùng của các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc vẫn tiếp tục giảm do kinh tế vĩ mô toàn cầu vẫn ở trạng thái bất định. Nhập khẩu hàng dệt may của Mỹ đã giảm 13% xuống còn 17,5 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm 2023 so với mức 20,1 tỷ USD cùng kỳ 2022. Doanh số bán lẻ hàng may mặc của thị trường này cũng quay đầu giảm trong tháng 2 (-0,4%) và tiếp tục giảm trong tháng 3. Tình hình tương tự cũng xảy ra ở khu vực Châu Âu với doanh số bán lẻ giảm 0,8% trong tháng 2. Tồn kho tăng và lợi nhuận giảm trong quý 1 được ghi nhận ở nhiều hãng thời trang và nhà mua hàng lớn như Nike, Adidas, Uniqlo, Hanes Brand.

Kinh tế Việt Nam cũng không nằm ngoài khó khăn chung của thị trường với mức tăng trưởng GDP quý 1 chỉ đạt 3,32% - mức tăng trưởng thấp nhất của quý 1 trong 12 năm qua (trừ quý 1/2020 khi bùng phát đại dịch). IMF đã điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng của

Việt Nam từ mức 6,5% xuống 5,8% trong năm 2023. Theo dự báo của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ngày 4/4), cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam sẽ giảm 7% trong 2023 và 2024.

Ngành dệt may trong nước đang phải đối diện với những khó khăn chưa từng có trong tiền lệ. Xuất khẩu dệt may quý 1/2023 giảm 19% so với cùng kỳ, chỉ đạt 8,6 tỷ USD, nguyên nhân là do khó khăn về đơn hàng, giá nhiên liệu, nhân công và các yếu tố đầu vào tăng cao. Bên cạnh đó, để hỗ trợ doanh nghiệp dệt may, kích thích tiêu dùng nội địa và thúc đẩy xuất khẩu, Chính phủ các quốc gia dệt may như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ đã tung ra nhiều biện pháp hỗ trợ tạo thêm áp lực rất lớn cho ngành Dệt May Việt Nam. Sản xuất kinh doanh trì trệ, nhiều doanh nghiệp đã phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm lao động, giảm giờ làm đồng thời đặt mục tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2023 giảm đáng kể so với mức thực hiện năm 2022.

Như vậy, diễn biến gần đây chưa cho thấy các tín hiệu phục hồi của nền kinh tế thế giới và kinh tế trong nước. Trong trường hợp xấu, kinh tế Mỹ “hạ cánh cứng”, kinh tế thế giới rơi vào suy thoái, tình trạng cầu yếu sẽ còn kéo dài không chỉ trong năm 2023, kích thích phục hồi lại nền kinh tế trong tình trạng suy thoái, giảm phát sẽ mất rất nhiều thời gian. Trong kịch bản trung bình (kinh tế thế giới suy giảm, không suy thoái), tổng cầu dệt may thế giới dự báo chỉ đạt quanh mức 700 tỷ USD, thấp hơn mức của năm 2020 khi xảy ra đại dịch Covid-19 (không còn nhu cầu đồ bảo hộ), xuất khẩu sẽ duy trì đi ngang mức năm 2022.

Trong trường hợp kinh tế thế giới rơi vào suy thoái (kịch bản xấu), tổng cầu dệt may có thể chỉ quanh mức 650 tỷ USD (giảm khoảng hơn 100 tỷ USD so với năm 2022), kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam năm 2023 có thể thấp hơn năm 2022 khoảng 5% - 10%.

Hợp đồng, giao dịch giữa Vinatex với người nội bộ và các bên liên quan của người nội bộ

(Ghi chú: Người nội bộ: HĐQT, BKS, HĐQT của Vinatex)

STT	Công ty có người nội bộ của Vinatex tham gia các chức danh HĐQT, BKS, HĐQT	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)	Người nội bộ của Vinatex và chức danh của người nội bộ tại công ty có phát sinh hợp đồng, giao dịch với Vinatex
1	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	Bán hàng hóa, dịch vụ	563.810.000	Ông Trần Quang Nghi: Chủ tịch HĐQT
		Tiền lãi cho vay	16.373.989.555	
2	Tổng Công ty May 10 -CTCP	Bán hàng hóa, dịch vụ	986.324.022	Ông Đặng Vũ Hùng: Phó Chủ tịch HĐQT
		Mua hàng hóa, dịch vụ	8.644.321.836	
3	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex	Bán hàng hóa, dịch vụ	50.000.000	Ông Đặng Vũ Hùng: Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Song Hải: Thành viên HĐQT - TGD
		Thu hồi gốc cho vay	35.204.940.840	
4	Công ty CP Quốc tế Phong Phú	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.059.480.000	Ông Đặng Vũ Hùng: Chủ tịch HĐQT
5	Công ty CP Dệt Vĩnh Phú	Bán hàng hóa, dịch vụ	3.508.841.299	Ông Nguyễn Xuân Đông: Chủ tịch HĐQT
6	Tổng Công ty CP May Nhà Bè	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.655.968.897	Ông Nguyễn Xuân Đông: Chủ tịch HĐQT
		Mua hàng hóa, dịch vụ	169.217.130	
7	Công ty CP Sợi Phú Bài	Bán hàng hóa, dịch vụ	134.531.795	Ông Cao Hữu Hiếu: Chủ tịch HĐQT
8	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt may Phố Nối	Bán hàng hóa, dịch vụ	9.380.471.250	Ông Cao Hữu Hiếu: Chủ tịch HĐQT Bà Trần Thu Hằng: Trưởng BKS
9	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	Bán hàng hóa, dịch vụ	16.308.977.221	Ông Nguyễn Song Hải: Chủ tịch HĐQT Bà Trần Thu Hằng: Tổ trưởng TKS
		Tiền lãi cho vay	1.816.461.258	
10	Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	Bán hàng hóa, dịch vụ	85.000.000	Ông Nguyễn Song Hải: Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Ngọc Cách: Thành viên HĐQT
		Tiền lãi cho vay	6.555.764.656	
11	Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định	Tiền lãi cho vay	8.610.246.391	Ông Phạm Văn Tân: Chủ tịch HĐQT Bà Trần Thu Hằng: Trưởng BKS
		Bán hàng hóa, dịch vụ	45.000.000	
		Mua hàng hóa, dịch vụ	253.185.000	
12	Công ty CP May Nam Định	Bán hàng hóa, dịch vụ	25.550.000	Ông Phạm Văn Tân: Chủ tịch HĐQT
13	Công ty CP May Bình Minh	Bán hàng hóa, dịch vụ	557.862.470	Ông Lê Mạc Thuấn: Chủ tịch HĐQT
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.046.332.800	Ông Lê Mạc Thuấn: Chủ tịch HĐQT
15	Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ	Bán hàng hóa, dịch vụ	49.440.358.806	Ông Nguyễn Đức Trí: Chủ tịch HĐQT
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.972.723	
		Tiền lãi cho vay	6.454.974.769	
16	Công ty CP Dệt May Huế	Bán hàng hóa, dịch vụ	325.261.766	Ông Nguyễn Đức Trí: Chủ tịch HĐQT
		Tiền lãi cho vay	2.605.144.296	
17	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	Cho vay	69.600.000.000	Ông Phạm Xuân Trinh: Chủ tịch HĐQT
		Tiền lãi cho vay	408.109.589	

Giao dịch giữa công ty con của Vinatex với các công ty có người nội bộ tham gia các chức danh HĐQT, BKS, HĐQT

STT	Công ty con của Vinatex	Công ty có người nội bộ của Vinatex tham gia các chức danh HĐQT, BKS, HĐQT	Loại giao dịch	Tổng giá trị giao dịch	
1	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	CTCP Dệt kim Hanosimex	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.429.403.261	
			Mua hàng hóa, dịch vụ	11.056.310.371	
			Công ty CP Phát triển Hạ tầng Dệt may Phố Nối	Mua hàng hóa, dịch vụ	4.617.263.552
			Công ty TNHH TCT Dệt may Miền Bắc - Vinatex	Mua hàng hóa, dịch vụ	12.859.686.223
			Tổng Công ty CP DM Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ	66.482.771.374
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.424.458.728	
			Công ty CP Dệt may Huế	Mua hàng hóa, dịch vụ	965.816.460
3	Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.878.848	
			Mua hàng hóa, dịch vụ	18.660.326	
			CTCP Dệt may Huế	Bán hàng hóa, dịch vụ	129.818.201
4	Công ty CP Dệt may Huế	Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định	Mua hàng hóa, dịch vụ	41.496.000	
			Mua hàng hóa, dịch vụ	29.536.492.525	
			CTCP Sợi Phú Bài	Bán hàng hóa, dịch vụ	460.750.538
5	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex	CTCP Vinatex Hồng Lĩnh	Thuê nhà máy	12.000.000.000	
			Mua Tài sản	89.965.483.078	
			Tổng Công ty CP May 10	Bán hàng hóa, dịch vụ	21.204.000
6	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex	CTCP Vinatex Hồng Lĩnh	Cho vay	8.000.000.000	
			Thu nhập lãi cho vay	2.033.722.222	
7	Công ty CP Phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối	Tổng Công ty CP Dệt may Hà Nội	Mua hàng hóa, dịch vụ	813.145.000	
			Mua hàng hóa, dịch vụ	13.280.080.961	
8	Công ty CP Vinatex Phú Hưng	CTCP Dệt kim Hanosimex	Bán hàng hóa, dịch vụ	4.451.172.429	
			Tổng Công ty CP Dệt may Hòa Thọ	Mua hàng hóa, dịch vụ	21.818.182
8	Tổng Công ty CP Phong Phú	CTCP Vinatex Hồng Lĩnh	Bán hàng hóa, dịch vụ	24.379.325	
			CTCP Dệt may Nha Trang	Bán hàng hóa, dịch vụ	43.471.844.091
			Mua hàng hóa, dịch vụ	43.353.401.207	
8	Tổng Công ty CP Phong Phú	CTCP Quốc tế Phong Phú	Mua hàng hóa, dịch vụ	43.353.401.207	
			Bán hàng hóa, dịch vụ	20.773.256.828	



CHƯƠNG **IV**

QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG
& NHÀ ĐẦU TƯ

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

1. Thông tin cổ phần

(tại ngày 30/12/2022)

Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông	
Mệnh giá	10.000 đồng/	cổ phần
Tổng số cổ phần đang lưu hành	500.000.000	cổ phần
Cổ phần chuyển nhượng tự do	500.000.000	cổ phần
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0	cổ phần

2. Cơ cấu cổ đông

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/12/2022)

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổ chức	15	385.613.165	77,12%
1.1	Trong nước	12	320.607.265	64,12%
1.2	Nước ngoài	3	65.005.900	13,00%
2	Cá nhân	17.196	114.386.835	22,88%
2.1	Trong nước	17.147	113.752.295	22,75%
2.2	Nước ngoài	49	634.540	0,13%
	Tổng cộng	17.211	500.000.000	100,00%

3. Cổ đông lớn

(theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/12/2022)

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nhà nước (Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH)	267.438.100	53,49%
2	Itochu Corporation	65.000.000	13,00%
	Tổng cộng	332.438.100	66,49%

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông là người nội bộ năm 2022

TT	Họ tên	Chức vụ	Tại 30/12/2022		Tại 01/01/2022		Tăng/ Giảm số CP
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	5.500	0,001%	5.500	0,001%	-
2	Trần Quang Nghị	Phó CT HĐQT	10.003.900	2,001%	10.003.900	2,001%	-
3	Nguyễn Xuân Đông	TV HĐQT	15.000.000	3,000%	15.000.000	3,000%	-
4	Đặng Vũ Hùng	TV HĐQT	5.000	0,001%	5.000	0,001%	-
5	Cao Hữu Hiếu	Tổng Giám đốc	3.300	0,001%	3.300	0,001%	-
6	Lê Mạc Thuấn	Phó TGD	5.100	0,001%	5.100	0,001%	-
7	Lê Trung Hải	Phó TGD	3.100	0,001%	3.100	0,001%	-
8	Đoàn Thị Thu Hương	TV BKS	3.000	0,0006%	2.000	0,0004%	1.000

THÔNG TIN LIÊN LẠC BỘ PHẬN QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Ban Tổng hợp Pháp chế - Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Địa chỉ: 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3825 7700

Fax: 024 3826 2269

Email: qhcd@vinatex.com.vn

Website: www.vinatex.com.vn (Mục Quan hệ cổ đông)



CHƯƠNG **V**

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chính sách liên quan đến người lao động



1.1. Đảm bảo việc làm ổn định, đảm bảo tiền lương - thu nhập của người lao động sau đại dịch

Sau thời gian dài chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp dần ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Mặc dù tỷ lệ lao động trở lại làm việc khá cao nhưng lực lượng lao động toàn Tập đoàn vẫn sụt giảm so với đầu năm 2021 do nhiều đơn vị chưa thể tuyển bổ sung đủ cho nhu cầu SXKD. Một bộ phận người lao động về quê đã không trở lại, việc tuyển lao động mới cũng gặp khó khăn và tăng chi phí đào tạo, năng suất của lao động mới tuyển thấp.

Do sớm ổn định sản xuất sau đại dịch và kết quả tăng trưởng khá của 9 tháng đầu năm 2022 nên các đơn vị trong Tập đoàn đã quan tâm cải thiện tiền lương - thu nhập cho người lao động. Thu nhập bình quân toàn Tập đoàn năm 2022 đạt gần 9,7 triệu đồng/người/tháng, tăng 14% (~1,2 triệu đồng/người/tháng) so với năm 2021, đây là mức tăng cao nhất từ 2015 đến nay (trước đây bình quân tăng 6-7%/năm).

Chế độ chính sách của người lao động tiếp tục được quan tâm thực hiện tốt: các doanh nghiệp tiếp tục giải quyết các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, của Công đoàn (hỗ trợ các trường hợp bị Covid-19 phải điều trị tại cơ sở y tế, tăng cường dinh dưỡng bữa ăn giữa ca để người lao động nhanh phục hồi sức khỏe sau khi khỏi bệnh, hỗ trợ tiền thuê nhà sau khi người lao động trở lại làm việc...)



1.2. Đảm bảo an toàn lao động, quan tâm chăm sóc sức khỏe người lao động

Ngoài việc tạo công ăn, việc làm, đảm bảo tiền lương, thu nhập cho người lao động, Tập đoàn và các doanh nghiệp thành viên luôn quan tâm đến công tác đảm bảo an toàn lao động và chăm lo sức khỏe cho người lao động. Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị làm việc, bảo hộ lao động theo yêu cầu của mỗi vị trí, được huấn luyện về công tác an toàn lao động, kỹ thuật vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

Các đơn vị sử dụng nhiều lao động đều có phòng Y tế tư vấn sức khỏe, sơ cấp cứu kịp thời. Tập đoàn có Trung tâm Y tế quản lý toàn bộ hệ thống Y tế tại các đơn vị thành viên và Bệnh viện Dệt May phục vụ công tác chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ, phát hiện sớm bệnh lý nhất là những bệnh lý liên quan đến nghề nghiệp để kịp thời điều trị cho người lao động. Các trường hợp ốm đau đều được thăm hỏi, động viên kịp thời và được trợ cấp ốm đau từ quỹ Công đoàn và doanh nghiệp.





1.3. Duy trì và phát triển chính sách phúc lợi

Ngoài việc chấp hành tốt pháp luật lao động, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và các đơn vị còn có nhiều chính sách phúc lợi tự nguyện, phúc lợi bổ sung cho người lao động như phụ cấp điện thoại, xăng xe, xe đưa đón, tặng thêm chất lượng bữa ăn trưa, nhà ở, hỗ trợ chi phí test covid; hỗ trợ tiền, hiện vật như sữa, tặng thêm chất lượng ăn ca để nâng cao sức khỏe người lao động hậu Covid-19... Hầu hết các nhà máy của các đơn vị thuộc Tập đoàn tổ chức xây dựng nhà ăn và tự tổ chức nấu ăn phục vụ ăn ca, đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Một số đơn vị thành viên của Tập đoàn đã tổ chức xây dựng các khu nhà ở cho cán bộ công nhân viên chưa có nhà ở thuê với giá rẻ hoặc hỗ trợ bằng tiền để các cán bộ nhân viên tự thuê nhà; tổ chức nhà giữ trẻ cho người lao động yên tâm công tác; tổ chức tặng quà cho các cháu thiếu nhi - con CBCNV nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu, đồng thời tuyên dương các cháu có thành tích cao trong học tập.

Nhiều doanh nghiệp thành viên trong Tập đoàn nhờ cải tiến công tác quản trị, tiết kiệm được chi phí nên có nguồn để cải thiện chính sách phúc lợi cho người lao động như tổ chức bữa ăn sáng tại doanh nghiệp, khai thác nguồn rau an toàn để bán cho người lao động, triển khai mô hình trồng rau sạch cung cấp cho bữa ăn giữa ca và đưa vào siêu thị bán cho người lao động với giá chỉ bằng 50% so với giá thị trường. Việc áp dụng các chính sách phúc lợi tự nguyện của doanh nghiệp đã góp phần đảm bảo sức khỏe, nâng cao năng suất lao động tại doanh nghiệp.



1.4. Chính sách đào tạo người lao động luôn được quan tâm

Tập đoàn luôn quan tâm xây dựng văn hóa học tập trong toàn hệ thống. Trong giai đoạn này, Tập đoàn chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ chiến lược phát triển của Tập đoàn, tạo sự kết nối giữa đội ngũ nhân lực tại các đơn vị thành viên và thuận lợi cho việc hợp tác, chia sẻ trong chuỗi sản xuất của Tập đoàn.

Năm 2022, Tập đoàn đã triển khai các chương trình đào tạo, trong đó kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tiễn, giữa giảng viên chuyên nghiệp của các tổ chức đào tạo uy tín với các nhà quản lý kinh nghiệm của Tập đoàn, áp dụng các phương pháp đào tạo tiên tiến. Khóa đào tạo cán bộ trẻ (Young Talent) đã hoàn thành giai đoạn 1 trong năm 2022 quy tụ hơn 150 học viên đến từ 18 đơn vị, là cán bộ trẻ tuổi dưới 35, có trình độ chuyên môn và tiếng Anh tốt, nội dung đào tạo toàn diện cả về kỹ năng và kiến thức chuyên môn.

Khóa đào tạo cán bộ quản lý cấp cao giai đoạn 1 với 53 học viên là cán bộ chức danh Trưởng, Phó Ban chức năng của Tập đoàn và Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng tại các đơn vị thành viên với nội dung bồi dưỡng chuyên sâu về quản lý kinh doanh, tài chính, thị trường, nhân lực và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm thực tế tại các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh Dệt May khu vực miền Trung. Bên cạnh đó, Tập đoàn cũng chỉ đạo Trung tâm Đào tạo cán bộ quản lý tổ chức 02 khóa đào tạo Giám đốc nhà máy Dệt May thành viên cho 80 học viên của các đơn vị miền Trung.

Năm 2022, trường ĐH Công nghiệp Dệt May Hà Nội tuyển được 1.218 sinh viên hệ đại học, đạt 105% kế hoạch. Hơn 900 sinh viên hệ Đại học đều có việc làm sau khi tốt nghiệp.

2. Hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững, thân thiện môi trường

Tình hình chung

Các ngành sản xuất chính của Tập đoàn là sản xuất Sợi, Dệt, Nhuộm, May và Phân phối các sản phẩm may mặc. Trong quá trình sản xuất chất thải chủ yếu: nước thải, khí thải và chất thải rắn. Tại những đơn vị có hoạt động sản xuất Dệt Nhuộm thì nguồn thải chủ yếu là nước thải, khí thải và chất thải rắn. Tất cả những hoạt động phát sinh chất thải của doanh nghiệp đều được thu gom và xử lý theo đúng quy trình, quy định của pháp luật nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường xung quanh, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững của Tập đoàn.

Ngoài những lĩnh vực sản xuất trên, Tập đoàn còn quản lý một Bệnh viện với các nguồn thải là nước thải và chất thải rắn (thông thường và chất thải nguy hại). Toàn bộ các nguồn thải này đã được bệnh viện tổ chức thu gom

và xử lý theo đúng quy định. Hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện hoạt động ổn định, chất lượng nước thải đầu ra đạt yêu cầu trước khi xả thải ra môi trường.

Công tác quản lý môi trường của Tập đoàn

Hiện nay, 100% các đơn vị sản xuất thuộc Tập đoàn đều có bộ phận phụ trách về môi trường và năng lượng. Tuy nhiên chỉ có một số đơn vị có cán bộ chuyên trách, còn lại hầu hết là các cán bộ kỹ thuật của nhà máy phân xưởng đang kiêm nhiệm chức năng đối với công tác môi trường.

Bảng tổng hợp số liệu liên quan đến hoạt động bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng (của các đơn vị thành viên Tập đoàn nắm giữ >51% vốn).

2.1 Tình hình tiêu thụ năng lượng

Bảng 1 - Tiêu thụ năng lượng

Lượng điện SD năm 2022 (KWH)		Tổng năng lượng sử dụng năm 2022 (TOE/năm)		Năng lượng điện SD so với năm 2021 (%)	Thực hiện kiểm toán năng lượng
Điện KWH	Quy đổi (TOE)	Năng lượng tiêu thụ trực tiếp	Năng lượng tiêu thụ gián tiếp		
455.967.147	70.356	81.833	52	Tăng 20.9 %	Thực hiện theo đúng quy định

Sản lượng điện năm 2022 của các đơn vị thành viên Tập đoàn tăng hơn 20% so với năm 2021 vì tình hình sản xuất kinh doanh của các đơn vị đã phục hồi trở lại sau thời gian phải hoạt động cầm chừng vì dịch bệnh Covid-19.

Thực hiện chủ trương tiết kiệm năng lượng và phát triển nguồn năng lượng sạch thân thiện với môi trường. Nhiều đơn vị trong Tập đoàn đã đầu tư và đưa vào sử dụng nguồn năng lượng sạch (điện áp mái) có thể kể đến một số đơn vị như sau:

- Tổng Công ty CP May Việt Tiến: 7.042.956 KW
- Tổng Công ty Việt Thắng-CTCP: 4.000.000 KW
- Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường: 2.403.817 KW
- Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ: 3.319.580 KW
- Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội: 5.895.922 KW

2.2 Tiêu thụ nước cấp và xử lý nước thải năm 2022

Bảng 2 - Nước cấp

Lượng nước tiêu thụ năm 2022 (m ³ /năm)			So với năm 2021 (%)		Nguồn nước sử dụng	Giá bình quân (VNĐ/m ³)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước sử dụng	Nước sản xuất	Nước sinh hoạt		
1.868.784	973.629	2.842.414	Tăng 42 %	Tăng 69 %	Chủ yếu là mua	14.100

Bảng 3 - Nước thải

Lượng nước thải năm 2022 (m ³ /năm)			So với năm 2021 (%)	Công nghệ xử lý nước thải	Chi phí xử lý bình quân (VNĐ/m ³)	Tỉ lệ tái sử dụng nước thải (%)
Nước sản xuất	Nước sinh hoạt	Tổng lượng nước thải xử lý				
1.313.505	664.402	1.977.908	Tăng 39%	Chủ yếu sử dụng Hóa lý + vi sinh	12.400	Có 01 đơn vị: tỷ lệ: 0,22%

Lượng nước cấp và nước thải tăng so với năm 2021 cũng do tình hình sản xuất kinh doanh của năm 2022 được phục hồi trở lại sau dịch Covid-19.



2.3 Tình hình quản lý chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Bảng 4 - Chất thải thông thường và chất thải nguy hại

Chất thải thông thường năm 2022 (tấn/năm)		So với năm 2021 (%) Số lượng	Chất thải nguy hại năm 2022 (tấn/năm)		So với năm 2021 (%) Số lượng
Số lượng (tấn/năm)	Chi phí xử lý (triệu đồng)		Số lượng (tấn/năm)	Chi phí xử lý (triệu đồng)	
13.027.933	18.452	Tăng	35.188	1.389	Giảm

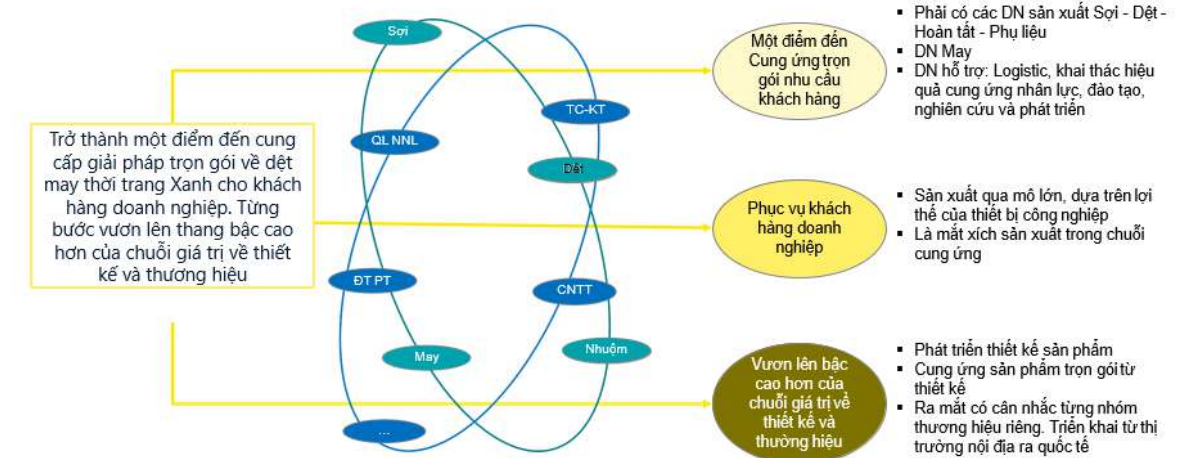
Chất thải nguy hại và chất thải thông thường năm 2022 thay đổi nhiều so với năm 2021 chủ yếu do: năm 2022 bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty CP Phát triển Hạ tầng Phố Nối được xác định không phải là bùn thải nguy hại.



3. Chuyển đổi số trong quản trị, sản xuất

Lộ trình chuyển đổi số của Tập đoàn

Mục tiêu chiến lược: Trở thành một điểm đến cung cấp giải pháp trọn gói về dệt may thời trang Xanh cho khách hàng doanh nghiệp. Từng bước vươn lên thang bậc cao hơn của chuỗi giá trị về thiết kế và thương hiệu.



3.1 Bốn trụ cột cho chương trình chuyển đổi số (CDS)

Với mục tiêu chiến lược xuyên suốt trở thành Một điểm đến (one stop), Vinatex xác định 4 trụ cột trọng tâm cho chương trình CDS của Tập đoàn giúp đạt được mục tiêu chiến lược đã đề ra

04 Trụ cột trọng tâm bao gồm:

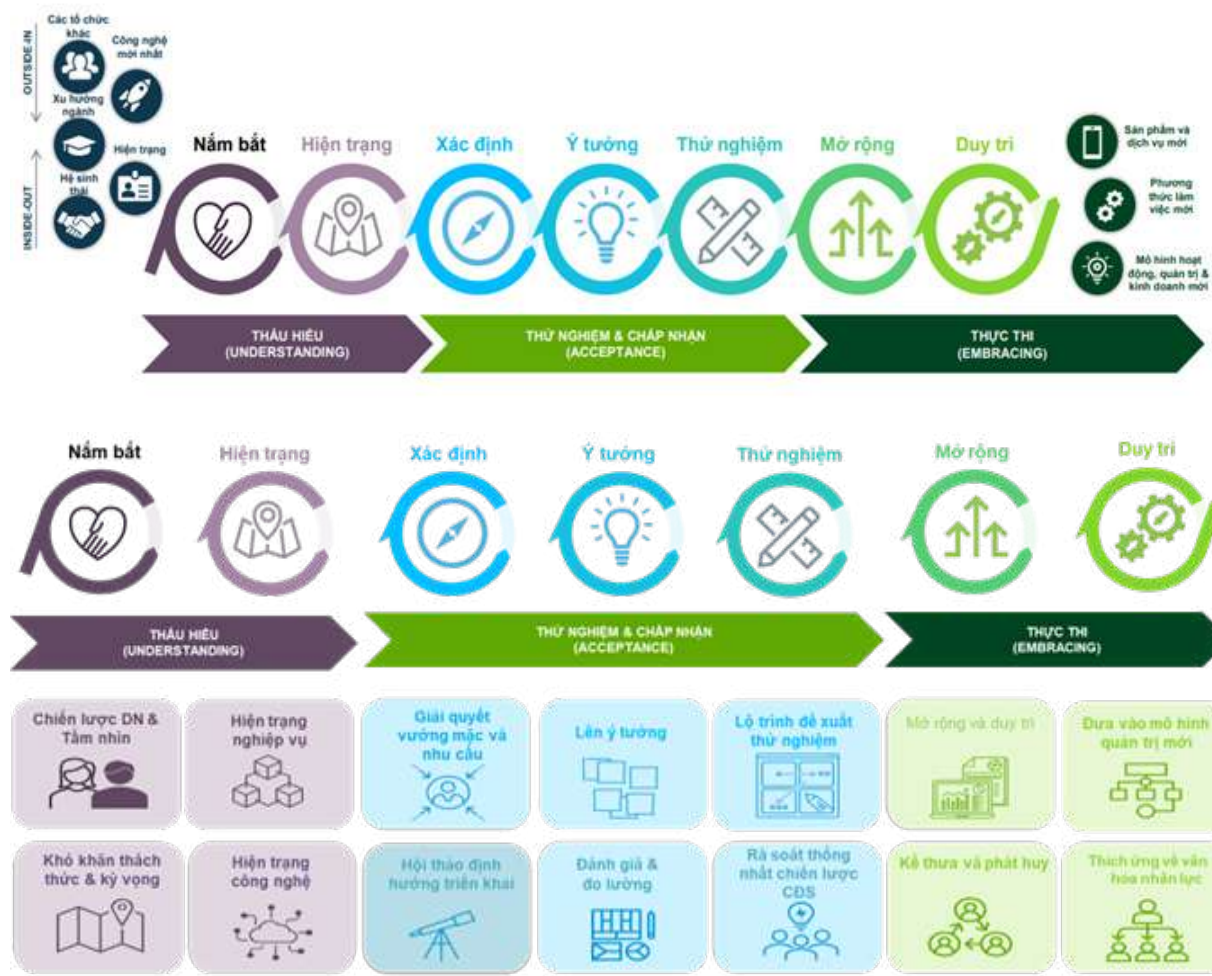


Vấn đề an toàn và bảo mật hệ thống được đặc biệt quan tâm.



Phương pháp triển khai

Vinatex có gần 40 đơn vị thành viên và đa dạng hình thức sở hữu, mô hình hoạt động tại từng đơn vị còn nhiều khác biệt chưa có sự đồng nhất. Với môi trường đa dạng như vậy, việc nắm bắt để đánh giá hiện trạng là bước quan trọng đầu tiên của quá trình CDS của Tập đoàn giúp cho việc xác định được hướng đi phù hợp nhất.



3.2 Công tác chuyển đổi số năm 2022

Với lộ trình CDS đã xác định như trên, kế hoạch CDS năm 2022 tập trung vào việc đánh giá hiện trạng và thiết lập một số nền tảng cơ bản tại Tập đoàn và một số đơn vị thành viên cả về mô hình quản trị & công nghệ.

Một số kế hoạch chính của năm 2022



Phần mềm sợi Mở rộng triển khai phần mềm sợi tại các đơn vị thành viên còn lại song song cùng với đó là hoàn thiện nâng cấp phần mềm theo kịp với yêu cầu quản trị của Tập đoàn và các đơn vị thành viên



Xây dựng giải pháp quản trị nhân sự cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên: Khảo sát hiện trạng tại VP Tập đoàn và một số đơn vị thành viên để lựa chọn giải pháp phù hợp và triển khai



Xây dựng giải pháp TCKT cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên: Khảo sát hiện trạng tại VP Tập đoàn và một số đơn vị thành viên để lựa chọn giải pháp phù hợp và triển khai



Eoffice: Triển khai giải pháp văn phòng điện tử tại Tập đoàn.

Kết quả đạt được năm 2022

Phần mềm quản trị sợi

Đã hoàn thành việc triển khai phần mềm quản trị sợi giai đoạn 1 tại 6 đơn vị: Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội (Hanosimex), Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định; Công ty TNHH MTV Dệt 8-3; Công ty CP Vinatex Phú Hưng; Công ty CP Dệt May Huế và Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định. Phần mềm quản trị sản xuất sợi giúp các đơn vị cập nhật tình hình sản xuất nhanh chóng, chính xác, đưa ra các báo cáo quản trị, trích xuất trên hệ thống, góp phần nâng cao năng lực quản trị sản xuất cho các đơn vị thành viên.

Lựa chọn giải pháp Quản lý nguồn nhân lực

Vinatex xác định quá trình CDS cần song hành với quá trình chuyển đổi mô hình quản lý và phát triển nguồn nhân lực để mang lại hiệu quả cao nhất theo 4 khía cạnh: (i) Tổ chức nguồn lực; (ii) Đào tạo và phát triển nhân lực; (iii) Quản lý làm việc và chế độ đãi ngộ; (iv) Mô hình vận hành và cung cấp các dịch vụ quản trị nguồn nhân lực.

Để thực hiện được việc chuyển đổi này, Vinatex đã thực hiện khảo sát đánh giá thực trạng của mình để tìm kiếm được mô hình phù hợp với đặc thù của Vinatex từ đó xác định được giải pháp phần mềm phù hợp:

B1. Giai đoạn khảo sát:

- Rà soát toàn bộ hệ thống văn bản quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và chính sách quản trị nguồn nhân lực
- Phân tích 243 phiếu khảo sát nội dung công việc và thực hiện 73 cuộc phỏng vấn cán bộ quản lý tại VP Tập đoàn và 7 công ty thành viên
- Đánh giá mức độ trưởng thành của hệ thống quản lý và phát triển nguồn nhân lực tại Vinatex

B2. Lựa chọn mô hình phù hợp

B3. Tiếp cận các nhà cung cấp giải pháp (8 nhà cung cấp)

B4. Lựa chọn được giải pháp

Lựa chọn giải pháp tài chính kế toán nhân lực

Với mục tiêu nâng cấp hệ thống TCKT và chuẩn hóa, tổng hợp các Báo cáo tài chính, quản trị tại Công ty mẹ Tập đoàn và các đơn vị thành viên, Vinatex đã thực hiện các bước sau để lựa chọn ra giải pháp phù hợp:

B1. Khảo sát tại 6 đơn vị để xác định hiện trạng và nhu cầu

B2. Xây dựng, chuẩn hóa hệ thống tài chính kế toán tại VP Công ty mẹ và các đơn vị thành viên

B3. Tiếp cận với các nhà cung cấp giải pháp trong và ngoài nước (SAP, Oracle, Dynamic, Bravo, Fast)

B4. Lựa chọn giải pháp phù hợp

Base

Vinatex triển khai giải pháp văn phòng điện tử của Base, ứng dụng đã góp phần thay đổi phương thức làm việc dựa trên môi trường số. Việc triển khai Base giúp cho việc quản lý, phân bổ công việc rõ ràng minh bạch theo 4 khía cạnh:

- Quản lý công việc: Giao việc theo thời gian, theo dõi tiến độ thực hiện.
- Quản lý quy trình: Thiết lập quy trình, theo dõi luồng phối hợp
- Quản lý nhân sự: Khối lượng công việc, phân bổ nhân sự
- Đo kiểm: Báo cáo theo thời gian thực, phát hiện điểm nghẽn

An toàn và bảo mật

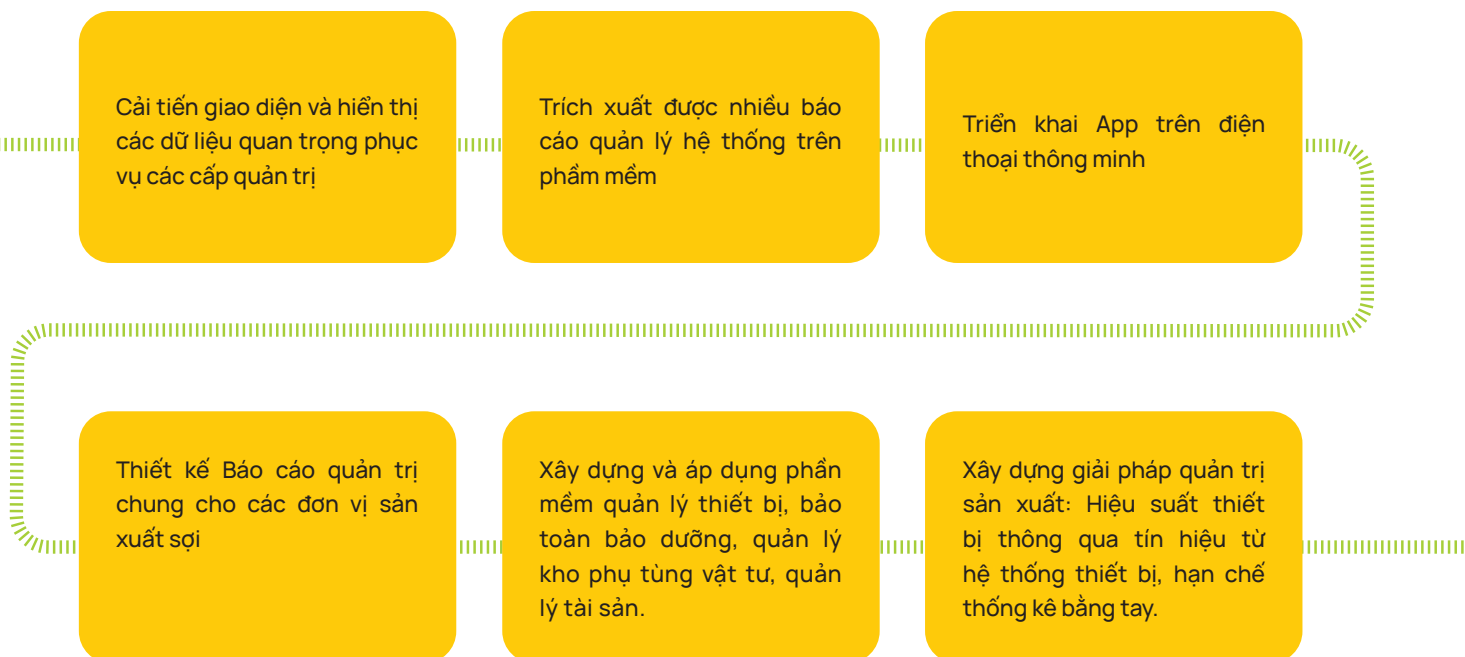
Cùng với việc thực hiện chương trình CDS, Vinatex luôn đề cao ý thức về bảo mật dữ liệu, an ninh mạng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa như: Thực hiện backup dữ liệu tự động, nâng cấp hệ thống firewall, bổ sung các đường truyền dự phòng...

3.3 Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023

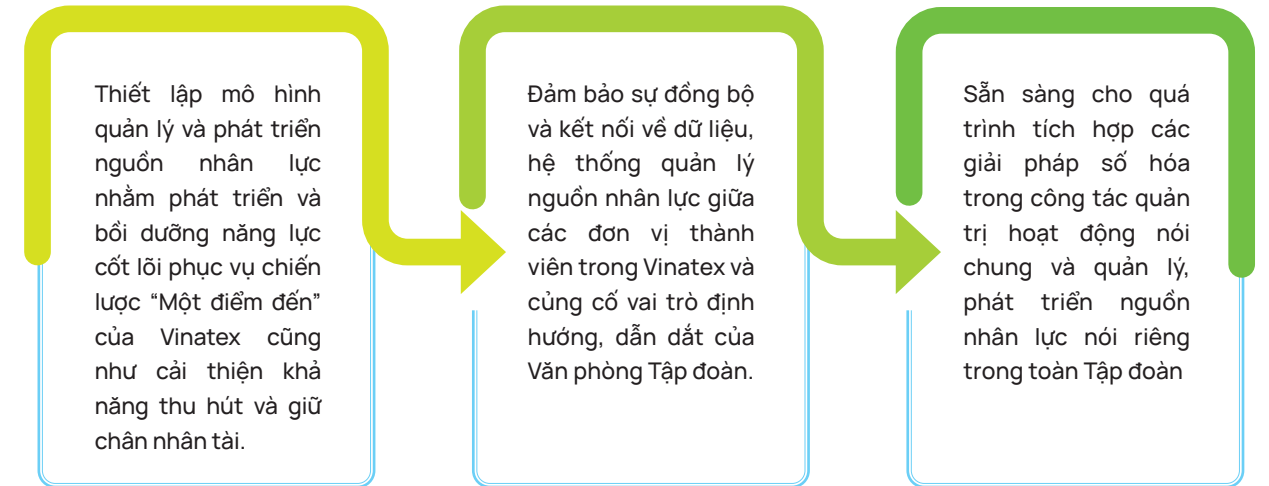
Với các chương trình đã thực hiện năm 2022, bước vào năm 2023 Vinatex tiếp tục triển khai chương trình CDS theo lộ trình và kiên định với mục tiêu chiến lược đã đặt ra. Tuy nhiên, Vinatex sẽ luôn đánh giá lộ trình CDS của mình để nếu cần sẽ điều chỉnh cập nhật cho phù hợp với sự phát triển của công nghệ cũng như môi trường kinh doanh đầy biến động như hiện nay.

Các công việc trọng tâm chính trong năm 2023:

Triển khai tiếp các modul phần mềm sọi, nâng cấp và tiếp tục cải tiến phần mềm theo mục tiêu:



Triển khai giải pháp QLNNL tại VP Tập đoàn và các đơn vị thành viên để đạt được mục tiêu:



Triển khai giải pháp TCKT tại VP Tập đoàn và các đơn vị thành viên để đạt mục tiêu:



Nâng cao năng lực bảo mật:

Tiếp tục củng cố nâng cao năng lực bảo mật và an toàn dữ liệu.

4. Các hoạt động cộng đồng, an sinh tiêu biểu



Thực hiện chương trình 30a của Chính phủ, vào mỗi dịp Tết Nguyên đán, Lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đều trao tặng quà cho người dân có hoàn cảnh khó khăn của huyện nghèo Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Tổ chức chương trình “Tết sum vầy - Ngày hội công nhân - Phiên chợ nghĩa tình” trải dài 3 miền Bắc - Trung - Nam với các gian hàng ưu đãi, bán hàng giảm giá, mang đến nhiều phúc lợi cho NLD. Đây là một hoạt động thường niên, mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, thể hiện sự quan tâm, chăm lo đời sống NLD ngành dệt may của các cấp lãnh đạo Tập đoàn - Công đoàn ngành.



Phối hợp với Công đoàn Dệt May Việt Nam, Hiệp hội Dệt May Việt Nam và các bệnh viện tổ chức chương trình khám bệnh, phát thuốc, tặng quà cho các gia đình chính sách, người dân có hoàn cảnh khó khăn và xây cầu dân sinh nhằm tạo điều kiện cho người dân đi lại thuận lợi, vận chuyển hàng hóa dễ dàng, góp phần phát triển kinh tế địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng.



Chăm lo đời sống CBNV, như thưởng thêm tháng lương thứ 13, thưởng Tết mức từ 1,5 tháng lương. Ngoài ra, một số đơn vị còn hỗ trợ tiền tàu xe cho công nhân về quê nghỉ tết, tổ chức đón xuân, tặng quà và hỗ trợ thêm cho công nhân ở các tỉnh xa không có điều kiện về quê đón Tết cùng gia đình.



Trong đợt dịch Covid-19, bên cạnh việc quan tâm chăm lo, đảm bảo đời sống, thu nhập cho NLD, Tập đoàn còn hỗ trợ các bệnh viện, địa phương về cả vật chất và trang thiết bị y tế để chống dịch.



Công đoàn, Đoàn Thanh niên Tập đoàn tổ chức các hoạt động từ thiện, vì cộng đồng, hiến máu nhân đạo, thấp nển tri ân, tặng quà gia đình chính sách dịp 27/7...

* Tập đoàn đã hỗ trợ 1.000 áo thể thao trẻ em trị giá 100 triệu đồng tặng cho các trẻ em nghèo tỉnh Lào Cai.



CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2022

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường Chủ tịch
Ông Trần Quang Nghị Phó Chủ tịch
Ông Đặng Vũ Hùng Ủy viên
Ông Vũ Hồng Tuấn Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Đông Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Song Hải Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạc Thuấn Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Trí Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Trình Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Thu Hương Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Lê Thành viên
Bà Nguyễn Lê Trà My Thành viên

Trụ sở đăng ký:

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 82.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 46 trong báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 liên quan đến Dự án Xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thăng Lợi tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã được điều chỉnh lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3064-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã điều chỉnh lại				
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.555.808.675.234	9.546.050.792.976
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	615.868.535.508	636.969.466.530
Tiền	111		420.520.709.544	343.805.758.553
Các khoản tương đương tiền	112		195.347.825.964	293.163.707.977
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.214.675.356.346	2.251.456.495.286
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	2.214.675.356.346	2.251.456.495.286
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.331.075.002.806	3.087.281.744.705
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.021.874.040.655	2.349.967.011.611
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		111.607.316.360	203.035.130.731
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	23.751.260.000	163.569.315.478
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	497.754.646.941	703.640.193.067
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(325.389.110.949)	(334.246.939.481)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.476.849.799	1.317.033.299
Hàng tồn kho	140	11	4.137.861.929.531	3.352.745.710.191
Hàng tồn kho	141		4.471.910.096.770	3.432.818.622.262
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(334.048.167.239)	(80.072.912.071)
Tài sản ngắn hạn khác	150		256.327.851.043	217.597.376.264
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	27.971.288.981	27.586.139.190
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		218.835.165.035	184.312.035.475
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	9.521.397.027	5.699.201.599

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.477.930.783.065	10.649.768.926.546
Các khoản phải thu dài hạn	210		97.978.293.843	161.986.263.795
Trả trước cho người bán dài hạn	212		14.917.485.000	2.911.154.220
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	34.041.093.698	53.220.913.698
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	155.129.639.941	211.964.120.673
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(106.109.924.796)	(106.109.924.796)
Tài sản cố định	220		6.254.562.596.946	6.781.810.786.826
Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.980.189.726.245	6.507.755.003.702
<i>Nguyên giá</i>	222		14.047.149.297.127	14.003.583.074.182
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.066.959.570.882)	(7.495.828.070.480)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	13	178.801.281.894	178.215.522.643
<i>Nguyên giá</i>	225		259.886.672.342	241.826.470.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(81.085.390.448)	(63.610.947.480)
Tài sản cố định vô hình	227	14	95.571.588.807	95.840.260.481
<i>Nguyên giá</i>	228		155.582.601.062	150.874.427.908
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(60.011.012.255)	(55.034.167.427)
Bất động sản đầu tư	230	15	382.731.447.149	395.179.771.448
<i>Nguyên giá</i>	231		500.054.345.295	494.189.326.275
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(117.322.898.146)	(99.009.554.827)
Tài sản dở dang dài hạn	240		465.975.046.749	275.043.295.521
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	16	65.337.246.943	65.337.246.943
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	400.637.799.806	209.706.048.578
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.932.950.394.488	2.709.428.073.098
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	2.787.135.254.314	2.529.982.280.303
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	179.577.524.232	216.863.877.154
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(38.162.384.058)	(41.818.084.359)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	4.400.000.000	4.400.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		343.733.003.890	326.320.735.858
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	321.472.882.909	323.699.050.894
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	21.678.762.048	2.040.326.031
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	581.358.933
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.033.739.458.299	20.195.819.719.522

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

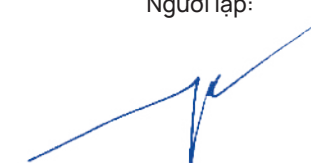
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.603.676.587.070	11.150.127.767.087
Nợ ngắn hạn	310		7.078.450.540.243	7.025.817.372.387
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	1.204.970.511.850	1.862.814.887.766
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		85.895.957.054	91.631.702.984
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	151.584.430.097	128.523.225.429
Phải trả người lao động	314		769.743.000.147	881.194.686.337
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22(a)	109.250.873.186	102.749.093.836
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	23	18.440.942.495	16.582.456.090
Phải trả ngắn hạn khác	319	24(a)	198.582.753.942	179.522.712.595
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25(a)	4.232.687.030.334	3.518.766.290.086
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	26	103.928.621.889	63.863.188.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	203.366.419.249	180.169.128.898
Nợ dài hạn	330		3.525.226.046.827	4.124.310.394.700
Phải trả người bán dài hạn	331		17.600.000	189.958.848.653
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		4.882.461.915	12.335.416.496
Chi phí phải trả dài hạn	333	22(b)	10.226.684.160	21.819.456.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	23	314.821.391.134	335.228.437.392
Phải trả dài hạn khác	337	24(b)	71.202.443.574	89.803.554.007
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25(b)	3.026.001.978.852	3.380.915.172.021
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19	73.407.818.622	64.694.623.361
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	24.665.668.570	29.554.886.770

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	28	9.430.062.871.229	9.045.691.952.435
Vốn chủ sở hữu	410		9.407.848.354.307	9.021.435.808.493
Vốn cổ phần	411	29	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		141.681.258.484	45.483.535.973
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(747.830.122.185)	(747.830.122.185)
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	729.561.831.692	627.549.624.948
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.220.650.178.567	1.326.244.940.260
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		633.304.941.695	541.787.778.496
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		587.345.236.872	784.457.161.764
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	31	543.092.845.095	543.092.845.095
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.490.330.430.302	2.196.533.052.050
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		22.214.516.922	24.256.143.942
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		22.214.516.922	24.256.143.942
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.033.739.458.299	20.195.819.719.522

Ngày X tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

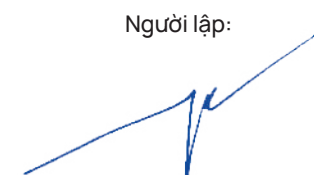
	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Đã điều chỉnh lại				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	18.297.216.295.831	16.032.921.423.913
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	24.668.857.276	30.056.364.168
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	33	18.272.547.438.555	16.002.865.059.745
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	34	16.290.591.922.868	13.855.500.587.787
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.981.955.515.687	2.147.364.471.958
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	554.924.601.814	320.782.268.617
Chi phí tài chính	22	36	616.716.655.180	272.437.860.008
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		305.941.266.264	238.035.592.428
Phần lãi trong công ty liên kết	24	6(b)	716.701.154.598	576.365.832.491
Chi phí bán hàng	25	37	567.340.895.557	507.258.660.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	854.874.152.603	815.846.070.054
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		1.214.649.568.759	1.448.969.982.947
Thu nhập khác	31	39	44.609.706.410	85.339.935.918
Chi phí khác	32	40	46.837.107.281	115.124.552.557
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.227.400.871)	(29.784.616.639)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.212.422.167.888	1.419.185.366.308
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	140.280.019.988	130.309.858.778
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	42	(10.925.240.756)	2.267.426.968
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		1.083.067.388.656	1.286.608.080.562

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		1.083.067.388.656	1.286.608.080.562
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		587.345.236.872	784.457.161.764
Cổ đông không kiểm soát	62		495.722.151.784	502.150.918.798
Lãi trên cổ phiếu		43		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.133	1.531
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.022	1.381

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

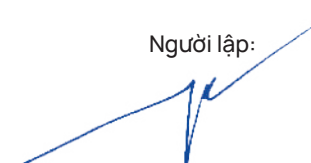
	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Đã điều chỉnh lại				
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.212.422.167.888	1.419.185.366.308
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		833.252.319.720	854.702.774.139
Các khoản dự phòng	03		282.957.316.258	76.716.954.906
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		23.663.655.576	(20.730.391.568)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(979.571.929.268)	(737.878.999.768)
Chi phí lãi vay	06		305.941.266.264	238.035.592.428
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.678.664.796.438	1.830.031.296.445
Biến động các khoản phải thu	09		552.551.558.444	(580.318.525.216)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.085.642.407.537)	(897.491.279.675)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(1.042.421.771.944)	1.005.383.981.646
Biến động chi phí trả trước	12		(7.368.000.901)	78.104.930.758
			95.784.174.500	1.435.710.403.958
Tiền lãi vay đã trả	14		(302.822.764.711)	(231.985.401.309)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(145.314.648.614)	(86.342.898.042)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(79.203.453.348)	(61.066.124.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(431.556.692.173)	1.056.315.980.025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(433.987.331.283)	(829.622.601.052)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		16.944.480.817	29.673.170.991
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu	23		(2.371.697.681.056)	(2.183.242.799.694)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24		2.609.763.665.338	1.488.744.256.646
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		113.408.696.000	47.846.700.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		771.166.481.659	629.498.412.198
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		705.598.311.475	(817.102.860.911)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát	31		-	16.250.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		14.602.206.453.218	14.022.916.918.297
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.300.107.071.845)	(14.032.680.833.556)
Tiền trả cổ tức	36		(595.381.678.996)	(78.982.504.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(293.282.297.623)	(72.496.419.400)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(19.240.678.321)	166.716.699.714
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		636.969.466.530	469.771.140.126
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.860.252.701)	481.626.690
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	615.868.535.508	636.969.466.530

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Tập đoàn") được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là "Tập đoàn") và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại sơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;

- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

- Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
- Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
- Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
- Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
- Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết (1/1/2022: có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 33 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	13	Xem Phụ lục 2
Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	7	Xem Phụ lục 3
	33	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất	32	Xem Phụ lục 4
	65	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 28.418 nhân viên (1/1/2022: 28.028 nhân viên).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con



cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)



(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59") và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của

cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:

- Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.

- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.

- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(p) (viii)).

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)



Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 51 năm
máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
phương tiện vận chuyển	3 - 12 năm
thiết bị văn phòng	3 - 12 năm
tài sản khác	2 - 12 năm

(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt May Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa

vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

hạ tầng khu công nghiệp	4 - 45 năm
nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
quyền sử dụng đất	49 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được trích cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(v) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính



một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuận sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;

Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;

Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián



tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu

thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và

- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm 2022					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.630.823.812.981	125.558.724.687	516.164.900.887	-	18.272.547.438.555
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.606.592.597.477	30.684.543.435	41.293.861.104	(1.678.571.002.016)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	19.237.416.410.458	156.243.268.122	557.458.761.991	(1.678.571.002.016)	18.272.547.438.555
Phần lãi trong công ty liên kết	686.718.324.467	4.683.444.204	25.299.385.927	-	716.701.154.598
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.139.122.703.218	1.945.533.476	5.867.030.385	67.714.301.680	1.214.649.568.759
Thu nhập khác	79.653.436.088	102.191.512	92.083.952.048	(127.229.873.238)	44.609.706.410
Chi phí khác	(81.184.106.431)	(475.883.694)	(49.147.571.713)	83.970.454.557	(46.837.107.281)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(127.788.227.318)	(1.564.932.709)	(10.926.859.961)	-	(140.280.019.988)
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	10.682.881.008	-	-	242.359.748	10.925.240.756
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	1.020.486.686.565	6.908.585	37.876.550.759	24.697.242.747	1.083.067.388.656

104 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	Đã điều chỉnh lại				Đã điều chỉnh lại
Năm 2021					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.499.159.267.005	109.342.844.709	394.362.948.031	-	16.002.865.059.745
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.217.739.437.722	27.931.483.526	38.308.085.102	(1.283.979.006.350)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	16.716.898.704.727	137.274.328.235	432.671.033.133	(1.283.979.006.350)	16.002.865.059.745
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	594.767.514.814	(22.509.261.506)	4.107.579.183	-	576.365.832.491
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.314.574.502.738	(5.946.525.909)	85.403.403.787	54.938.602.331	1.448.969.982.947
Thu nhập khác	81.344.861.056	206.324.819	8.124.618.883	(4.335.868.840)	85.339.935.918
Chi phí khác	(111.600.040.580)	(48.997.171)	(10.177.512.802)	6.701.997.996	(115.124.552.557)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(122.043.412.447)	(541.661.055)	(7.724.785.276)	-	(130.309.858.778)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(1.918.950.662)	-	-	(348.476.306)	(2.267.426.968)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	1.160.356.960.105	(6.330.859.316)	75.625.724.592	56.956.255.181	1.286.608.080.562

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản của bộ phận	21.288.615.221.613	119.577.173.348	1.352.589.943.176	(5.514.178.134.152)	17.246.604.203.985
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.463.170.597.619	912.560.000	307.875.000	1.322.744.221.695	2.787.135.254.314
Tổng tài sản của bộ phận	22.751.785.819.232	120.489.733.348	1.352.897.818.176	-4.191.433.912.457	20.033.739.458.299
Tổng nợ phải trả của bộ phận	12.031.879.005.061	352.140.219.783	478.173.729.586	(2.258.516.367.360)	10.603.676.587.070
Năm 2022					
Chi tiêu vốn	521.782.114.393	-	14.093.392.486	(101.888.175.596)	433.987.331.283
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	734.043.858.407	1.483.998.059	42.759.050.850	334.492.049	778.621.399.365
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	19.980.760.336	-	-	-	19.980.760.336
Khấu hao tài sản cố định vô hình	4.273.023.328	-	75.714.288	-	4.348.737.616
Khấu hao bất động sản đầu tư	7.276.681.798	217.950.774	9.445.286.820	-	16.939.919.392

106 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
	Đã điều chỉnh lại				Đã điều chỉnh lại
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022					
Tài sản của bộ phận	21.544.945.567.075	125.418.651.884	1.480.246.129.340	(5.484.772.909.080)	17.665.837.439.219
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.470.811.211.470	912.560.000	307.875.000	1.057.950.633.833	2.529.982.280.303
Tổng tài sản của bộ phận	23.015.756.778.545	126.331.211.884	1.480.554.004.340	(4.426.822.275.247)	20.195.819.719.522
Tổng nợ phải trả của bộ phận	12.317.974.364.940	356.621.116.574	597.273.501.593	(2.121.741.216.020)	11.150.127.767.087
Năm 2021					
Chi tiêu vốn	878.429.389.944	1.605.909.091	7.244.057.179	(57.656.755.162)	829.622.601.052
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	753.911.191.800	1.768.323.796	44.856.164.276	(1.573.931.357)	798.961.748.515
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	15.483.260.168	-	-	-	15.483.260.168
Khấu hao tài sản cố định vô hình	5.119.882.831	-	77.705.538	-	5.197.588.369
Khấu hao bất động sản đầu tư	11.967.604.234	225.157.468	9.595.807.352	-	21.788.569.054

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Năm 2022	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	5.740.596.424.556	12.531.951.013.999	18.272.547.438.555
Kết quả kinh doanh của bộ phận	432.465.608.271	1.549.489.907.416	1.981.955.515.687
Thu nhập không phân bổ			1.271.625.756.412
Chi phí không phân bổ			(2.038.931.703.340)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			1.214.649.568.759
Thu nhập khác			44.609.706.410
Chi phí khác			(46.837.107.281)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(129.354.779.232)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			1.083.067.388.656

Năm 2021	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
			Đã điều chỉnh lại
Tổng doanh thu của bộ phận	5.555.033.725.002	10.447.831.334.743	16.002.865.059.745
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.016.091.245.046	1.131.273.226.912	2.147.364.471.958
Thu nhập không phân bổ			897.148.101.108
Chi phí không phân bổ			(1.595.542.590.119)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			1.448.969.982.947
Thu nhập khác			85.339.935.918
Chi phí khác			(115.124.552.557)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(132.577.285.746)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			1.286.608.080.562

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31/12/2022			
Tài sản của bộ phận	855.929.616.886	840.555.312.820	1.696.484.929.706
Tài sản không phân bổ			18.337.254.528.593
Tổng tài sản			20.033.739.458.299
Nợ phải trả của bộ phận	30.815.224.429	59.963.194.540	90.778.418.969
Các khoản nợ không phân bổ			10.512.898.168.101
Tổng nợ phải trả			10.603.676.587.070

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
			Đã điều chỉnh lại
Tại ngày 1/1/2022			
Tài sản của bộ phận	1.168.521.339.657	847.198.732.473	2.015.720.072.130
Tài sản không phân bổ			18.180.099.647.392
Tổng tài sản			20.195.819.719.522
Nợ phải trả của bộ phận	42.372.689.729	61.594.429.751	103.967.119.480
Các khoản nợ không phân bổ			11.046.160.647.607
Tổng nợ phải trả			11.150.127.767.087

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	11.907.863.934	9.476.663.005
Tiền gửi ngân hàng	408.612.845.610	334.216.861.048
Các khoản tương đương tiền	195.347.825.964	293.163.707.977
Tiền đang chuyển	-	112.234.500
	<u>615.868.535.508</u>	<u>636.969.466.530</u>

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 7.562 triệu VND (1/1/2022: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 24(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 228 triệu VND

(1/1/2022: 2.444 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 43.255 triệu VND (1/1/2022: Không) đang bị phong tỏa do liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.197.210.910.928	2.217.772.393.899	2.223.856.495.286	2.245.652.161.033
Trái phiếu (ii)	17.464.445.418	(*)	27.600.000.000	(*)
	<u>2.214.675.356.346</u>		<u>2.251.456.495.286</u>	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn				
Trái phiếu (ii)	4.400.000.000	(*)	4.200.000.000	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	200.000.000	(*)
	<u>4.400.000.000</u>		<u>4.400.000.000</u>	

(i) Các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 11,2% (1/1/2022: từ 3,1% đến 6,35%). Các khoản tiền gửi dài hạn có kỳ hạn 24 tháng và hưởng lãi suất năm 4,7% (1/1/2022: 4,7%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022 hiện

đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1 tháng 1 năm 2022.

(ii) Khoản trái phiếu ngắn hạn và dài hạn có kỳ hạn từ 3 tháng đến 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,8% đến 10,5% (1/1/2022: từ 6,8% đến 7,2%).

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có tổng giá trị ghi sổ là 279.341 triệu VND (1/1/2022: 212.422 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022				1/1/2022			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
Tổng Công ty May 10 - CTCP	33,82%	33,82%	102.799.518.161	(*)	33,82%	33,82%	86.302.489.246	(*)
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	441.859.777.428	(*)	30,40%	30,40%	429.570.784.493	(*)
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	93.266.241.853	(*)	46,93%	46,93%	95.142.315.083	(*)
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	26,37%	26,37%	102.396.916.313	(*)	27,69%	27,69%	97.334.764.993	(*)
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,22%	35,22%	45.939.661.786	(*)	35,21%	35,21%	48.575.508.708	(*)
Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	117.158.056.719	(*)	35,01%	35,01%	125.875.386.189	(*)
Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	84.795.901.963	(*)	40,33%	40,33%	85.331.533.605	(*)
Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	1.017.097.499.417	(*)	17,86%	17,86%	800.240.738.987	(*)
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoo - Thủ Đức	22,05%	22,05%	117.043.582.088	(*)	22,05%	22,05%	142.149.479.654	(*)
Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			664.778.098.586	(*)			619.459.279.345	(*)
			<u>2.787.135.254.314</u>				<u>2.529.982.280.303</u>	

112 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	31/12/2022					1/1/2022				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
			VND	VND	VND			VND	VND	VND
Đơn vị khác										
Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường										
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	2.219.260.250	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	2.812.445.700
Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác										
Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.532)	(*)	2,10%	2,10%	19.450.204.510	(16.324.154.142)	(*)
Các khoản đầu tư khác			158.778.764.722	(24.982.335.526)	(*)			196.065.117.644	(25.493.930.217)	(*)
			<u>179.577.524.232</u>	<u>(38.162.384.058)</u>				<u>216.863.877.154</u>	<u>(41.818.084.359)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.529.982.280.303	2.327.818.556.728
Phần lãi trong các công ty liên kết	716.701.154.598	576.365.832.491
Cổ tức nhận được	(448.061.223.674)	(345.131.050.918)
Thanh lý các công ty liên kết	(11.486.956.913)	(29.071.057.998)
Số dư cuối năm	2.787.135.254.314	2.529.982.280.303

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	267.779.152.954	307.675.927.922
Phải thu các khách hàng khác	1.754.094.887.701	2.042.291.083.689
	2.021.874.040.655	2.349.967.011.611

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số 130.583 triệu VND (1/1/2022: 147.485 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	151.101.014.465	175.611.285.800
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	92.788.584.198	103.442.463.756
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	13.430.807.340	13.930.807.340
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	9.474.352.228	13.686.474.600
Các công ty liên quan khác	984.394.723	1.004.896.426
	267.779.152.954	307.675.927.922

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

8. Phải thu về cho vay

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Phú Ninh	7.028.580.000	-
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	-	75.000.000.000
Bên khác		
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	47.426.813.698	70.908.029.176
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	-	61.600.000.000
Các công ty khác	3.336.960.000	9.282.200.000
	57.792.353.698	216.790.229.176
Phần phải thu trong vòng 12 tháng	(23.751.260.000)	(163.569.315.478)
	34.041.093.698	53.220.913.698

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm 6% (2021: 7% đến 10%).

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 6% đến 10,6% (2021: 8,5% đến 11,5%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

9. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	240.120.334.512	275.249.348.329
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	43.532.895.759	80.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	10.964.248.853	106.381.451.043
Ký cược, ký quỹ	66.909.968.424	79.174.023.338
Phải thu các khoản tạm ứng	12.139.664.924	11.590.238.046
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	20.561.482.971	21.795.665.747
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	22.379.355.965	24.165.879.830
Các khoản chi hộ	5.618.065.488	13.748.157.994
Phải thu người lao động	2.346.647.403	2.798.934.410
Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm (ii)	31.395.435.544	15.157.491.751
Phải thu về tạm ứng cho Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	22.001.000.000	16.322.000.000
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	6.858.111.036	43.873.760.779
Phải thu khác	12.927.436.062	13.383.241.800
	497.754.646.941	703.640.193.067

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản này được phân loại từ dài hạn thành ngắn hạn.

(ii) Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm 30.480 triệu VND giá trị phải thu về bồi thường bảo hiểm liên quan đến số hàng tồn kho và tài sản cố định đã bị thiệt hại toàn bộ trong vụ hỏa hoạn xảy ra ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	24.637.500.000	24.637.500.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	20.491.686.000	14.230.337.500
Tổng Công ty Đức Giang - CTCP	7.923.055.000	7.923.055.000
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	7.560.000.000	5.040.000.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	33.514.800.000	16.087.104.000
Tổng Công ty May 10 - CTCP	18.409.316.400	10.227.398.000
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	1.237.808.217	56.306.578.077
Công ty TNHH Coats Phong Phú	-	79.466.400.000
Công ty CP May Hữu Nghị	10.430.088.000	6.953.392.000
Công ty CP Dệt May Liên Phương	22.001.000.000	16.322.000.000
Các công ty liên quan khác	21.509.178.846	11.396.695.000
	167.714.432.463	248.590.459.577

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.909.924.796
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	-	43.532.895.759
Ký quỹ, ký cược dài hạn	22.655.687.360	34.800.337.133
Phải thu dài hạn khác	29.564.027.785	30.720.962.985
	155.129.639.941	211.964.120.673

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân đã được phân loại lại sang phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022				1/1/2022			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.793.572.750	(33.793.572.750)	-	Trên 3 năm	33.853.572.750	(33.853.572.750)	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.296.792.764	(40.296.792.764)	-	Trên 3 năm	40.303.792.764	(40.303.792.764)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-	Trên 3 năm	29.921.566.760	(29.921.566.760)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	-	-	-	-	Trên 3 năm	32.923.446.043	(23.622.823.055)	9.300.622.988
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	151.733.609.092	(151.733.609.092)	-	Trên 3 năm	129.888.006.702	(129.888.006.702)	-
Các khách hàng khác	Từ 2 đến 3 năm	104.062.242.261	(72.843.569.583)	31.218.672.678	Từ 2 đến 3 năm	111.127.025.033	(79.857.177.450)	31.269.847.583
		<u>462.717.708.423</u>	<u>(431.499.035.745)</u>	<u>31.218.672.678</u>		<u>480.927.334.848</u>	<u>(440.356.864.277)</u>	<u>40.570.470.571</u>
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(325.389.110.949)				(334.246.939.481)	
Dự phòng phải thu khó đòi - dài hạn			(106.109.924.796)				(106.109.924.796)	

118 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	259.795.509.905	(8.806.917.437)	627.018.780.417	-
Nguyên vật liệu	1.423.135.449.240	(124.718.587.709)	1.057.767.493.857	(5.521.950.967)
Công cụ và dụng cụ	6.389.651.102	-	5.870.548.906	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1.078.084.196.822	(7.733.835.610)	996.747.754.157	-
Thành phẩm	1.391.911.659.755	(191.127.112.267)	601.688.672.641	(70.913.570.816)
Hàng hóa	55.407.055.910	(1.661.714.216)	23.252.541.890	(3.637.390.288)
Hàng gửi đi bán	257.186.574.036	-	120.472.830.394	-
	<u>4.471.910.096.770</u>	<u>(334.048.167.239)</u>	<u>3.432.818.622.262</u>	<u>(80.072.912.071)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.737.145 triệu VND (1/1/2022: 1.195.001 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 1.751.898 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2022: 159.360 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

(*) Trong chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có 76.285 triệu VND là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến Dự án Phát triển Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 26).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	3.986.539.559.357	9.374.523.818.478	354.807.776.462	99.375.858.430	188.336.061.455	14.003.583.074.182
Tăng trong năm	7.432.292.306	43.168.816.552	6.221.723.547	20.856.812.859	2.361.819.431	80.041.464.695
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.529.627.931	134.423.987.074	13.088.130.873	2.119.050.234	4.502.981.434	194.663.777.546
Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	3.767.673.695	322.666.674	-	-	4.090.340.369
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(9.182.806.061)	-	-	-	-	(9.182.806.061)
Thanh lý	(596.162.691)	(175.495.998.788)	(1.778.516.239)	(1.489.759.772)	(31.000.000)	(179.391.437.490)
Phân loại lại	-	(3.406.316.277)	3.406.316.277	-	-	-
Giảm khác	(12.008.652.636)	(879.326.044)	-	-	-	(12.887.978.680)
Xóa sổ	-	(33.767.137.434)	-	-	-	(33.767.137.434)
Số dư cuối năm	4.012.713.858.206	9.342.335.517.256	376.068.097.594	120.861.961.751	195.169.862.320	14.047.149.297.127

120 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.499.801.130.072	5.551.120.062.277	225.844.405.811	67.008.739.993	152.053.732.327	7.495.828.070.480
Khấu hao trong năm	177.800.302.725	540.094.139.609	26.191.378.667	19.135.779.259	15.399.799.105	778.621.399.365
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.183.650.694	322.666.674	-	-	2.506.317.368
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.001.531.139)	-	-	-	-	(2.001.531.139)
Thanh lý	(368.497.434)	(166.943.012.545)	(1.759.216.091)	(1.489.759.772)	(31.000.000)	(170.591.485.842)
Phân loại lại	-	(908.635.388)	908.635.388	-	-	-
Giảm khác	(3.516.064.733)	(119.997.183)	-	-	-	(3.636.061.916)
Xóa sổ	-	(33.767.137.434)	-	-	-	(33.767.137.434)
Số dư cuối năm	1.671.715.339.491	5.891.659.070.030	251.507.870.449	84.654.759.480	167.422.531.432	8.066.959.570.882
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	2.486.738.429.285	3.823.403.756.201	128.963.370.651	32.367.118.437	36.282.329.128	6.507.755.003.702
Số dư cuối năm	2.340.998.518.715	3.450.676.447.226	124.560.227.145	36.207.202.271	27.747.330.888	5.980.189.726.245

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 2.114.078 triệu VND (1/1/2022: 2.041.238 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.905.856 triệu VND (1/1/2022: 4.924.787 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

13. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	241.503.803.449	322.666.674	241.826.470.123
Tăng trong năm	22.150.542.588	-	22.150.542.588
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.767.673.695)	(322.666.674)	(4.090.340.369)
Số dư cuối năm	259.886.672.342	-	259.886.672.342
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	63.314.013.190	296.934.290	63.610.947.480
Khấu hao trong năm	19.955.027.952	25.732.384	19.980.760.336
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.183.650.694)	(322.666.674)	(2.506.317.368)
Số dư cuối năm	81.085.390.448	-	81.085.390.448
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	178.189.790.259	25.732.384	178.215.522.643
Số dư cuối năm	178.801.281.894	-	178.801.281.894

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	120.136.170.964	29.636.595.344	1.101.661.600	150.874.427.908
Tăng trong năm	-	1.390.386.113	-	1.390.386.113
Chuyển từ bất động sản đầu tư	3.317.787.041	-	-	3.317.787.041
Số dư cuối năm	123.453.958.005	31.026.981.457	1.101.661.600	155.582.601.062
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	30.098.518.833	24.217.569.748	718.078.846	55.034.167.427
Khấu hao trong năm	2.432.645.749	1.532.509.113	383.582.754	4.348.737.616
Chuyển từ bất động sản đầu tư	628.107.212	-	-	628.107.212
Số dư cuối năm	33.159.271.794	25.750.078.861	1.101.661.600	60.011.012.255
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	90.037.652.131	5.419.025.596	383.582.754	95.840.260.481
Số dư cuối năm	90.294.686.211	5.276.902.596	-	95.571.588.807

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 12.205 triệu VND (1/1/2022: 11.165 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

15. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	211.082.890.880	276.254.539.458	6.851.895.937	494.189.326.275
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	9.182.806.061	-	9.182.806.061
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(3.317.787.041)	(3.317.787.041)
Số dư cuối năm	211.082.890.880	285.437.345.519	3.534.108.896	500.054.345.295
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	24.578.675.783	73.221.104.466	1.209.774.578	99.009.554.827
Khấu hao trong năm	5.890.912.948	10.470.717.755	578.288.689	16.939.919.392
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	2.001.531.139	-	2.001.531.139
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	(628.107.212)	(628.107.212)
Số dư cuối năm	30.469.588.731	85.693.353.360	1.159.956.055	117.322.898.146
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	186.504.215.097	203.033.434.992	5.642.121.359	395.179.771.448
Số dư cuối năm	180.613.302.149	199.743.992.159	2.374.152.841	382.731.447.149

124 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex là hệ thống cơ sở hạ tầng và

nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, hệ thống cơ sở hạ tầng;

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp bao gồm nhà xưởng và một số máy móc thiết bị của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 là hệ thống nhà xưởng tại Khu công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do chưa có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

16. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 trước điều chỉnh lại với giá trị là 215.341 triệu VND chủ yếu bao gồm các chi phí cho Dự án xây dựng Khu Hỗn hợp Dân cư Thăng Lợi của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn.

Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã thực hiện chuyển đổi mục tiêu thực hiện dự án sang "Khu thương mại, dịch vụ, nhà ở xã hội, văn phòng cho thuê và kho bãi logistics", đồng thời điều chỉnh một số hạng mục chưa đủ điều kiện vốn hóa vào chi phí của năm phát sinh tương ứng với tổng số tiền là 150.004 triệu VND (Thuyết minh 46).

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	209.706.048.578	664.927.575.048
Tăng trong năm	392.804.137.534	666.196.745.699
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(194.663.777.546)	(1.075.775.727.333)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(377.311.147)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(6.105.532.454)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.194.110.936)	(19.548.488.013)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(455.289.000)	(66.500.000)
Chuyển sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	(15.823.812.763)
Thanh lý	-	(2.702.990.000)
Xóa sổ	(559.208.824)	-
Biến động khác	-	(1.017.910.459)
Số dư cuối năm	400.637.799.806	209.706.048.578

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.841.452.363
Dự án Khu liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.236.283.563	5.236.283.563
Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	169.046.480.676	73.439.008.888
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Dự án Nhà máy May	19.805.370.739	19.094.349.379
Văn phòng Ngô Thi Nhậm	41.438.667.444	39.324.295.072
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	7.575.174.166	283.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Máy móc thiết bị chưa lắp đặt	13.367.742.196	12.685.845.477
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	12.840.234.566	12.944.252.512
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Dự án xây dựng, cài tạo nhà máy May 2	3.746.417.088	408.181.818
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	14.245.941.965	114.506.019
Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Dự án Nhà ở cho công nhân	1.017.594.545	1.017.594.545
Dự án nhà máy xử lý nước thải số 2	5.387.602.896	5.224.304.285

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	37.425.341.186	3.332.001.731
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Dự án chợ mới Thành phố Vũng Tàu	1.407.780.001	1.407.780.001
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	1.423.457.000	4.786.980.938
Dự án đầu tư nhà máy sợi cộc	-	427.393.953
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời	10.477.462.964	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	4.518.356.479	1.216.896.623
Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú		
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	18.397.371.220	-
Các công trình khác		
	9.293.701.614	4.908.554.276
	400.637.799.806	209.706.048.578

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 17.326 triệu VND (1/1/2022: 22.562 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 25).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trả trước phí bảo hiểm	6.557.895.264	4.658.728.201
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.204.800.279	1.217.219.685
Công cụ, dụng cụ	11.032.093.818	12.699.394.153
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.176.499.620	9.010.797.151
	27.971.288.981	27.586.139.190

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	198.706.026.669	21.967.500.000	50.214.690.763	570.063.545	22.336.549.465	29.904.220.452	323.699.050.894
Tăng trong năm	-	-	39.875.089.813	1.026.068.733	21.327.197.120	14.469.191.873	76.697.547.539
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	6.194.110.936	-	-	-	6.194.110.936
Giảm do thanh lý	-	-	(121.132.647)	-	-	-	(121.132.647)
Phân bổ trong năm	(15.403.130.031)	(5.220.000.000)	(39.954.147.675)	(974.550.154)	(12.352.175.082)	(11.092.690.871)	(84.996.693.813)
Số dư cuối năm	183.302.896.638	16.747.500.000	56.208.611.190	621.582.124	31.311.571.503	33.280.721.454	321.472.882.909

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	10.206.230.875	1.903.795.180
Các khoản mục khác	20%	11.472.531.173	136.530.851
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		21.678.762.048	2.040.326.031
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	73.407.818.622	64.694.623.361

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan (*)	245.385.257.902	296.304.472.071
Phải trả người bán khác	959.585.253.948	1.566.510.415.695
	1.204.970.511.850	1.862.814.887.766

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	95.163.545.046	106.060.336.229
Công ty TNHH Coats Phong Phú	59.155.254.606	77.558.007.653
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	42.455.986.883	58.598.399.622
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	20.639.993.960	14.614.637.312
Công ty Cổ phần Hòa Thọ – Quảng Nam	18.462.790.590	8.334.074.082
Tổng Công ty May 10 – CTCP	2.804.724.500	4.149.923.627
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	606.966.052	24.978.520.064
Các công ty liên quan khác	6.095.996.265	2.010.573.482
	<u>245.385.257.902</u>	<u>296.304.472.071</u>

Khoản phải trả các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

132 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.258.828.549	19.069.342.047	(13.359.003.222)	7.969.167.374
Thuế xuất nhập khẩu	433.399.335	5.900.435.293	(5.841.184.423)	492.650.205
Các loại thuế khác	2.920.239.496	6.927.383.379	(8.874.777.646)	972.845.229
Các khoản khác	86.734.219	-	-	86.734.219
	<u>5.699.201.599</u>	<u>31.897.160.719</u>	<u>(28.074.965.291)</u>	<u>9.521.397.027</u>

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2022 VND
Đã điều chỉnh lại						
Thuế giá trị gia tăng	25.035.889.397	541.231.786.839	-	(395.949.897.250)	(148.331.978.830)	21.985.800.156
Thuế xuất nhập khẩu	197.437.524	-	14.073.482.754	(14.213.940.240)	-	56.980.038
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.735.010.296	-	140.280.019.988	(139.604.309.789)	-	47.410.720.495
Thuế thu nhập cá nhân	5.029.517.211	-	27.035.163.994	(26.968.587.267)	-	5.096.093.938
Thuế tài nguyên	238.893.302	-	2.628.653.392	(2.654.021.972)	-	213.524.722
Tiền thuê, thuế đất	51.282.164.442	-	92.122.803.074	(66.584.679.784)	-	76.820.287.732
Các loại thuế khác	4.313.257	-	1.037.384.299	(1.040.674.540)	-	1.023.016
	<u>128.523.225.429</u>	<u>541.231.786.839</u>	<u>277.177.507.501</u>	<u>(647.016.110.842)</u>	<u>(148.331.978.830)</u>	<u>151.584.430.097</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

22. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	70.458.435.911	65.108.738.412
Chi phí gia công thuê ngoài	449.735.445	228.200.824
Phí hoa hồng	8.726.592.207	8.744.031.639
Chi phí hoạt động	3.758.502.142	2.995.024.256
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	1.461.130.180	955.529.870
Chi phí điện nước	3.199.196.992	4.571.306.404
Chi phí lương thưởng	3.184.165.214	5.663.240.650
Chi phí phải trả khác	18.013.115.095	14.483.021.781
	109.250.873.186	102.749.093.836

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	10.691.533.440	22.768.128.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(464.849.280)	(948.672.000)
	10.226.684.160	21.819.456.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

23. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Doanh thu nhận trước từ các hợp đồng cho thuê	333.262.333.629	351.810.893.482
Trong đó:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18.440.942.495	16.582.456.090
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	314.821.391.134	335.228.437.392

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

24. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.802.386.625	49.407.412.744
Nhận trước tiền bán trái phiếu	42.030.000.000	-
Phải trả cổ tức	36.765.008.176	46.913.917.386
Nhận góp vốn các dự án	19.500.000.000	-
Phải trả lãi vay khác	10.001.939.782	3.540.434.418
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 5)	7.562.091.012	7.562.091.012
Quỹ từ thiện	4.010.454.931	3.978.020.068
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.911.613.973	4.381.240.864
Phải trả lãi vay cho công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	1.587.470.886	10.280.172.196
Tiền thưởng kết quả công việc phải trả	-	15.783.442.885
Các khoản phải trả khác	30.411.788.557	37.675.981.022
	198.582.753.942	179.522.712.595

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	5.226.000.000	24.726.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	1.712.500.000	3.712.500.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	4.700.000.000	4.700.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	14.526.516.574	11.627.627.007
	71.202.443.574	89.803.554.007

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thi Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

25. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm			31/12/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	2.998.094.722.319	14.568.785.270.589	(13.816.651.022.344)	(12.540.083.480)	3.737.688.887.084
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 25(b))	520.671.567.767	452.698.635.551	(483.456.049.501)	5.083.989.433	494.998.143.250
	3.518.766.290.086	15.021.483.906.140	(14.300.107.071.845)	(7.456.094.047)	4.232.687.030.334

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, trong khoản vay ngắn hạn có 2.303.190 triệu VND (1/1/2022: 2.265.047 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 tổng cộng là 2.730.017 triệu VND (1/1/2022:

2.620.479 triệu VND) (các Thuyết minh 5, 6, 7, 11, 12 và 17). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,7% đến 12,4% (2021: từ 1,3% đến 10%).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và vay cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,2% đến 10% (2021: từ 2,3% đến 10%).

136 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn (i)	3.417.800.677.869	3.802.012.941.760
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	103.199.444.233	99.573.798.028
	3.521.000.122.102	3.901.586.739.788
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 25(a))	(494.998.143.250)	(520.671.567.767)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	3.026.001.978.852	3.380.915.172.021

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản vay dài hạn bao gồm:

1.845.854 triệu VND (1/1/2022: 2.118.999 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài

hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 3.141.343 triệu VND (1/1/2022: 3.666.984 triệu VND) (các Thuyết minh 5, 6, 7, 11, 12 và 17). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 12% (2021: từ 2,6% đến 10%).

khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.566.298 triệu VND (1/1/2022: 1.546.193 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 89.119 triệu VND (1/1/2022: 107.238 triệu VND);
- Một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú; và
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2022: 110.000 triệu VND).

Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng dưới dạng tín chấp và chịu lãi suất năm từ 2,6% đến 11,9% (2021: từ 2,6% đến 10%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	34.832.544.284	3.326.667.737	31.505.876.547
Trong vòng hai đến năm năm	64.192.923.239	1.708.379.649	62.484.543.590
Sau năm năm	9.596.353.825	387.329.729	9.209.024.096
	108.621.821.348	5.422.377.115	103.199.444.233

	1/1/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	34.472.714.670	2.966.281.931	31.506.432.739
Trong vòng hai đến năm năm	56.318.769.986	1.588.295.386	54.730.474.600
Sau năm năm	13.476.720.600	139.829.911	13.336.890.689
	104.268.205.256	4.694.407.228	99.573.798.028

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

26. Dự phòng phải trả

Biến động của các khoản dự phòng phải trả trong năm như sau:

	Dự phòng chi phí di dời (*) VND	Dự phòng bồi thường tổn thất (**) VND	Khác (***) VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	24.665.668.570	62.473.188.366	6.279.218.200	93.418.075.136
Dự phòng trích lập trong năm	-	-	41.495.589.923	41.495.589.923
Dự phòng sử dụng trong năm	-	-	(6.319.374.600)	(6.319.374.600)
Số dư cuối năm	24.665.668.570	62.473.188.366	41.455.433.523	128.594.290.459
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	62.473.188.366	41.455.433.523	103.928.621.889
Dự phòng phải trả dài hạn	24.665.668.570	-	-	24.665.668.570

(*) Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới. Do vướng mắc về thủ tục hành chính về đất đai nên việc di dời chưa được giải quyết.

(**) Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên

quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc hủy bỏ chuyển nhượng dự án bao gồm các giao dịch của phần diện tích đất thuộc dự án đã được bán cho khách hàng và phần diện tích đất còn lại chưa bán và đang được ghi nhận trên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trong thời gian chờ hướng dẫn của các Cơ quan ban ngành, dựa vào phán quyết của Tòa án, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 62.473 triệu VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Đối với các chi phí đã phát sinh 76.285 triệu VND liên quan đến phần diện tích đất còn lại của dự án hiện đang được ghi nhận trên hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Thuyết minh 11), Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

đánh giá rằng Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú sẽ thu hồi được khoản chi phí này từ bên đối tác khi các thủ tục pháp lý thu hồi Dự án Phước Long B và trả lại cho đối tác được hoàn tất.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết giữ nguyên phán quyết của phiên tòa sơ thẩm về giá trị thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty

Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan. Đồng thời, dựa trên các thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62.473 triệu VND là phù hợp.

(**) Dự phòng phải trả ngắn hạn khác tại 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm dự phòng liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	180.169.128.898	186.275.713.069
Trích lập trong năm	96.081.369.099	54.959.540.411
Sử dụng trong năm	(72.884.078.748)	(61.066.124.582)
Số dư cuối năm	203.366.419.249	180.169.128.898

140 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2021 - đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.307.195.973	(751.951.666.799)	586.085.418.175	716.755.393.839	543.092.845.095	1.875.668.008.015	8.042.319.126.650	26.297.770.962	8.068.616.897.612
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 46)	-	-	-	-	-	(75.151.873.259)	-	(74.851.865.781)	(150.003.739.040)	-	(150.003.739.040)
Số dư tại ngày 1/1/2021 - đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	30.361.932.352	42.307.195.973	(751.951.666.799)	586.085.418.175	641.603.520.580	543.092.845.095	1.800.816.142.234	7.892.315.387.610	26.297.770.962	7.918.613.158.572
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	1.176.340.000	-	-	(1.176.340.000)	-	16.250.000.000	16.250.000.000	-	16.250.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm - đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-	803.147.077.451	-	520.766.224.044	1.323.913.301.495	-	1.323.913.301.495
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 46)	-	-	-	-	-	(18.689.915.687)	-	(18.615.305.246)	(37.305.220.933)	-	(37.305.220.933)
Lợi nhuận thuần trong năm - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	784.457.161.764	-	502.150.918.798	1.286.608.080.562	-	1.286.608.080.562
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	43.464.206.773	(43.464.206.773)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(38.251.942.652)	-	(16.707.597.759)	(54.959.540.411)	-	(54.959.540.411)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(16.705.625.282)	-	(103.649.338.325)	(120.354.963.607)	-	(120.354.963.607)
Thanh lý công ty liên kết	-	-	-	4.121.544.614	-	(4.121.544.614)	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(2.000.000.000)	5.903.917.237	-	(2.327.072.898)	1.576.844.339	-	1.576.844.339
Phân loại lại	-	-	2.000.000.000	-	-	(2.000.000.000)	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2022 - đã điều chỉnh lại	5.000.000.000.000	30.361.932.352	45.483.535.973	(747.830.122.185)	627.549.624.948	1.326.244.940.260	543.092.845.095	2.196.533.052.050	9.021.435.808.493	24.256.143.942	9.045.691.952.435
Vốn góp/vốn cổ phần	-	-	96.197.722.511	-	-	(162.677.520.000)	-	66.479.797.489	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	587.345.236.872	-	495.722.151.784	1.083.067.388.656	-	1.083.067.388.656
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	102.012.206.744	(102.012.206.744)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(63.065.261.381)	-	(33.016.107.718)	(96.081.369.099)	-	(96.081.369.099)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.041.627.020)	(2,041,627,020)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(350.000.000.000)	-	(235.232.769.786)	(585.232.769.786)	-	(585,232,769,786)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(15.185.010.440)	-	(155.693.517)	(15.340.703.957)	-	(15,340,703,957)
Số dư tại ngày 31/12/2022	5.000.000.000.000	30.361.932.352	141.681.258.484	(747.830.122.185)	729.561.831.692	1.220.650.178.567	543.092.845.095	2.490.330.430.302	9.407.848.354.307	22.214.516.922	9.430.062.871.229

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

142 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	31/12/2022			1/1/2022		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP	-	-	-	25.000.000	250.000.000.000	5,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%	142.561.900	1.425.619.000.000	28,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

31. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.016
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
	543.092.845.095	543.092.845.095

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường - Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt Kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạm cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	76.799.609.310	81.659.578.836
Trong vòng hai đến năm năm	199.041.377.827	183.973.361.491
Sau năm năm	486.768.463.583	451.057.105.393
	762.609.450.720	716.690.045.720

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.102.109	214.174.589.504	5.544.215	125.741.402.737
EUR	101.106	2.499.499.877	101.038	2.565.581.147
		216.674.089.381		128.306.983.884

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		13.182.259.559	13.182.259.559
			23.596.431.002	23.596.431.002

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	43.100.000.000	100.393.500.740
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	257.319.855.234	261.069.288.860
	300.419.855.234	361.462.789.600

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
Bán hàng	17.612.384.367.136	15.380.761.448.401
Cung cấp dịch vụ và gia công	568.960.010.262	539.906.972.116
Bán và cho thuê bất động sản	115.871.918.433	112.253.003.396
	18.297.216.295.831	16.032.921.423.913
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(17.797.710.709)	(13.633.203.854)
Giảm giá hàng bán	(2.733.452.568)	(2.127.605.623)
Hàng bán bị trả lại	(4.137.693.999)	(14.295.554.691)
	(24.668.857.276)	(30.056.364.168)
Doanh thu thuần	18.272.547.438.555	16.002.865.059.745

34. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	15.424.661.161.377	13.302.147.465.574
Hàng tồn kho bị tổn thất do hỏa hoạn (*)	55.456.609.826	-
Dịch vụ đã cung ứng	469.374.292.896	441.001.055.388
Cho thuê bất động sản	87.124.603.601	96.241.025.484
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	253.975.255.168	16.111.041.341
	16.290.591.922.868	13.855.500.587.787

(*) Đây là giá trị hàng tồn kho không thuộc phạm vi bảo hiểm đã bị thiệt hại toàn bộ trong vụ hỏa hoạn xảy ra ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	164.764.984.420	115.419.318.676
Cổ tức được chia	25.885.083.740	13.368.092.200
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	241.009.234.469	121.490.967.074
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.946.608.932	28.539.962.565
Lãi do thanh lý công ty liên kết và công ty khác	64.635.386.165	18.775.642.002
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	9.376.711.314	14.006.405.351
Lãi chậm nộp tiền thuê đất	4.356.147.672	5.123.845.146
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.950.445.102	4.058.035.603
	554.924.601.814	320.782.268.617

36. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	305.941.266.264	238.035.592.428
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	253.397.903.443	43.029.748.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.610.264.508	7.809.570.997
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.655.700.301)	(19.898.455.667)
Chi phí tài chính khác	422.921.266	3.461.403.939
	616.716.655.180	272.437.860.008

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

37. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	48.324.249.435	45.434.708.052
Chi phí công cụ và dụng cụ	5.587.356.192	10.477.922.352
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.141.335.564	10.096.351.081
Chi phí vận chuyển	234.622.741.740	187.716.947.381
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	6.625.654.159	2.274.835.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.692.357.848	104.660.633.188
Chi phí bao bì	21.344.538.610	19.680.205.357
Chi phí hoa hồng	79.415.742.343	57.016.184.777
Chi phí xuất nhập khẩu	33.547.033.962	26.380.109.991
Chi phí bán hàng khác	24.039.885.704	43.520.762.088
	567.340.895.557	507.258.660.057

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
		Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên văn phòng	368.689.780.595	426.652.246.353
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	32.913.965.800	16.905.330.690
Chi phí khấu hao và phân bổ	46.405.119.784	46.617.490.833
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(8.857.828.532)	19.673.817.752
Thuế, phí và lệ phí	41.857.541.936	28.081.833.480
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.345.858.711	97.070.262.767
Tiền thuê đất	85.604.965.285	72.583.956.292
Công tác phí	11.126.573.293	6.655.552.465
Chi phí tiếp khách	12.904.588.734	9.338.268.192
Chi phí dự phòng	41.495.589.923	-
Chi phí khác	89.387.997.074	92.267.311.230
	854.874.152.603	815.846.070.054

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

39. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	16.385.271.993	29.673.170.991
Tiền đến bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	-	33.409.384.500
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	6.149.158.230	7.093.251.517
Thu từ các khoản khác	22.075.276.187	15.164.128.910
	44.609.706.410	85.339.935.918

40. Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	8.799.951.648	15.723.056.592
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	14.657.073.064	687.273.740
Phạt vi phạm thuế	2.855.905.877	3.948.456.869
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.755.345.925	8.363.956.062
Dự phòng tổn thất dự án Phước Long B	-	62.473.188.366
Chi phí dự án không đủ điều kiện được vốn hóa	-	11.378.756.703
Chi các khoản khác	14.768.830.767	12.549.864.225
	46.837.107.281	115.124.552.557

41. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	9.722.359.729.333	8.206.285.536.238
Chi phí nhân viên	3.458.833.789.225	2.805.985.042.462
Chi phí khấu hao	833.252.319.720	854.702.774.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.365.360.023.023	1.790.590.879.942
Chi phí khác	2.035.498.118.456	1.673.894.308.634

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

42. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	142.487.756.977	129.702.997.236
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(2.207.736.989)	606.861.542
	<u>140.280.019.988</u>	<u>130.309.858.778</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(10.925.240.756)	2.267.426.968
Chi phí thuế thu nhập	<u>129.354.779.232</u>	<u>132.577.285.746</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.212.422.167.888	1.419.185.366.308
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	242.484.433.578	283.837.073.262
Ưu đãi thuế	(5.044.590.080)	(8.337.960.690)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(6.226.005.060)	(24.589.889.005)
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.656.630.693	32.169.528.448
Thu nhập không bị tính thuế	(148.517.247.668)	(117.946.784.938)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.012.912.537)	(21.077.316.275)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế của năm hiện hành	44.268.883.127	11.748.683.012
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(46.675.832)	(23.832.909.610)
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(2.207.736.989)	606.861.542
	<u>129.354.779.232</u>	<u>132.577.285.746</u>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

43. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	2022	2021
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	587.345.236.872	784.457.161.764
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(20.957.000.000)	(18.810.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	<u>566.388.236.872</u>	<u>765.647.161.764</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	<u>1.133</u>	<u>1.531</u>

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần hợp nhất của năm 2022 dựa trên ước tính của Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm 2022.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	2022	2021
		Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	566.388.236.872	765.647.161.764
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 31)	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	1.022	1.381

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

44. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	1.046.332.800	1.047.332.800
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	441.246.908.435	489.442.971.696
Mua hàng hóa và dịch vụ	217.221.702.943	248.790.137.261
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.767.602.392	2.508.229.393
Mua hàng hóa và dịch vụ	187.877.456	43.825.268
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	557.862.470	409.664.913
Mua hàng hóa và dịch vụ	103.409.091	-
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.007.528.022	745.957.562
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.644.321.836	7.976.157.902
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.693.379.903	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.188.573.887	2.229.039.999
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.134.050.899	28.304.417.043
Mua hàng hóa và dịch vụ	109.411.290.781	127.105.185.624
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu nhập tiền lãi	2.615.123.287	8.593.854.791
Thu hồi gốc cho vay	75.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	11.458.800	15.230.600

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.131.200.198	1.327.967.776
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.428.986.872	56.109.803.069
Khoản cho vay trong năm	7.028.580.000	-
Thu nhập từ lãi cho vay	642.135.599	-
Bán tài sản cố định	229.492.494	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định		
Khoản cho vay	-	4.900.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	3.000.000.000	8.400.000.000
Thu nhập lãi vay	81.196.908	326.662.274
Bán hàng hóa	1.248.482.366	1.376.026.495
Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.449.207.826	2.436.651.522
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.771.363.500	74.700.384
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	467.379.207	531.135.748
Mua hàng hóa	108.394.147.998	74.639.037.251
Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	128.936.311.070	130.737.390.680

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	100.000.000	103.600.000
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Doanh thu bán hàng hóa	126.615.000	1.271.208.747
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	25.550.000	168.988.659
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	42.036.749.627	30.607.859.319
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.353.401.207	59.809.170.886
Lãi tiền thuê tài sản	5.045.491.030	2.780.776.065
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	233.182.326.038	166.828.609.850
Mua hàng hóa và dịch vụ	131.874.567.896	83.458.116.519
Thu nhập lãi trả chậm	2.143.533.261	3.853.974.131
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	70.000.000	22.775.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Tiến Trường - Chủ tịch	1.516.284.000	1.302.200.000
Ông Trần Quang Nghị - Phó Chủ tịch	224.000.000	217.304.000
Ông Đặng Vũ Hùng - Ủy viên	148.000.000	864.500.000
Ông Vũ Hồng Tuấn - Ủy viên	528.000.000	710.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông - Ủy viên	148.000.000	54.000.000
Ông Lê Khắc Hiệp - Ủy viên	-	54.000.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Ông Cao Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc	1.408.772.000	1.046.275.000
Những người quản lý khác	5.602.723.000	4.848.345.000
Ban Kiểm soát		
Các thành viên Ban kiểm soát khác	1.144.242.000	931.868.000

45. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022 VND	2021 VND
Tăng khoản vay tương ứng với tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	22.150.542.588	54.619.003.091

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

46. Thông tin so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khi lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến Dự án Xây dựng Khu Hồn hợp Dân cư Thăng Lợi tại địa chỉ số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, như sau:

- Ghi nhận một số chi phí đang được bao gồm trong tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn nhưng chưa đủ điều kiện vốn hóa vào chi phí của năm phát sinh tương ứng với giá trị là 150.004 triệu VND (Thuyết minh 16); và
- Ghi nhận tăng chi phí thuê đất của năm 2021 theo hệ số được Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh xác định và khoản phải trả tiền thuê đất tương ứng.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2022	Điều chỉnh hồi tố VND	1/1/2022
	Theo báo cáo trước đây VND		Đã điều chỉnh lại VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	215.340.985.983	(150.003.739.040)	65.337.246.943
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	91.218.004.496	37.305.220.933	128.523.225.429
LNST chưa phân phối	1.420.086.729.206	(93.841.788.946)	1.326.244.940.260
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	616.939.651.755	(75.151.873.259)	541.787.778.496
LNST chưa phân phối năm nay	803.147.077.451	(18.689.915.687)	784.457.161.764
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.290.000.223.077	(93.467.171.027)	2.196.533.052.050

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

	2021		2021	
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	778.540.849.121	37.305.220.933	815.846.070.054	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.323.913.301.495	(37.305.220.933)	1.286.608.080.562	
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ	803.147.077.451	(18.689.915.687)	784.457.161.764	
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	520.766.224.044	(18.615.305.246)	502.150.918.798	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.569	(38)	1.531	
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.415	(34)	1.381	

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2021		2021	
	Theo báo cáo trước đây VND	Điều chỉnh hồi tố VND	Đã điều chỉnh lại VND	
Lợi nhuận trước thuế	1.456.490.587.241	(37.305.220.933)	1.419.185.366.308	
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	968.078.760.713	37.305.220.933	1.005.383.981.646	

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

❖ BÁO CÁO TÀI CHÍNH - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022 ❖

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đồng Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đồng Phương	100%	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	56,54%	56,54%	73.657.321.350	73.657.321.350	3.461.864.000	3.461.864.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	47,56%	47,56%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	33,52%	33,52%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	50,56%	50,56%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	61,87%	61,87%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	46,08%	46,08%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len - Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
9	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	45,09%	45,09%	90%	90%	220.050.000.000	220.050.000.000	-	-
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
11	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
12	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-	-

160 | TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM - VINATEX

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
1	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
2	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
3	Công ty Cổ phần May Halotexco	30,88%	30,88%	53,64%	53,64%	5.107.360.406	3.755.000.000	-	-
4	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
5	Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
6	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	31,24%	53,23%	54,26%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
7	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,19%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần (i)	26,37%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,21%	35,21%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	34.766.360.000	34.766.360.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,70%	25,70%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
	Công ty Cổ phần May Chiến Thắng (ii)	-	21,99%	-	6.120.000.000
8	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
9	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
10	Công ty Cổ phần May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
11	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
12	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
13	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
14	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
15	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	33,82%	33,82%	102.273.980.000	102.273.980.000
16	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina (i)	30,00%	40,33%	85.443.720.435	85.443.720.435
17	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương (i)	30,60%	30,66%	95.877.720.000	95.877.720.000
18	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	42,40%	44,52%	37.275.000.000	37.275.000.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		31/12/2022	1/1/2022	31/12/2022	1/1/2022
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
19	Công ty Cổ phần May 1 Dệt Nam Định	19,32%	19,32%	2.700.000.000	2.700.000.000
20	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
21	Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	19,32%	19,32%	1.980.000.000	1.980.000.000
22	Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội					
23	Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
24	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	12,37%	12,99%	4.000.000.000	4.000.000.000
25	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	19,88%	20,88%	6.428.000.000	6.428.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
26	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	80.347.424.000	80.347.424.000
27	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
28	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
29	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	22,05%	22,05%	144.586.200.608	144.586.200.608
30	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	18,03%	18,03%	21.724.480.000	21.724.480.000
31	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	15,20%	15,20%	56.143.750.000	56.143.750.000
32	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708

(i) Trong năm, Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần, Công ty Cổ phần Dệt may Viễn thông Sài Gòn Vina và Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương đã tăng vốn góp từ bên thứ ba, qua đó làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong các Công ty này.

(ii) Trong năm, Tập đoàn đã thoái toàn bộ vốn ở Công ty Cổ phần May Chiến Thắng.



TỔNG GIÁM ĐỐC



Cao Hữu Hiếu

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM

Vietnam National Textile and Garment Group

Tòa nhà Leadvisors Place - 41A Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

(+84-24) 38257700 (+84-24) 38262269 www.vinatex.com.vn